

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN
TẬP I

3K . 3K1 (AIII)

CLQG - 2000

1982

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN
TẬP I

Mã số: $\frac{3K . 3K1 (VIII)}{CTQG - 2000}$

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC KẠN

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
TỈNH BẮC KẠN

TẬP I

Tham gia biên soạn :

- Giáo sư LÊ MẠU HÂN (Chủ biên)

- Tiến sĩ VŨ NHƯ KHÔI

- Tiến sĩ LÂM BÀ NAM

Tư liệu:

Phòng lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2000

Chỉ đạo nội dung:
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BẮC KẠN

Chỉ đạo biên soạn:

- HÀ VĂN PHỤNG Bí thư Tỉnh uỷ: Trưởng ban
- ĐỒNG VĂN CHÈ Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh
uỷ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh
uỷ: Phó ban
- NÔNG VĂN THỤ Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh
uỷ, Trưởng ban Tổ chức: Uỷ
viên
- LÈNG VĂN TÝ Tỉnh uỷ viên, Trưởng ban Dân
vận: Uỷ viên

Tham gia biên soạn :

- Giáo sư LÊ MẬU HÃN (Chủ biên)
- Tiến sĩ VŨ NHƯ KHÔI
- Tiến sĩ LÂM BÁ NAM

Tư liệu:

Phòng lịch sử Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bắc Kạn là tỉnh miền núi phía bắc có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống; có hồ Ba Bể là danh lam thắng cảnh nổi tiếng của nước ta; là tỉnh có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhân dân các dân tộc ở Bắc Kạn có truyền thống yêu nước nồng nàn, đấu tranh bất khuất, lao động cần cù và sáng tạo. Từ khi có Đảng lãnh đạo, truyền thống đó của đồng bào các dân tộc ở Bắc Kạn được nâng lên tầm cao mới, chất lượng mới, viết nên những trang sử rất vẻ vang.

Thấm nhuần và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bồi dưỡng giáo dục cách mạng cho đời sau là một việc làm quan trọng và rất cần thiết". Tỉnh uỷ Bắc Kạn đã chỉ đạo biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn*, tập 1 để góp phần giáo dục, bồi đắp truyền thống và lòng yêu quê hương, đất nước cho đồng bào các dân tộc tỉnh nhà, đặc biệt là cho thế hệ trẻ.

Cuốn sách giúp người đọc thấy được bức tranh toàn cảnh sinh động, những truyền thống tốt đẹp, tinh thần anh dũng, kiên cường của nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ Bắc Kạn và các cơ sở Đảng ở Bắc Kạn trong các giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (tháng 7 - 1945), giữ

chính quyền và chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1949), xây dựng hậu phương góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi (1949 - 1954), xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 - 1975), và từ thực tiễn lịch sử, các tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu của quá trình đấu tranh cách mạng, nhất là từ khi Đảng ra đời tới khi thống nhất đất nước, qua đó nâng cao niềm tự hào, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu, lý tưởng mà Đảng và Bác Hồ đã vạch ra, xây dựng Bắc Kạn thành một tỉnh giàu đẹp, văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Tháng 12 năm 2000

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI TỰA

Bắc Kạn là một tỉnh vùng núi của miền đông bắc Bắc Bộ, có một vị trí quan trọng nằm giữa trung tâm căn cứ địa Việt Bắc.

Từ thời xa xưa, đồng bào các dân tộc Bắc Kạn vốn có tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Từ khi Đảng ta mang ánh sáng của cách mạng đến, đông đảo nhân dân các dân tộc đã tham gia Mặt trận Việt Minh, cùng toàn dân chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, đã trở thành một trong sáu tỉnh của khu Giải Phóng, tiếp đó hăng hái chiến đấu góp phần vào thắng lợi của 30 năm kháng chiến chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Đáng nêu lên là sự thành lập chi bộ đầu tiên vào cuối năm 1943, là sự phát triển hùng dũng của phong trào Nam tiến, mở ra con đường quân chúng nối liền tỉnh Cao Bằng với tỉnh Thái Nguyên, vùng núi thì vượt qua dãy Phja Bjoóc, vùng đồng bằng thì qua Phủ Thông và Chợ Rã. Trong cao trào kháng Nhật cứu nước, Bắc

Kạn là tỉnh đầu tiên đã thành lập chính quyền cách mạng cấp châu: Ủy ban nhân dân huyện ở châu Chợ Rã vào 30 tháng 3 năm 1945. Từ tháng 3 đến tháng 8, Bắc Kạn đã thành lập chính quyền cách mạng ở hầu hết các xã trong tỉnh. Cũng vào tháng 5 năm 1945, Bắc Kạn đã có vinh dự đón Bác Hồ từ Cao Bằng đi về theo con đường Nam tiến cho đến Tân Trào - Thủ đô của khu Giải Phóng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Bắc Kạn lại có vinh dự là tỉnh đầu tiên được giải phóng (9-8-1949). Nhiều địa danh Bắc Kạn gắn liền với các chiến công của Quân đội nhân dân và các dân tộc như: Phủ Thông, Đèo Giàng, Nà Tu, Nghĩa Tá.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, đồng bào các dân tộc ở Bắc Kạn ra sức xây dựng địa phương, tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn, kể cả trong những năm tháng hợp nhất với Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái.

Từ những ngày hòa bình, tỉnh Bắc Kạn được tái lập, Đảng bộ và nhân dân càng có khí thế vươn lên, tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, hoàn thành vượt mức những mục tiêu kinh tế, văn hóa và xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đề ra. Đời sống mọi mặt của đồng

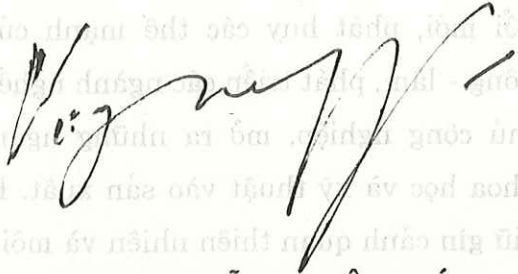
bào trong tỉnh đã được cải thiện và nâng cao một bước. Tuy nhiên, cho đến nay, Bắc Kạn vẫn còn là một tỉnh nghèo.

Mong Đảng bộ và đồng bào các dân tộc tỉnh nhà nỗ lực hơn nữa, phát huy nghị lực sáng tạo trong công cuộc đổi mới, phát huy các thế mạnh của địa phương về nông - lâm, phát triển các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, mở ra những ngành nghề mới đưa khoa học và kỹ thuật vào sản xuất. Đặc biệt coi trọng giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái, như ở vùng hồ Ba Bể hoặc trên triền núi Phja Bjoóc, xây dựng thành những khu du lịch, những vùng du lịch, con đường du lịch, thu hút du khách trong nước và quốc tế. Chú trọng làm thật tốt chủ trương xóa đói giảm nghèo. Phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn như điện, đường, trường, trạm, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Thực hiện đúng đắn chính sách đối với các cơ sở cách mạng, các gia đình có công với nước. Hết sức coi trọng giáo dục và y tế, đào tạo cán bộ người dân tộc. Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Làm thật tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ra sức xây dựng tỉnh Bắc Kạn thành một tỉnh giàu mạnh, văn minh, tiến bộ, nhân dân các dân tộc ấm no

hạnh phúc, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của căn
cứ địa cách mạng Việt Bắc, thực hiện được mong muốn của
Bác Hồ "làm cho miền núi sớm tiến kịp miền xuôi".

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2000



Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

LỜI GIỚI THIỆU

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn đã sớm giác ngộ cách mạng, đoàn kết một lòng, kiên trì và anh dũng phấn đấu, liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương. Những thắng lợi ấy góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng rất vẻ vang của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam.

Để tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, góp phần nâng cao nhận thức về mặt tư tưởng, đồng thời giáo dục lý tưởng cách mạng cho các thế hệ hiện tại và mai sau, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã trực tiếp chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ tiến hành nghiên cứu, sưu tầm và tổ chức biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập I*. Cuốn sách này trình bày toàn diện về quá trình từ trước sự ra đời, quá trình thành lập, xây dựng, đấu tranh, trưởng thành và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đối với phong trào cách mạng của quần

chúng nhân dân trong tỉnh, rút ra những kinh nghiệm trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo phong trào quần chúng nhân dân làm cách mạng trong các thời kỳ lịch sử.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu các cấp uỷ Đảng, hệ thống các trường học của tỉnh, các đoàn thể quần chúng thông qua việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc ôn lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ tỉnh, củng cố hơn nữa niềm tự hào và lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy hơn nữa truyền thống yêu nước và cách mạng, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong giai đoạn mới là đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hiện tốt cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống; tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn, kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội.

Cuốn sách kế thừa kết quả nghiên cứu của hai tập *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái* đã xuất bản trước đây và một số công trình nghiên cứu khác; được sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan nghiên cứu lịch sử đảng, các cơ quan lưu trữ ở Trung ương và các tỉnh bạn; ý kiến đóng góp của các bậc lão thành cách mạng. Với tinh thần làm việc khẩn trương, khoa học và nghiêm túc của nhóm biên soạn, việc biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc*

Kạn, tập I, đến nay đã hoàn thành.

Tuy nhiên do khó khăn về nhiều mặt nên việc biên soạn cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi chỉ coi đây như là một cuốn sơ thảo. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập tỉnh Bắc Kạn (11-4-1900 - 11-4-2000) và chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Kạn trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc tỉnh nhà cùng bạn đọc gần xa cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập I*, và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc trong và ngoài tỉnh để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Bí thư

HÀ VĂN PHỤNG

Khoa cấp 1 đến nay đã hoàn thành.

Tuy nhiên do khó khăn về nhân lực nên việc biên soạn cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Chính lời chỉ coi đây như là một cuốn sơ thảo. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập tỉnh Bắc Kỳ (11-4-1900 - 11-4-2000) và chào mừng Đại hội toàn Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kỳ trân trọng giới thiệu với cán bộ, đảng viên, nhân dân các tầng lớp tỉnh nhà công tác học tập và nghiên cứu, kính đề nghị Bắc Kỳ cấp 1 và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc trong và ngoài tỉnh để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

TWM THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BIÊN

HÀ VĂN PHỤNG

PHẦN MỞ ĐẦU

**BẮC KẠN, CẢNH QUAN, CƯ DÂN
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ**

PHẦN MỞ ĐẦU

BẮC KẠN, CẢNH QUAN, CU DÂN
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, HÀNH CHÍNH

Bắc Kạn là một trong những tỉnh miền núi, nằm giữa trung tâm căn cứ địa Việt Bắc, phía bắc giáp Cao Bằng, nam giáp Thái Nguyên, đông giáp Lạng Sơn, tây giáp Tuyên Quang, một góc tây bắc gần kề với Hà Giang.

Vào thời đại các vua Hùng dựng nước, Bắc Kạn thuộc bộ Vũ Định (một trong 15 bộ của nước Văn Lang). Dưới thời thuộc Đường nơi đây là đất châu Võ Nga. Từ thời Lý, khi ông cha ta bắt đầu xây dựng và phát triển nhà nước phong kiến trung ương tập quyền, Bắc Kạn thuộc châu Thái Nguyên, rồi châu Vũ Lạc, và sau đó là trấn Thái Nguyên đời Trần. Trong buổi đầu thời Lê, đây là vùng đất thuộc Bắc đạo¹. Năm Quang Thuận thứ 7(1466) đất Bắc Kạn thuộc Thái Nguyên Thừa tuyên, rồi Ninh Sóc Thừa tuyên (năm Quang Thuận thứ 10(1469). Năm Hồng Đức thứ 21(1490) phủ Thông Hoá

1. Bắc đạo dưới thời Lê Thái Tổ gồm: Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

(gồm huyện Cẩm Hoá và châu Bạch Thông)¹ thuộc xứ Thái Nguyên đất Bắc Kạn.

Dưới thời Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 12(1831), trấn Thái Nguyên đổi thành tỉnh, Bắc Kạn về cơ bản vẫn là đất phủ Thông Hoá, tỉnh Thái Nguyên².

Sau khi đánh chiếm và áp đặt bộ máy cai trị trên địa phận Thái Nguyên, thực dân Pháp đã nhiều lần thay đổi đơn vị hành chính. Theo Nghị định ngày 20-8-1891 và Nghị định ngày 9-9-1891, của Toàn quyền Đông Dương, địa bàn Bắc Kạn thuộc hai đạo quan binh: phần phía đông và nam thuộc Tiểu quân khu Thái Nguyên, Đạo quan binh 1 và phần phía bắc thuộc Tiểu quân khu Lạng Sơn, Đạo quan binh 2. Ngày 11 tháng 4 năm 1900, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định lấy phần đất thuộc phủ Thông Hoá thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hoá (sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hoá (sau đổi thành Ngân Sơn). Tiếp

1. Theo *Đại Nam thống nhất chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, t.IV, tr. 146) thì xứ Thái Nguyên thời Hồng Đức gồm ba phủ là Phú Bình, Thông Hoá, Cao Bằng. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú phần Dư địa chí, huyện Cẩm Hoá có 44 xã và châu Bạch Thông có 63 xã.

2. Châu Bạch Thông (nay là đất các huyện Bạch Thông, Chợ Đồn và huyện Chợ Rã (tức huyện Ba Bể); huyện Cẩm Hoá (nay thuộc địa phận các huyện Na Rì, Ngân Sơn, vùng Phủ Thông của huyện Bạch Thông).

theo đó ngày 25-6-1901, Toàn quyền Đông Dương lại ra nghị định tách tổng Yên Đình thuộc huyện Phú Lương (Thái Nguyên) nhập vào châu Bạch Thông(Bắc Kạn). Năm 1916, theo nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ, một số tổng của châu Bạch Thông, Chợ Rã và tổng An Biện Thượng thuộc Định Hoá (Thái Nguyên) tách ra lập thành châu Chợ Đồn. Vào thời gian đó, Bắc Kạn có 5 châu, 20 tổng và 103 xã. Tháng 7-1901, thị xã Bắc Kạn đồng thời là tỉnh lỵ và châu lỵ châu Bạch Thông được thành lập¹.

Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ra Quyết định số 103-NQ - TVQH thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Ngày 14-4-1967, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 50-CP đặt thị xã Bắc Kạn thành thị trấn Bắc Kạn trực thuộc huyện Bạch Thông. Tiếp theo đó, ngày 29-12-1978, kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá VI nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết nghị phân định địa giới giữa Bắc Thái và Cao Bằng, tách 2 huyện Ngân Sơn và Chợ Rã thuộc tỉnh Bắc Thái nhập vào tỉnh Cao Bằng.

1. Tỉnh Bắc Kạn có 5 châu là: Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn. Châu Chợ Đồn thành lập muộn hơn. *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Đồn (1930 - 1954)* xuất bản năm 1993 ghi năm thành lập là 1911; *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)* xuất bản năm 1996 ghi năm 1916.

Để đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân các dân tộc và yêu cầu sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngày 6-11-1996, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn được tái lập¹. Các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Chợ Rã) được tái nhập lại. Tháng 8-1998, thành lập thêm huyện Chợ Mới.

Mặc dù có không ít những thay đổi về địa dư hành chính nhưng Bắc Kạn vẫn là một địa bàn được gắn kết bởi quá trình lịch sử văn hoá trên nền tảng cảnh quan địa lý với các sắc thái độc đáo và đa dạng.

II. CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

Là tỉnh miền núi, địa hình Bắc Kạn mang những đặc trưng chung của khu vực miền núi phía bắc. Đây là vùng có môi trường tự nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và ít nhiều dấu hiệu chuyển tiếp từ tự nhiên nhiệt đới sang á nhiệt đới².

Đặc điểm nổi bật nhất của khu vực này là cấu tạo

1. Năm 1901, thị xã Bắc Kạn được thành lập và là tỉnh lỵ Bắc Kạn, và từ năm 1997, thị xã Bắc Kạn trở lại là tỉnh lỵ Bắc Kạn.

2. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội, 1992, tr. 14.

địa hình dạng cánh cung. Các cánh cung đều tụ lại ở dãy Tam Đảo và mở ra về phía bắc và đông bắc, được hình thành bởi những dải núi, khối núi. Trong bức tranh chung của kiểu cảnh quan địa lý này, Bắc Kạn hiện ra bởi hai cánh cung Ngân Sơn, sông Gâm. Cánh cung Ngân Sơn trải dài gần 100 km từ nam Cao Bằng đến đông Phú Lương với nhiều khối núi lớn, có độ cao trung bình dưới 1000m, một số ngọn núi cao trên 1000m như Cốc Sỏi (Na Rì) 1200m. Dải hữu ngạn cánh cung sông Gâm trải dài từ Chợ Rã đến tây Định Hoá theo hướng tây bắc - đông nam với nhiều ngọn núi cao, quanh năm mây mù che phủ. Dãy Phja Bjoóc hùng vĩ như một trường thành qua ba huyện Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, trong đó có ngọn Phia Lặng cao 1527 mét. Trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám dãy Phja Bjoóc được đặt tên là núi Cứu Quốc¹. Xen vào giữa những cánh cung là những dải trũng rộng với các dòng sông, tạo nên các bãi bồi, thêm đất xếp tầng thành dãy song song với lòng sông có khả năng khai thác nông nghiệp. Bắc Kạn là khu vực thượng nguồn của sông Cầu - dòng sông lớn nhất tỉnh. Sông Cầu bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn, chảy

1. Đại Nam nhất thống chí, phần tỉnh Thái Nguyên, sdd, có nói về núi Khâu Hoắc huyện Cẩm Hoá "cao vót lên trời, thường có mây mù dày đặc, là danh sơn trong tỉnh, trên núi có hồ lớn. Năm Tự Đức thứ 3 liệt vào hàng danh sơn, chép trong điển thờ". Cũng sách trên có nhắc đến các núi Linh Quang, núi Bầu, Cổ Lân Đầu (huyện Cẩm Hoá); các núi Yên Đình, Yên Hán, Phương Viên, Đèo Đá, Đèo Hán (huyện Bạch Thông).

qua tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang rồi hợp với sông Thương và sông Lục Nam, tạo nên hệ thống sông Thái Bình. Theo các sử gia triều Nguyễn trong *Đại Nam nhất thống chí*, sông Cầu (sông Đồng Mỗ) có hai nguồn nước, một từ các sơn phận Phương Viên và Yên Đĩnh thuộc châu Bạch Thông chảy theo hướng đông nam, một nguồn từ sơn phận hai xã Vị Hương và Phương Linh, huyện Cẩm Hoá chảy về phía đông nam, hợp nhau ở phía đông huyện Cẩm Hoá. Ngoài ra, Bắc Kạn còn có các sông Bắc Giang, sông Năng, thượng nguồn sông Đáy và nhiều suối khác. Mạng lưới sông suối này là nguồn cung cấp nước dồi dào phục vụ phát triển nông, lâm, công nghiệp, đồng thời còn là hệ thống giao thông vận tải quan trọng và nguồn tiềm năng thuỷ điện phong phú.

Quốc lộ số 3 là con đường giao thông huyết mạch nối liền Bắc Kạn với các địa phương khác trong khu vực. Từ đây có thể ngược lên phía bắc đến Cao Bằng, xuôi phía nam đến Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội... Ngoài ra còn có Quốc lộ 279 và hệ thống đường giao thông liên huyện, tạo thành mạng lưới giao thông phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - văn hoá của nhân dân các dân tộc.

Do vận động kiến tạo địa chất, thiên nhiên hào phóng đã tạo nên vùng đất Bắc Kạn với những kỳ quan thiên nhiên độc đáo. Hồ Ba Bể rộng 450 ha là một danh thắng độc đáo. Hồ và vườn Quốc gia Ba Bể là di sản thiên nhiên quý giá. Ở đây có hệ thống rừng nguyên

sinh trên núi đá vôi, có tới 417 loài thực vật, 299 loài động vật có xương sống. Nhiều loài động vật quý hiếm vẫn còn giữ được như phượng hoàng đất, gà lôi, voọc mũi hếch. Trong hồ có 49 loài cá nước ngọt, trong đó có một số loài quý như cá chép kính, cá rầm xanh, cá chiên, v.v.. Hồ Ba Bể từng được các sử gia triều Nguyễn ghi nhận: "Các bể đều có núi đất đá bao bọc, cạnh bể có dân cư, nước đá xen nhau, cây cối um tùm, trong bể thì núi mọc lô nhô, ẩn hiện trong làn sóng, lúc gió lặng sóng êm, thuyền chài bơi lội tứ tung, phong cảnh tuyệt đẹp (...). Năm Tự Đức thứ 3(1850) liệt vào hàng sông lớn (hồ) chép trong điển thờ"¹. Có thể nói, hồ và vườn Quốc gia Ba Bể không những có giá trị trong nghiên cứu khoa học, bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá mà còn có tiềm năng to lớn về du lịch, đóng vai trò điều tiết nước, cải tạo khí hậu, cung cấp thủy sản, phát triển giao thông thủy lợi...

Trong bài minh khắc trên chuông chùa thuộc Vi Hương (Bạch Thông) đã ghi nhận phong cảnh nên thơ và hùng vĩ của Bắc Kạn:

"Thế đất đứng nguy nga

Sương khói quyện chiều tà

Núi trập trùng xếp gập

Sông uốn dòng xa xa".

1. Đại Nam nhất thống chí, sdd, tr. 161, 162.

Là địa bàn vùng cao ở trung tâm vùng núi phía đông Bắc Bộ, lại có địa hình dạng cánh cung mở ra đón hướng gió nên Bắc Kạn nói riêng và vùng núi Việt Bắc nói chung là nơi tiếp nhận sớm nhất và chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của gió mùa đông bắc ở nước ta. Thêm vào đó là sự chi phối của vùng núi cao nên ở đây yếu tố á nhiệt đới núi cao có phần trội hơn yếu tố nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình hằng năm (đo được tại trạm Bắc Kạn, ở độ cao 175m) là 22°C, tháng nóng nhất là 28°C (tháng 7), tháng lạnh nhất là 14°C (tháng 1)¹.

Mùa nóng bắt đầu từ tháng 4 cho đến tháng 9, trong mùa trời nắng gắt, độ dài ngày lớn, lượng mưa tập trung từ 80 - 90% tổng lượng mưa cả năm, kéo theo sự dư thừa độ ẩm, thậm chí gây ra úng, lụt. Tổng lượng mưa hàng năm dao động trên 1.500mm. Năm 1978 là 1.608mm (trong đó từ tháng 4 đến tháng 10 là 1.466mm); từ năm 1991 - 1996, trung bình lượng mưa hàng năm là 1507,8mm. Trong mùa lạnh, lượng mưa ít, thời tiết hanh khô, có sương muối. Chỉ số khô hạn trong tháng 1 là 4,3, cao nhất khu vực Việt Bắc - Đông Bắc².

1. Các số liệu trên đây theo Niên giám thống kê 1991 - 1996 của Chi cục Thống kê Bắc Kạn, có tham khảo Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc: *Khí hậu Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 1978.

2. Chỉ số khô hạn $K=E/R$ dùng để đánh giá độ ẩm từng vùng. Nếu $K=1,1$ là độ thích hợp, từ 1,2 - 2,3 là hơi khô, từ 2,4 - 3,4 là rất khô.



Một góc hồ Ba Bể, một danh lam thắng cảnh
của tỉnh Bắc Kạn

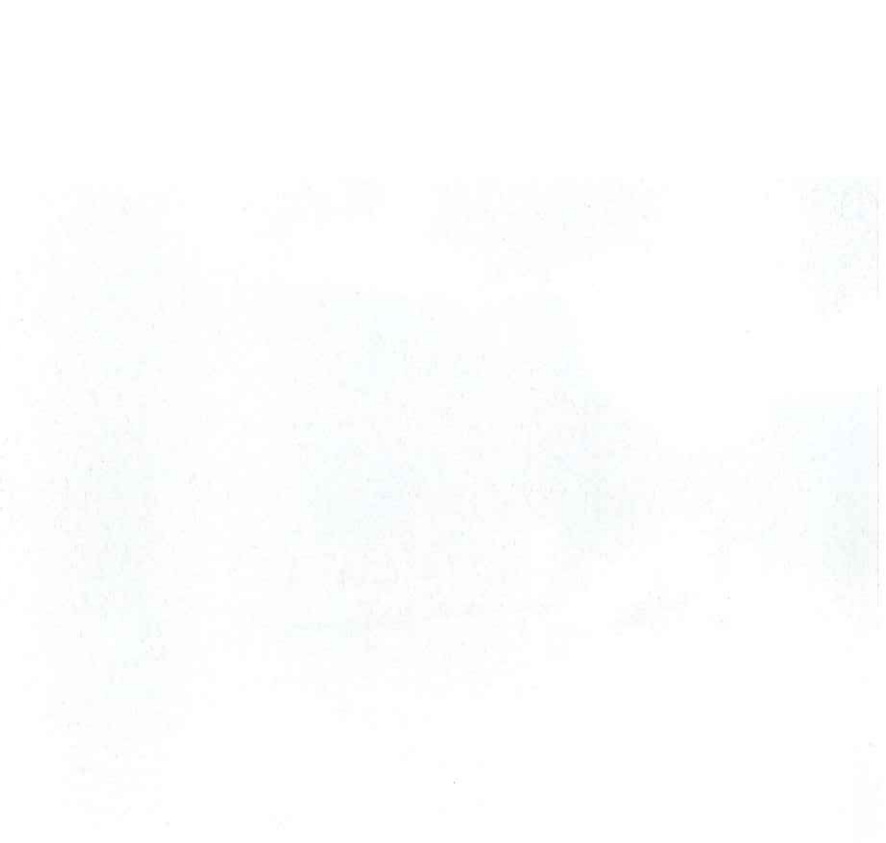


Figure 1. A map of the study area showing the location of the study sites and the surrounding geographical features.

The study was conducted in a region characterized by diverse topography and climate. The terrain is primarily hilly, with elevations ranging from approximately 100 meters to over 1000 meters above sea level. The climate is semi-arid, with annual rainfall averaging around 400 mm, concentrated in the winter months. The vegetation is predominantly scrubland and grasslands, with some areas of forest cover. The study sites were selected based on their geographical diversity and the presence of various plant species. The data collected from these sites will be used to analyze the impact of environmental factors on plant growth and distribution.

Có thể thấy bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, địa hình núi cao và những đặc điểm khí hậu khắc nghiệt là một trong những thử thách đối với nhân dân các dân tộc ở Bắc Kạn trong quá trình từng bước chế ngự thiên nhiên, tạo dựng cuộc sống.

Là một trong những tỉnh miền núi với những quần sơn đá vôi, trong tổng diện tích 4795,54 km², chỉ có 6% dành cho đất nông nghiệp. Đất đồi rừng ở Bắc Kạn chiếm 80% diện tích, trong đó diện tích có rừng là 133.000ha với độ che phủ 50% (số liệu năm 2000). Ở Bắc Kạn, đất feralit chiếm tỷ lệ đáng kể, bao gồm: feralit màu vàng nhạt trên núi cao thích hợp cho việc phát triển lâm nghiệp; feralit màu đỏ nâu trên vùng núi đá vôi có khả năng trồng hoa màu cây công nghiệp; feralit màu vàng có khả năng trồng các loại cây lương thực. Ngoài ra còn có loại đất phù sa ven sông thích hợp với việc trồng lúa.

Thảm thực vật ở Bắc Kạn khá phong phú và đa dạng. Ở đây có nhiều loại gỗ quý, mà nhân dân địa phương đã tổng kết: "3000 năm gỗ kỳ nam, 500 năm gỗ lát", "Nhất rôm, nhị rào, tam sao, tứ khê (dổi, chò, sao, de)". Rừng Bắc Kạn có trữ lượng lớn các loại gỗ quý, cũng như các loại song, mây, tre, trúc, nứa, vầu; các loại đặc sản như sa nhân, nấm hương, mật ong. Đó là chưa kể các loại cây trồng truyền thống nổi tiếng như lê Ngân Sơn, hồng Chợ Đồn, cam Bản Tàu, chè Bản Hậu... Rừng

Bắc Kạn có nhiều loại thú quý như hổ, báo, hươu, nai, gấu, khỉ, lợn rừng; các loại gà gô, gà lôi từng được ghi chép trong *Đại Nam nhất thống chí*¹.

Trong lòng đất Bắc Kạn có khoáng sản dồi dào và đa dạng. Theo sử cũ từ giữa thế kỷ XVIII, riêng vùng châu Bạch Thông và Cẩm Hoá đã có đến hai, ba vạn người Thiều Châu (Trung Quốc) di lại làm mỏ². Nói đến Bắc Kạn, không thể không nhắc đến vàng sa khoáng Ngân Sơn, Na Rì, Bạch Thông; bạc, kẽm, chì, mangan Chợ Đồn, Ngân Sơn. Theo xác định của người Pháp, khoáng sản ở Bắc Kạn trải rộng trên diện tích 3.500ha, với 14 toạ điểm, là nguồn lợi to lớn trong quá trình khai thác thuộc địa³.

Có thể nói, thiên nhiên và môi trường Bắc Kạn đã tạo ra nhiều khả năng kinh tế to lớn và toàn diện, nhưng cũng không ít thách đố do thiên nhiên gây ra. Trong quá trình lịch sử, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã tích lũy được không ít những kinh nghiệm quý giá để

1. Do nạn phá rừng, một số loài thú quý hiếm gần đây hầu như vắng bóng.

2. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, t.I, tr. 123.

3. Theo *Sơ thảo Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn*, bản in rônêo của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Kạn, chỉ tính riêng từ năm 1914 đến 1941, thực dân Pháp đã khai thác ở Bắc Kạn 513.716 tấn quặng kẽm; 1,200 tấn quặng vàng. Riêng năm 1941, chúng đã khai thác 5,5 tấn chì, 180 tấn mangan.

tạo dựng nên truyền thống văn hoá dân tộc. Đó là những tri thức chinh phục thiên nhiên, khai thác các điều kiện tự nhiên phục vụ cho cuộc sống., gắn liền với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ VĂN HOÁ

Địa danh Bắc Kạn mới chính thức xuất hiện trong các văn bản vào thế kỷ XVII. Trên khu vực các dãy núi đá vôi Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm, từ rất sớm đã có con người cư trú. Các di chỉ khảo cổ học phát hiện gần đây như Tống Cổ (Chợ Mới), Bản Thi (Chợ Đồn), Nà Cù (Bạch Thông), Phiềng Chí (Chợ Rã) đã khẳng định dấu vết của con người thời tiền sử trên mảnh đất này. Đặc biệt gần đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện trống đồng ở Sáu Hai và thị xã Bắc Kạn, điều đó góp phần khẳng định quá trình phát triển lâu dài và liên tục của con người trên đất Bắc Kạn trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Ở Bắc Kạn nói riêng và ở miền núi phía bắc nói chung còn lưu lại nhiều truyện cổ và truyền thuyết về nguồn gốc người Tày và quá trình tụ cư trên lãnh thổ Việt Nam như các truyện "Nạn hồng thủy", "Pú lương quân", hay truyện "Tài Ngào", mà huyền thoại hoá gắn liền với móng tay vàng ở vùng hồ Ba Bể hay vết lõm ở Khau Mộ của Tài Ngào. Cây đa trong huyền thoại với 30

cột chống, 90 cành vươn, gắn liền với nhiều địa danh thuộc Bắc Kạn như Bằng Khẩu, Nà Ngần (Ngân Sơn), Phja Dạ (Ba Bể).

Trong các thung lũng hẹp vùng chân núi, những người Tày cổ đã sớm chinh phục tự nhiên khai phá đất đai, trồng lúa nước, cùng với lớp cư dân Việt cổ, tạo dựng nền văn minh đầu tiên trong sự nghiệp dựng nước của dân tộc Việt Nam. Việc thành lập quốc gia Âu Lạc gắn liền với vai trò của Thục Phán An Dương Vương đã tạo nên sắc thái đa dân tộc : Lạc Việt và Âu Việt (cư dân Việt cổ và Tày cổ) là một thực tế lịch sử. Trong thành phần đó có tổ tiên của người Tày ở Bắc Kạn.

Là một trong những tỉnh miền núi, đất rộng, người thưa, dân cư chủ yếu tập trung ở thị trấn, thị xã. Dân số toàn tỉnh năm 1932 là 53.040 người, tăng lên 85.409 người (1948), năm 1965 khi sáp nhập tỉnh là 112.500 người và 280.868 người (2000).

Trong bức tranh của cộng đồng dân cư, ở Bắc Kạn hiện nay có 7 dân tộc bao gồm: Tày, Kinh, Dao, Nùng, Hoa, H'Mông, Sán Chay thuộc các ngữ hệ và các nhóm ngôn ngữ khác nhau¹:

- Ngữ hệ Nam Á với các nhóm: Việt - Mường (Kinh);

1. Không kể một số các tộc người có số lượng ít mới có mặt gần đây ở Bắc Kạn. Về mặt ngôn ngữ, dân tộc Sán Chay thuộc ngữ hệ Thái - Kadai, nhưng người Sán Chỉ lại nói ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Hán - Tạng.

H'Mông - Dao (H'Mông, Dao).

- Ngũ hệ Thái - Kadai (Tày, Nùng).

- Ngũ hệ Hán (Hoa và nhóm Sán Chỉ thuộc dân tộc Sán Chay).

Người Tày chiếm 60% dân số, phân bố hầu khắp các địa bàn trong tỉnh, trong đó chủ yếu tập trung chủ yếu ở vùng thấp, thị trấn, thị xã. Tại vùng thấp, người Tày sống tập trung thành làng bản trong các thung lũng lòng chảo hoặc dọc theo hai bờ sông, suối. Đây là lớp cư dân bản địa ở Việt Nam, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao trong vùng. Ngôn ngữ Tày cùng với tiếng phổ thông đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp giữa các dân tộc trong khu vực.

Người Kinh chiếm 19% dân số, chủ yếu tập trung ở vùng thấp và đô thị. Người Kinh có mặt ở Bắc Kạn vào thời Nam - Bắc triều và được bổ sung vào đầu thế kỷ XX khi thực dân Pháp tiến hành khai thác khoáng sản ở đây. Trong thập kỷ 30 trong số trên 53.000 dân Bắc Kạn chỉ có 3.900 người Kinh. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và đặc biệt từ sau ngày hoà bình lập lại (1954), trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và sự phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Kạn, số lượng người Kinh tăng lên nhanh chóng, làm phong phú thêm bức tranh đa dân tộc ở Bắc Kạn.

Người Nùng có mối quan hệ lịch sử với người Tày. Bộ phận cư dân Nùng thuộc khối Tày cổ nằm trong khối

Bách Việt xưa kia, trải qua quá trình phát triển đã hoà nhập vào cộng đồng Tày, còn những người Nùng hiện nay mới di chuyển đến khu vực miền núi phía bắc Việt Nam, trong đó có Bắc Kạn vào khoảng hơn 200 năm nay, tương tự như lịch sử cư trú của người H'Mông và một bộ phận người Dao¹. Người Nùng cư trú ở vùng thấp xen kẽ với người Tày và người Kinh, trong đó nơi tập trung đông nhất là Na Rì (trên 6.000 người, số liệu điều tra năm 1979).

Người Dao cũng như người H'Mông sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao quanh chân núi, chiếm 9% dân số. Với tập quán du canh, du cư, kinh tế nông nghiệp chủ yếu dựa vào nương rẫy, nên địa vực cư trú của đồng bào thiếu ổn định. Theo các tài liệu thư tịch, một số nhóm Dao đã có mặt khá sớm tại Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì nhưng do thiếu cơ sở kinh tế ổn định nên trong khi các nhóm mới tiếp tục chuyển đến thì các nhóm cư trú trước đó lại chuyển sang các tỉnh lân cận².

Người H'Mông, Sán Chay (nhóm Sán Chỉ) có mặt ở Bắc Kạn muộn hơn với dân số ít.

Theo sử cũ, người Hoa có mặt ở đây khá sớm. *Đại Nam nhất thống chí* ghi: "Chợ Hà Hiệu, chợ Quảng Khê,

1. Xem Viện Dân tộc học: *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, sđd, tr. 48 - 49.

2. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Bắc Thái: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (1930 - 1954)*, 1980, t.I, tr. 17.

chợ Bắc Phấn, chợ Dương Quang (có phố), chợ Yên Đĩnh (phố xá trù mật), người Thanh, người Thổ (tức Tày), người Kinh, người Nùng ở lẫn lộn: đều ở châu Bạch Thông¹. Một bộ phận người Hoa tiếp tục chuyển cư đến Bắc Kạn vào đầu thế kỷ XX.

Lịch sử phát triển của các thành viên trong đại gia đình các dân tộc ở Bắc Kạn nói riêng và ở nước ta nói chung có những đặc điểm riêng. Có những dân tộc mà quá trình phát triển gắn liền với toàn bộ tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, có những tộc người mới chuyển cư đến trong những thế kỷ gần đây do nhiều nguyên nhân khác nhau. Mặc dù vậy, tất cả các tộc người với các sắc thái riêng đã gắn kết với nhau, cùng tạo dựng cuộc sống trên non nước Bắc Kạn. Chính trong quá trình đó nhiều truyền thống quý báu đã được xây dựng vun đắp, nhiều giá trị văn hoá được bảo tồn, giữ gìn từng bước được làm giàu thêm trong sự giao thoa giữa các dân tộc.

Mỗi dân tộc ở Bắc Kạn dù trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau, số lượng nhiều ít khác nhau, nhưng đều có sắc thái văn hoá độc đáo, tạo nên bức tranh văn hoá nhiều màu sắc trên vùng đất này.

Các cư dân ở vùng thấp có nhiều kinh nghiệm trong việc khai thác vùng thung lũng và hệ thống thủy lợi đa dạng với phai, mương, cọn, lốc, lìn, v.v.. Cư dân cư trú ở

1. *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, t.IV, tr. 167.

vùng cao với kỹ thuật khai thác ruộng bậc thang và nương rẫy dốc. Ngoài trồng lúa, đồng bào còn trồng các loại hoa màu lương thực, các loại rau, đậu và nhiều loại cây ăn quả khác như cam, quýt, mận, hồng. Người Tày và người Nùng chăn nuôi gia súc, gia cầm khá phát triển như trâu, bò, ngựa, gà, vịt, ngan, đồng thời một số nơi có tập quán đánh bắt cá trên sông hồ, nuôi cá ruộng...¹.

Các nghề thủ công gia đình khá đa dạng, đáng chú ý là nghề dệt (vải và thổ cẩm). Dệt thổ cẩm của người Tày - Nùng là một trong những nghề truyền thống với trình độ kỹ thuật khá cao, hoa văn trang trí phong phú, mô phỏng các loại hoa lá thiên nhiên gắn gũi với cuộc sống hàng ngày của đồng bào như hoa nhồi (bjóoc phát), hoa lá mía (lài ỏi)... Nam giới thì thành thạo trong đan lát, các nghề mộc dân gian. Ở một số vùng đồng bào còn có nghề rèn, nghề làm gạch ngói như làng Thạch Ngoã ở chân núi Phja Bjóoc.

Hiện nay nhiều nghề thủ công đã bị mai một trước sự phát triển của khoa học công nghệ và sự giao lưu kinh tế, nhưng nhiều ngành nghề như trồng bông dệt vải, làm gạch ngói vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển góp phần phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - văn hoá.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930 - 1954)*, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, xuất bản, 1998, tr. 18.

Trong cộng đồng các dân tộc ở Bắc Kạn, nhiều giá trị văn hoá vật chất vẫn còn bảo lưu: Từ nếp nhà sàn truyền thống đến các bộ trang phục đậm đà sắc thái dân tộc, hàm chứa các giá trị lịch sử, văn hoá. Ở tất cả các dân tộc đều có kho tàng văn hoá dân gian phong phú, từ thành ngữ, tục ngữ đến truyện cổ tích; từ nói ví (rọi) đến các loại hình dân ca. Lễ hội "lồng tồng" (xuống đồng) vào mùa xuân với ý nghĩa cầu mùa là hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian độc đáo. Hội xuống đồng trên các cù lao giữa hồ Ba Bể hay ở Đông Viên (Chợ Đồn), Đào Lâm (Bạch Thông)... nổi tiếng khắp cả vùng Việt Bắc¹. Ngoài các nghi thức cúng thần nông và các vị thần linh cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, đây còn là hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng với nhiều trò chơi dân gian như tung còn, kéo co, đấu vật, múa võ... Trong kho tàng văn hoá dân gian không thể không nhắc đến hát páo dung của người Dao, múa khèn của người H'Mông, hát sli, lượn của người Tày - Nùng trong các lễ hội, chợ phiên hay trong đám cưới. Lượn cọi Tày - Nùng ở Bắc Kạn là viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân gian².

Trải qua quá trình lịch sử cùng sinh sống trên vùng

1. Xem Trần Quốc Vương, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ: *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1976, tr: 166, 167.

2. Xem: Cung Văn Lược, Lê Bích Ngân: *Lượn cọi Tày - Nùng*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1978 và *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, sdd.

đất Bắc Kạn, nhân dân ở đây đã tạo nên những giá trị văn hoá mang đặc trưng dân tộc, đồng thời làm phong phú thêm văn hoá của cộng đồng cư dân. Đó là một trong những cơ sở nảy sinh và tạo dựng truyền thống đoàn kết đấu tranh, kiên cường bất khuất trong quá trình dựng nước và giữ nước.

IV. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Bắc Kạn là một trong những địa bàn được coi là "miền quan yếu" ở phía bắc, theo đánh giá của các sử gia triều Nguyễn, có vị trí rất quan trọng về chính trị - quân sự. Chính vì vậy từ rất sớm các thế hệ cư dân trên vùng đất này đã luôn luôn phải đối mặt với các thế lực xâm lược từ bên ngoài, đồng thời thường xuyên phải đối phó với các thế lực chống phá để bảo vệ bản mệnh, góp phần giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ đất nước và trật tự an ninh xã hội.

Từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên, các bộ lạc Âu Việt đã cùng người Lạc Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tần. Trên miền núi phía bắc, người Âu Việt (tổ tiên của người Tày - Nùng) tổ chức lực lượng đánh du kích trong nhiều năm, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược đầu tiên trong sự nghiệp giữ nước của dân tộc ta. Theo sử cũ vào cuối thế kỷ II trước Công nguyên, nhân khi nhà Hán tiến hành xâm chiếm Nam Việt của nhà Triệu, con cháu của Thục Phán là Tây Vu

Vương đã tập hợp quần chúng nổi dậy. Trong cuộc khởi nghĩa đầu tiên dưới thời Bắc thuộc đã có mặt đông đảo các tầng lớp nhân dân Âu Việt vùng miền núi phía bắc¹.

Mùa xuân năm 40 sau Công nguyên, dưới ngọn cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng, các tộc Man, Lý (tổ tiên của người Tày, Nùng) ở Việt Bắc, trong đó có Bắc Kạn đã nhất tề đứng dậy mà ký ức dân gian vẫn còn ghi nhận².

Trong suốt 10 thế kỷ đau thương dưới sự thống trị của các triều đình phong kiến phương bắc, nhân dân Tày - Nùng đã tham gia lật đổ ách thống trị của nhà Lương thế kỷ thứ VI, thành lập nước Vạn Xuân triều Tiền Lý. Theo sử cũ vào đời Nguyên Hoà (806 - 820) các cuộc nổi dậy của nhân dân Tày, Nùng, Tráng (tức Choang) chống phong kiến nhà Đường đã được cả quan lại, bách binh tích cực hưởng ứng³.

Thế kỷ XI, khi nhà Tống tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, các đạo quân miền núi dưới sự chỉ huy của Dương Tự Minh đã tham gia đánh địch ngay trên đường tiến

1. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, t.I, tr. 32.

2. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985, t.I, tr. 192.

3. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía bắc), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 27.

quân của chúng từ Thái Nguyên tới Phú Lương góp phần to lớn vào thắng lợi chung của dân tộc. Nhiều nơi trên đất Bắc Kạn đã lập đền thờ ghi nhận công lao của vị phò mã tài ba này.

Đầu thế kỷ XV, dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Minh, nhân dân ta đã liên tục nổi dậy. Ngay từ buổi đầu, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Thái Nguyên (gồm cả Bắc Kạn) đã hưởng ứng tích cực trong cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí. Tiếp theo đó, phong trào kháng chiến tiếp tục lan rộng dưới sự chỉ huy của Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Nguyễn Trà, Dương Thế Chân, Ông Lão. Đặc biệt trong thời kỳ này trên địa bàn Thái Nguyên còn có tổ chức nghĩa binh của các tộc thiểu số mang tên "nghĩa binh áo đỏ". Đội quân này hoạt động trong một thời gian dài, dựa vào địa hình hiểm trở của núi rừng Việt Bắc và sau đó mở rộng ra cả vùng Tây Bắc, tiến đánh địch gây cho chúng nhiều tổn thất¹.

Trong những năm 1419 - 1420, nhân dân ta từ dân tộc đa số đến dân tộc thiểu số đã tập hợp đông đảo dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Ngã. Trong vòng vài tháng đội quân đã lên tới trên vạn người và ngày càng được bổ sung. Đây là cuộc khởi nghĩa tập hợp chủ yếu là dân

1. Phan Huy Lê: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1959, t.II, tr. 41.

nghèo nhằm đấu tranh chống ách thống trị của nhà Minh, đồng thời đấu tranh cho quyền lợi của những người nghèo khổ.

Vào thế kỷ XVI, trên đất nước ta diễn ra cuộc giao tranh giữa Nam triều và Bắc triều, trên vùng đất Thái Nguyên (bao gồm cả Bắc Kạn ngày nay) đã trở thành bãi chiến trường của hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Mạc. Vào những năm 90 của thế kỷ XVI, quân Mạc bị quân Trịnh đẩy lùi lên phía bắc. Năm 1596 sau trận giao tranh đẫm máu ở vùng hồ Ba Bể (Chợ Rã), quân Mạc rút lên cố thủ Cao Bằng. Cuộc tranh giành quyền lực này đã làm cho đời sống nhân dân Bắc Kạn vô cùng khổ cực. Trong những thế kỷ tiếp theo khi chế độ phong kiến bước vào suy vong, mâu thuẫn giữa nhân dân ta với giai cấp thống trị càng thêm sâu sắc, các cuộc khởi nghĩa nông dân đã liên tiếp bùng nổ.

Với ý chí quật cường, không chịu khuất phục trước bạo tàn, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã nhanh chóng tham gia trong các cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân, Nông Văn Hoàng, Nông Văn Sĩ, Bế Văn Hoành, Bế Văn Cận, v.v..¹ Các cuộc khởi nghĩa do những người lãnh đạo có tư tưởng phong kiến cát cứ trên đây trong xu thế chung của lịch sử lần lượt bị thất bại, nhưng còn đó là

1. Phan Huy Lê, Chu Thiên, Vương Hoàng Tuyên, Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, t.III, tr. 510.

nhân dân Bắc Kạn.

Vào thập kỷ 70 của thế kỷ XIX, trong khi thực dân Pháp đang mở rộng chiến tranh xâm lược ra Bắc Kỳ thì ở vùng thượng du và trung du Bắc Bộ, trong đó có Bắc Kạn, giặc cướp nổi lên như ong. Năm 1870, tàn quân của phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc do Ngô Côn cầm đầu đã tràn vào Thái Nguyên, quấy nhiễu cướp bóc nhân dân, làm cho đời sống nhân dân các dân tộc càng thêm điêu đứng.

Tiếp theo đó, sau khi đánh chiếm về cơ bản các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, ngày 19 - 3 - 1884, thực dân Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên. Từ đó chúng đánh toả ra các châu huyện trong tỉnh. Trước sự kháng cự mạnh mẽ của nhân dân ta, mấy năm sau chúng mới đặt chân được lên vùng đất Bắc Kạn.

Ngay sau khi thực dân Pháp tiến hành đánh chiếm, dưới sự lãnh đạo của Phùng Bá Chỉ (tức Bá Kỳ), nhân dân Bắc Kạn đã giáng cho chúng những đòn thịch đáng. Trong trận Chợ Mới ngày 17-1-1889, nghĩa quân đã tiêu diệt gần 100 tên địch.

Tiếp theo đó là phong trào của đồng bào Dao do Mã Sinh Long (Mã Mang) chỉ huy, đánh địch nhiều trận, trong đó có trận phục kích đoàn vận tải ngược sông Cầu lên Chợ Mới.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, để đẩy mạnh cuộc

khai thác thuộc địa một cách có hệ thống trên quy mô lớn, thực dân Pháp đã tăng cường bộ máy thống trị. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã dấy lên phong trào kháng Pháp mạnh mẽ. Năm 1904, người Dao hai xã Tân Sơn và Cao Sơn (Bạch Thông) đã nổi dậy chống chính sách sưu thuế nặng nề của đế quốc phong kiến. Năm 1914, tại thị xã Bắc Kạn các tù nhân yêu nước cùng các lính khố xanh có tinh thần dân tộc do Lý Thảo Long chỉ huy đã nổi dậy phá nhà lao, cướp vũ khí của địch, tiến hành vũ trang làm chủ thị xã. Tuy nhiên do tương quan lực lượng chênh lệch, nghĩa quân phải rút lên vùng núi cao Na Rì. Tháng 8 - 1917, công nhân và nông dân Bắc Kạn đã hưởng ứng tích cực cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Lương Ngọc Quyến và Trịnh Văn Cấn chỉ huy. Trong số 600 nghĩa quân đã có hơn một nửa là công nhân khai thác mỏ ở Thái Nguyên và Bắc Kạn. Chính điều đó đã tạo nên một đặc điểm nổi bật trong phong trào cách mạng ở Bắc Kạn những thập kỷ tiếp theo.

*

* *

Trải qua quá trình phát triển lâu đời của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nhân dân Bắc Kạn đã xây đắp nên những truyền thống quý báu: đó là tinh thần cần cù trong lao động, bất khuất kiên cường trong đấu tranh chống kẻ thù, bảo vệ quê hương xứ sở và Tổ quốc. Chính

điều đó đã trở thành tiền đề, là nền tảng để các tầng lớp nhân dân Bắc Kạn dấy lên các phong trào cách mạng hào hùng và sôi động khi ánh sáng cách mạng rọi chiếu, đồng hành cùng cả nước vùng lên vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

PHẦN THỨ NHẤT

TIẾP THU ÁNH SÁNG CÁCH
MẠNG, THÀNH LẬP TỔ CHỨC
ĐẢNG, TIẾN LÊN GIÀNH CHÍNH
QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM NĂM 1945

PHẦN THỨ NHẤT

TIẾP THU ẢNH SÁNG CÁCH
MẠNG, THÀNH LẬP TỔ CHỨC
ĐẢNG, TIẾN LÊN GIÀNH CHỨC
QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG
THÁNG TAM NĂM 1945

Chương I

TIẾP THU ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG VÀ SỰ RA ĐỜI TỔ CHỨC ĐẢNG NĂM 1943

I. TÌNH HÌNH BẮC KẠN DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP

Sau khi đánh chiếm tỉnh thành Thái Nguyên năm 1884, thực dân Pháp từng bước mở rộng đánh chiếm các khu vực thuộc Bắc Kạn. Ngày 13 - 2 - 1888, đạo quân Ba Bể do đại tá Xécvie (Servière) chỉ huy từ Bảo Lạc (Cao Bằng), kéo xuống châu lỵ Chợ Rã và ngày 17-2 chúng chiếm Ngân Sơn. Tiếp đó ngày 17-1-1889, dưới quyền chỉ huy của tướng Boócni Đêbo (Borgni Débor) chúng tiến đánh Chợ Mới. Từ năm 1891 đến năm 1895, chúng lần lượt mở rộng chiếm đóng Na Rì (1891), Bạch Thông (1892) và năm 1895, đạo quân Pháp do Galiêni (Gallienni) chỉ huy đã tiến vào miền thượng lưu sông Cầu, chiếm toàn bộ khu vực này và đột nhập vào Khe Thuồng (một căn cứ của Bá Kỳ). Trước sự kháng cự của các tầng lớp nhân dân, sau hơn 10 năm, kể từ khi đánh chiếm Thái Nguyên, thực dân Pháp mới cơ bản hoàn thành việc đánh chiếm khu vực này.

Để phục vụ cho mưu đồ xâm lược, bình định và đặc biệt là nhanh chóng tạo nên sự ổn định để vớt vát nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng và khả năng kinh tế nhiều mặt ở đây, một trong những công việc quan trọng hàng đầu của chúng là xây dựng và tăng cường bộ máy thống trị cả về chính trị, quân sự. Cùng với quá trình xâm lược, nhiều đồn bốt, điểm canh... đã được dựng lên ngay trong các cuộc hành quân lấn chiếm. Tháng 1 - 1889, chúng xây đồn binh ở Hà Hiệu (Chợ Rã), tháng 11 - 1894, đồn binh Pháp được lập ở Phủ Thông (Bạch Thông), Ngân Sơn. Năm 1900, chúng xây đồn Yên Lạc. Mạng lưới đồn, bốt, điểm canh ngày càng mọc lên dày đặc và rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh. Chúng tăng cường xây dựng bộ máy quân sự để dễ bề đàn áp. Cho đến năm 1926, ở hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, bộ máy này do một tên giám binh Pháp chỉ huy bao gồm một lực lượng gần hai trăm lính Âu - Phi, hơn 2000 lính khố xanh, khố đỏ, gần 2000 lính đồng. Đây là chưa kể gần 200 lính cơ canh gác ở các phủ, châu, huyện và các lực lượng vũ trang trá hình khác¹.

Chúng còn lập nên hệ thống nhà tù, mạng lưới mật thám. Ở thị xã có giám binh nắm quyền cao nhất về quân sự, ở châu có châu đoàn, ở tổng có tổng đoàn và cấp xã có xã đoàn và lính đồng.

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái* (1930 - 1954), sdd, t.I, tr.30.

Trong thời kỳ đầu, trước phong trào kháng chiến mạnh mẽ của nhân dân ta, thực dân Pháp áp đặt chế độ cai trị bằng quân sự. Sau đó, khi các phong trào kháng Pháp của nhân dân ta lần lượt bị dập tắt, chúng tiến hành thay thế chế độ quân quản bằng chế độ dân sự.

Sau khi chiếm đóng Bắc Kạn, thực dân Pháp chia Bắc Kạn thành 5 châu (huyện) là: Bạch Thông, Chợ Rã, Chợ Đồn, Na Rì và Ngân Sơn. Dưới châu là tổng và xã. Thị xã Bắc Kạn lúc đó vừa là châu lỵ châu Bạch Thông đồng thời là nơi đóng các cơ quan hành chính của bộ máy thống trị, được chia thành 4 phố: Định Bình, Tòng Hoá, Hoài Ân, Bắc Kạn¹.

Đứng đầu tỉnh là một viên Công sứ người Pháp, nắm quyền về chính trị, quân sự, trực tiếp làm chánh án toà án đệ nhất cấp (tư pháp đối với người Âu) và đệ nhị cấp (tư pháp đối với người bản xứ). Đứng đầu mỗi châu là viên tri châu. Ở các tổng có chánh, phó tổng; các xã có lý trưởng và phó lý trưởng. Từ năm 1931 ở cấp xã còn có Hội đồng kỳ mục. Năm 1940, chúng đặt thêm ở cấp tổng chức tăng thiết để giúp việc thu thuế.

Ở thị xã Bắc Kạn đứng đầu là Chánh hội và Phó chánh hội. Ở mỗi phố có chánh, phó lý và thủ bạ. Ngoài ra chúng còn đặt chức bang tá ở Chợ Mới, châu úy ở Phủ Thông, Bằng Khẩu...

1. *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)*, sdd, tr. 11, 12.

Để thực hiện triệt để chính sách chia để trị, cùng với việc thiết lập hệ thống hành chính từ thôn, xã trở lên, đối với các dân tộc rất thiểu số như Dao, H'Mông, thực dân Pháp còn đặt thêm một hệ thống cai trị riêng. Theo đó, người Dao được phép có động trưởng ở cơ sở, hoặc Chánh Mán ở cấp tổng; quản chiểu, phó quản chiểu ở cấp châu (đây là chức quan cai trị người Dao trong toàn châu). Trên thực tế người Dao sống du canh, du cư, xen kẽ, không có lãnh thổ riêng do đó họ vừa phải chịu ách áp bức bóc lột của bộ máy cai trị chung vừa phải chịu sự áp bức của bộ máy chính quyền dân tộc tự trị mà thực dân Pháp đặt ra. Nếu như đối với người H'Mông, chúng đặt ra chế độ thống tra, thì ở người Hoa chúng đặt ra bang trưởng... do một tên đại lý người Pháp chỉ đạo nhằm biến bộ máy chính quyền tự trị phục vụ cho ý đồ của chúng.

Để thực hiện triệt để chính sách "chia để trị", thực dân Pháp còn đề ra một số quy định cụ thể nhằm chia rẽ các dân tộc như người Dao phải thực hiện tô lao dịch cho lý trưởng người Tày mỗi khi phát nương. Ngay trong hàng ngũ quan lại địa phương, lý trưởng ở vùng thấp được trao quyền lực và bổng lộc nhiều hơn quản chiểu ở vùng cao, v.v..¹

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, 1996, tr. 26. Xem thêm Sơ thảo *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn*, tài liệu đã dẫn.

Để xây dựng, củng cố chính quyền tay sai bản xứ trở thành công cụ đắc lực trong việc thống trị, thực dân Pháp rất chú ý đào tạo đội ngũ tay sai. Ngay trong quá trình xâm lược chúng đã tuyển mộ các lực lượng tay chân phản động để dẫn đường và sau đó giúp chúng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai. Sau khi bình định được Bắc Kạn, chúng đã tiến hành phân loại từng vùng và từng dân tộc để đào tạo lực lượng thân Pháp, chủ yếu là lựa chọn con em của tầng lớp trên. Trong 50 năm, từ 1888 đến 1938, riêng Bắc Kạn chúng đã đào tạo gần 60 quan lại từ bang tá đến tuần phủ, phục vụ trong bộ máy ngụy quyền của chúng. Có thể thấy, bằng nhiều hình thức và những thủ đoạn chính trị thâm độc, thực dân Pháp đã thiết lập ở Bắc Kạn ách thống trị hà khắc.

Dưới ách thống trị của thực dân và phong kiến, nhân dân Bắc Kạn hết sức cực khổ, điêu đứng. Chúng đặt ra hàng loạt các thứ thuế nhằm vơ vét của cải, đặc biệt là thuế đinh và thuế điền. Thuế đinh là loại thuế dã man nhất đánh vào tất cả những người đàn ông từ 18 đến 60 tuổi và chia làm hai loại: Loại nội tịch (những người có tài sản), mỗi đầu người phải nộp 3 đồng và loại ngoại tịch (những người không có tài sản hoặc từ nơi khác đến) mỗi đầu người phải nộp 1,5 đồng/năm. Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, chúng đã năm lần điều chỉnh mức thuế, đưa thuế thân tăng lên gấp trên hai

lần so với ban đầu¹. Năm 1931, do thiếu hụt ngân sách, chúng đã đặt thêm các khoản phụ thu vô lý khác.

Đối với thuế điền, chúng cũng chia ra làm 3 hạng bao gồm: nhất đẳng điền: 7 đồng/mẫu; nhị đẳng điền: 5 đồng/mẫu và tam đẳng điền: 4 đồng/mẫu. Trong khi đó bọn quan lại kỳ hào lại tìm cách tăng thuế, bòn rút của cải. Chúng thường dùng thủ đoạn "gia đẳng": đổi nhị đẳng điền thành nhất đẳng điền, tam đẳng điền thành nhị đẳng điền. Ngoài ra nhân dân Bắc Kạn còn phải chịu hàng loạt thứ thuế khác như thuế môn bài, thuế nền nhà (đối với dân thị xã). Thực dân Pháp còn quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm thổ sản. Chỉ những người có giấy phép mới được vào rừng khai thác và phải bán sản phẩm cho chính quyền thực dân với giá rẻ mạt.

Ngoài thuế má là nạn phu phen tạp dịch. Hàng năm mỗi suất đinh phải đi phu hai lần, mỗi lần từ 10 - 12 ngày. Dân phu phải làm những công việc nặng như vận chuyển, khiêng cáng bọn quan lại đi công cán, xây đồn bốt, làm cầu đường, xây dựng sân bay, v.v..

Trên vùng đất Bắc Kạn, thiên nhiên hào phóng đã ban tặng nguồn khoáng sản đa dạng và quý giá. Ngay từ thế kỷ XVIII, các mỏ vàng, bạc, sắt đã là nguồn hấp dẫn đối với nhiều lực lượng trong và ngoài nước. Theo ghi chép của Phan Huy Chú, thời chúa Trịnh, ở châu

1. Thời giá năm 1931, đối với gạo tính theo đơn vị tạ, loại I: 5,5 đồng, loại II: 5,0 đồng, loại III: 4,6 đồng.

Bạch Thông và huyện Cẩm Hoá, do việc phòng cấm sơ sài nên người Trung Quốc đã đi lại làm mỏ không có hạn chế¹.

Sau khi đặt được ách thống trị lên Bắc Kạn, thực dân Pháp lập tức tiến hành thăm dò và khai thác khoáng sản. Các mỏ vàng ở Chợ Rã, Na Rì; bạc ở Ngân Sơn, Chợ Đồn, kẽm Chợ Đồn, v.v. lần lượt bị khai thác. Công việc khai thác được triển khai một cách quy mô bắt đầu từ năm 1913, ngay trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Nhiều mỏ khoáng sản quý được chúng đầu tư với số tiền vốn hàng chục triệu đồng. Trong những năm 1920 - 1925, Bắc Kạn được coi là tỉnh đứng đầu về khai thác hầm mỏ ở Bắc Kỳ. Riêng năm 1941, chúng đã khai thác 5,5 tấn chì, 180 tấn mangan. Đông đảo công nhân trong các hầm mỏ phải làm việc từ 9 - 13 giờ/ ngày với đồng lương rẻ mạt.

Với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tài nguyên thiên nhiên của Bắc Kạn bị tước đoạt phục vụ cho lợi ích của chúng. Trong khi đó nền kinh tế địa phương vẫn hết sức lạc hậu, nông nghiệp trì trệ, công nghiệp không phát triển, đời sống nhân dân lao động lâm vào cảnh khốn cùng. Củ mài, củ pấu, củ nâu, cây báng, cây đao, chiếu dứa dại là những vật phẩm được dùng thường xuyên với nhân dân lao động nghèo khổ.

1. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, sdd, t.I, tr. 123.

Để dễ bề cai trị, thực dân Pháp đã ráo riết thực hiện chính sách ngu dân tàn bạo, làm cho nhân dân ta nói chung và nhân dân Bắc Kạn nói riêng chìm đắm trong vòng ngu tối.

Ở Bắc Kạn, trong một thời gian dài sau khi xâm chiếm bọn thực dân không mở trường học. Về sau do nhu cầu đào tạo người bản xứ phục vụ cho bộ máy cai trị, chúng buộc phải mở một số trường lớp ở thị xã, nhưng chỉ có giới hạn trong khuôn khổ sơ học. Năm 1939 là năm phát triển cao nhất dưới thời thực dân, toàn tỉnh có 900 học sinh cấp I với 60 giáo viên. Trong số đó, học sinh chủ yếu là con em của tầng lớp trên trong xã hội, con em lao động hầu như không được học hành. Trong khi ra sức kìm hãm nền giáo dục, thì ngược lại ngay từ rất sớm thực dân Pháp lại rất chú trọng xây dựng nhà tù, đặc biệt là nhà tù thị xã Bắc Kạn, nơi giam cầm các nhà yêu nước và cách mạng.

Trong lĩnh vực y tế, toàn tỉnh có một nhà thương với khoảng 30 giường bệnh. Năm 1931, chúng mới lập thêm bệnh xá ở Chợ Rã và Na Rì. Ở mỗi huyện chỉ có một y tá, một nữ hộ sinh. Nhân dân lao động trong lúc ốm đau ngoài việc sử dụng các loại thuốc nam chỉ còn nhờ cậy vào việc cúng ma qua hệ thống mo, then... Vì vậy bệnh tật luôn luôn đe dọa đời sống của họ. Tình cảnh đó đã được chính những tên quan cai trị người Pháp thừa nhận: "Các bệnh phổ biến là sốt rét, ho lao, lỵ và suy

nhược vì thuốc phiện"¹.

Cùng với chính sách ngu dân và đàn áp bằng quân sự, thực dân Pháp còn tiến hành đầu độc nhân dân bằng cả thuốc phiện, rượu cồn và các tệ nạn xã hội khác. Riêng năm 1941, chúng đã bán ra 208,465 kg thuốc phiện và 276.082 lít rượu cồn², buộc nhân dân ta phải tiêu thụ rượu cồn và thuốc phiện của chúng.

Những phong tục tập quán lạc hậu cùng các tệ nạn xã hội được chính quyền thực dân phong kiến duy trì và khuyến khích. Đình Quan Đế (thị xã Bắc Kạn) dưới thời thuộc Pháp đã biến thành một trung tâm cờ bạc. Trong các thôn, xóm, bản làng đều có các ổ xóc đĩa. Hàng năm, chúng còn khuyến khích các nhà buôn ở thị xã tổ chức các cuộc ăn chơi, đánh bạc kéo dài và tổ chức các trò chơi mang tính chất miệt thị dân tộc, mua vui cho bọn thống trị.

Với những chính sách thâm độc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực dân Pháp đã đẩy nhân dân Bắc Kạn vào thảm họa đói rét, dốt nát, bệnh tật, làm suy kiệt giống nòi, tạo nên sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc, mâu thuẫn dân tộc trở nên quyết liệt. Các tầng lớp nhân dân lao động đang có nhu cầu được giải

1. Massini: *Giản chí tỉnh Bắc Kạn*. Dẫn theo *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, sdd, tr. 13.

2. *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn*, tài liệu đã dẫn.

phóng. Mặc dù các cuộc đấu tranh trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX không giành được thắng lợi, nhưng tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân Bắc Kạn vẫn tiếp tục được hun đúc, nuôi dưỡng và khi ánh sáng cách mạng rọi chiếu sẽ bùng lên với sức mạnh và nghị lực phi thường.

II. TIẾP THU ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước. Kể từ đó, ánh sáng cách mạng của Đảng dần dần rọi chiếu tới Bắc Kạn¹.

Đảng ra đời với đường lối cách mạng đúng đắn đã đáp ứng yêu cầu lịch sử và nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta. Ngay sau khi ra đời, Đảng ta đã nhanh chóng phát động một phong trào cách mạng rộng lớn

1. Năm 1927, đồng chí Hoàng Đình Giông, một thanh niên yêu nước dân tộc Tày ở Cao Bằng, dưới ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, đã đến Bản Ty (Sơn Dương - Tuyên Quang mở trường dạy học). Thông qua đó, đồng chí đã đến mở kềm Chợ Diên (Bản Thi, Chợ Đồn, Bắc Kạn) để tuyên truyền cách mạng trong giai cấp công nhân, nhưng bị địch kiểm soát gắt gao nên chưa xây dựng được cơ sở. Đồng chí trở lại Cao Bằng sang Trung Quốc gia nhập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (xem *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Cao Bằng, 1984).

trong phạm vi cả nước, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh (1930 - 1931). Mặc dù phong trào bị đàn áp khủng bố tàn khốc và chịu những tổn thất nặng nề, nhưng nó đã chứng tỏ tinh thần quật khởi của nhân dân ta, khẳng định trên thực tế quyền lãnh đạo của Đảng ta, đem lại cho nhân dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản và sức mạnh vĩ đại của chính mình.

Để ngăn chặn sự phát triển của phong trào, lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, bọn thực dân đã sa thải hàng loạt công nhân cũ để tuyển lựa những người khoẻ mạnh vào thay thế, thực hiện một cuộc xáo trộn lớn trong đội ngũ công nhân. Là địa bàn nằm ở giữa khu vực sớm có phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, nhưng Bắc Kạn là vùng sâu, xa. Hơn nữa ở vùng cao Bắc Kạn núi rừng hiểm trở, dân cư thưa thớt, lại bị thực dân Pháp kiểm soát chặt chẽ gây khó khăn cho việc tuyên truyền và phát triển phong trào cách mạng ở Bắc Kạn trong buổi đầu mới thành lập Đảng.

Sau thời kỳ khó khăn 1931 - 1933, trên cơ sở phong trào cách mạng trong toàn quốc đang dần dần hồi phục và phát triển. Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng (làm nhiệm vụ Ban Chấp hành Trung ương lâm thời) đã được thành lập, chủ trương đào tạo cán bộ đưa về nước, trước hết gây cơ sở trong đồng bào các dân tộc dọc biên giới Việt - Trung. Thực hiện chủ trương đó, các đồng chí Lê Hồng Phong, Hoàng Đình Giông, Hoàng Văn Thụ đã về Cao

Bằng, Lạng Sơn để tổ chức và phát triển phong trào. Do ảnh hưởng của phong trào chung, đặc biệt trong vùng Cao - Bắc - Lạng, đồng bào ở hai tổng Hà Vị, Nông Thượng và khu vực thị xã Bắc Kạn do Nguyễn Bông ở Xuất Hoá và ông Chỉ ở Cao Kỳ chỉ huy đã tổ chức làm đơn tập thể kiện lên Phủ Toàn quyền Đông Dương về việc bọn thực dân và quan lại ức hiếp dân chúng¹. Năm 1935, Đại hội lần thứ I của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đã khẳng định: "Thế lực của Đảng hiện thời đã lan rộng đến các địa hạt hậu tiến các miền dân tộc thiểu số". Ngày 28 - 3 - 1935, Đại hội đã ra Nghị quyết về công tác trong các dân tộc thiểu số. Nghị quyết chỉ rõ: "Chắc chắn rằng ở các xứ và các miền dân tộc thiểu số đã có điều kiện khách quan sẵn sàng cho sự phát triển cách mạng vận động"².

Tháng 7 - 1936, dưới ánh sáng của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7 - 1935), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta họp tại Thượng Hải đã vạch ra đường lối và phương pháp đấu tranh trong tình hình

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)*, sdd, tr. 21. Trong thời gian 1932 - 1933, đồng chí Lương Khánh Phù đã đến hoạt động ở Chợ Rã nhưng chưa xây dựng được cơ sở. Theo thư của đồng chí Nguyễn Khánh Phù gửi Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bắc Kạn đề ngày 21 - 7 - 1965, năm 1929 đồng chí đến hoạt động ở mỏ Bản Mạn làm công nhân tàu cuốc do đồng chí Đô (tức Bích Giang) và đồng chí Chu (tức Mới) phân công.

2. *Văn kiện Đảng (1930 - 1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, t.I, tr. 531.

mới. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương) bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tổ chức chính trị - xã hội và tôn giáo khác nhau nhằm đấu tranh thực hiện mục tiêu trước mắt là chống bọn phản động và tay sai, chống chiến tranh, đòi hoà bình, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh.

Trong những năm 1936 - 1939, cao trào vận động dân chủ phát triển sâu rộng trong cả nước, lôi cuốn hàng triệu người tham gia với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Mặc dù các cơ sở cách mạng ở Bắc Kạn chưa được xây dựng, nhưng ảnh hưởng của cao trào dân chủ cũng lan tới đồng bào các dân tộc, nhất là ở thị xã và các vùng phụ cận. Nhiều tờ báo công khai của Đảng, của Mặt trận dân chủ Đông Dương như *Tin tức*, *Bạn dân*, *Dân chúng*... phổ biến trong nhân dân ở Bạch Thông, Chợ Rã và thị xã Bắc Kạn. Các tờ báo này đã vạch trần những tội ác của chế độ thực dân, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Năm 1936, các đồng chí cán bộ cách mạng như đồng chí Lã (tức Hoàng Đức Thạc) đã vào hoạt động ở bắc Chợ Rã.

Cùng với phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong cả nước dưới khẩu hiệu vì tự do, cơm áo, hoà bình, trong thời gian này đã diễn ra các cuộc đấu tranh hợp pháp của nhân dân Bắc Kạn, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của dân phu bị bắt đi làm sân bay và cuộc đấu

tranh của nhân dân chống việc bắt phu làm đường Bắc Kạn - Chợ Đồn, Bắc Kạn - Chợ Rã trong các năm 1935 - 1939.

Sân bay Bắc Kạn được thực dân Pháp khởi công năm 1935. Để thực hiện công việc này, chúng đã bắt 800 dân đi làm thường xuyên. Nhân dân Bắc Kạn đấu tranh bằng các hình thức như chống đi phu hoặc tiến hành lãn công, bỏ việc. Để đối phó với tình trạng này, thực dân Pháp đã cho tên Phú Giàng - nổi tiếng gian ác, phụ trách việc bắt phu và đốc công. Mặc dù vậy, chúng không thể nào ngăn chặn được các hình thức đấu tranh của dân phu.

Cũng như vậy, chúng đã huy động thường xuyên hàng trăm dân phu với chế độ lao dịch nặng nề trên các đường giao thông. Chính vì vậy anh em phu làm đường (chủ yếu là dân các xã thuộc tổng Phương Linh, Hà Vị), đã nổi dậy đấu tranh. Lúc đầu hình thức đấu tranh được xác định là phát đơn kiện, nhưng sau đó họ quyết định cử người về Hà Nội đưa kiến nghị. Một cuộc quyên góp được tổ chức. Nhân dân các xã Quân Bình, Lục Bình, Cẩm Giàng, Tú Trĩ, Tân Tiến, Phương Linh, Vũ Muộn... đã hưởng ứng tích cực; kết quả là quyên góp được 200 đồng. Tại Hà Nội, đoàn đại biểu đã gửi đơn kiến nghị Bộ Thanh tra lao động, nhưng không được giải quyết. Anh, chị em tiếp tục đấu tranh, buộc địch phải chuyển đơn sang Toà Thống sứ và buộc chúng phải hứa sẽ hỏi tội bọn quan lại địa phương, trả tiền công cho anh em phu

theo ba loại: loại khoẻ 0,4 đồng, loại trung bình 0,18 đồng và phụ nữ 0,15 đồng.

Sau khi trở về địa phương một thời gian, không thấy bọn thống trị giải quyết những điều đã hứa, anh chị em phu lại kéo lên châu lý đấu tranh. Mặc dù chúng ngoan cố bắt 2 người, nhưng cuộc đấu tranh vẫn diễn ra kiên quyết, kết quả là chúng phải thả những người bị bắt, trả tiền công cho dân phu 0,18 đồng/ngày. Tên tri châu Bạch Thông buộc phải chuyển đi nơi khác¹.

Tuy nhiên, các cuộc đấu tranh trên đây chỉ là sản phẩm từ sự ảnh hưởng của phong trào cách mạng trong cả nước nói chung và các tỉnh lân cận nói riêng. Bước chuyển biến to lớn của phong trào cách mạng ở Bắc Kạn chỉ thực sự phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu với những hình thức đấu tranh mới, trong cao trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Tháng 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đã xô đẩy nhân loại vào thảm họa của cuộc tranh giành quyền lợi giữa các đế quốc. Ngày 4 - 9 - 1939, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm mọi hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp tuyên truyền cộng sản, giải tán các hội ái hữu, nghiệp đoàn...

Trước tình hình đó, ngày 29 - 9 - 1939, Trung ương Đảng ta đã ra thông cáo gửi các cấp bộ đảng, vạch rõ

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, sđd, tr.36.

"con đường chính trị quốc tế hiện thời" và chủ trương mới của Đảng. Tháng 11 năm 1939, chỉ sau 2 tháng khi chiến tranh bùng nổ, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương họp tại Bà Điểm đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Hội nghị chỉ rõ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm"¹. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ không còn thích hợp nữa. Đảng cũng chủ trương chuyển phương pháp cách mạng từ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, chuẩn bị điều kiện để tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Tháng 6 - 1940, Pháp đầu hàng Đức. Lợi dụng tình hình đó, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương. Ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật tràn qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn. Quân Pháp bạc nhược đã nhanh chóng tan rã. Nắm lấy thời cơ đó, Đảng bộ Bắc Sơn đã phát động quần chúng nổi dậy. Ngày 27 - 9 - 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr. 536.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa lúc tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thời cơ cách mạng chưa tới nên bị kẻ thù đàn áp khốc liệt. Tuy vậy, tiếng súng Bắc Sơn đã có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước, trực tiếp là phong trào cách mạng ở các tỉnh xung quanh, trong đó có Bắc Kạn.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai ra đời và từng bước được củng cố. Đảng ta chủ trương duy trì tiếng súng Bắc Sơn để cổ vũ phong trào cách mạng trong cả nước. Đội du kích ra đời trong cuộc khởi nghĩa được xây dựng thành lực lượng vũ trang (sau đổi thành Cứu quốc quân) làm nòng cốt cho căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Ngày 1 - 5 - 1941, đơn vị ra mắt quần chúng tại Khuổi Nọi do đồng chí Lương Văn Chi làm chỉ huy trưởng¹. Cuối năm 1940, đầu năm 1941, cùng với khởi nghĩa Bắc Sơn, đã nổ ra khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương. Tin tức khởi nghĩa, binh biến đã dội đến Bắc Kạn, nhanh chóng lan truyền trong các tầng lớp nhân dân.

Tháng 12 - 1940, đồng chí Hoàng Văn Thụ và hai cán bộ Xứ uỷ Bắc Kỳ đã sang Quảng Tây để tìm gặp Nguyễn Ái Quốc và đón Người trở về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tháng 5 - 1941,

1. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (tháng 5 - 1941), đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng được cử về làm chỉ huy trưởng đơn vị và căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Đơn vị này về sau gọi là Trung đội Cứu quốc quân thứ nhất.

Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định dứt khoát mục tiêu hàng đầu của cách mạng Việt Nam là độc lập, tự do. Hội nghị khẳng định "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"¹. Hội nghị đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp và phát xít Nhật, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Đây là Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thông qua các hội cứu quốc như: Thanh niên, Phụ nữ, Quân nhân, Phụ lão, Phật giáo, Nhi đồng, v.v..

Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 5 - 1941 đã trở thành động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng ở nước ta, đặc biệt thúc đẩy phong trào ở Việt Bắc lên một bước mới. Chương trình cứu nước của Việt Minh bao gồm các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội nhằm thực hiện hai điều cốt yếu của nhân dân ta lúc bấy giờ là: làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập;

1. Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, t.7, tr. 113.

làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do đã trở thành động lực to lớn đối với các tầng lớp nhân dân. Thực hiện Nghị quyết Trung ương, cùng với Cao Bằng và Lạng Sơn, Bắc Kạn và Thái Nguyên là những nơi đi đầu trong phong trào Việt Minh, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Cùng với chương trình Việt Minh, trong các tầng lớp nhân dân, các bài ca *Hai lòng quang*(Trăng sáng trong), *Pi noọng oi...* được phổ biến rộng rãi, khích lệ tinh thần cách mạng của nhân dân.

Giữa năm 1941, để đối phó với phong trào cách mạng ở Việt Bắc đang dâng lên mạnh mẽ, thực dân Pháp tăng cường lực lượng vây ráp nhằm tiêu diệt căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Liên tiếp trong hai tháng 6 và 7 năm 1941, chúng đã huy động hàng trăm quân, mở nhiều cuộc vây càn vào căn cứ. Quân Pháp từ Thái Nguyên kéo sang, từ Lạng Sơn kéo về tiến hành cướp phá lùng bắt cán bộ, dồn hàng nghìn dân vào các trại tập trung.

Trước tình hình đó, các đồng chí lãnh đạo căn cứ đã quyết định di chuyển lên vùng biên giới Việt - Trung. Ngày 16 - 8 - 1941, đơn vị chia làm hai bộ phận theo hai ngã hành quân lên biên giới. Bộ phận theo đường Bắc Kạn lên Cao Bằng bị lọt giữa vòng vây địch. Trong trận chiến đấu quyết liệt ngày 22 - 8 - 1941 tại Khau Pàn (xã Đúc Vân, châu Ngân Sơn), đồng chí Phùng Chí Kiên

chỉ huy trưởng đã hy sinh, đồng chí Lương Văn Chi, chỉ huy phó, bị bắt và sau đó bị địch giết hại¹.

Để chống địch khủng bố và duy trì phong trào, bộ phận được phân công ở lại căn cứ tiếp tục tiến hành chiến tranh du kích, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Cuộc chiến đấu diễn ra trong điều kiện cực kỳ khó khăn song đã có những ảnh hưởng to lớn đến phong trào ở khu vực này.

Từ cuối năm 1941 đầu năm 1942, phong trào Việt Minh ở Bảo Lạc (Cao Bằng) phát triển, ảnh hưởng mạnh mẽ đến khu vực phía bắc Chợ Rã. Một số thanh niên người H'Mông ở xã Cao Tân như các đồng chí Hồng Si, Giàng A Dung, Giàng Tả Cao, Vũ Tả, Giàng A Vùa, nhân dịp đầu xuân lên thăm bà con ở Cao Bằng đã được tiếp cận với tuyên ngôn, chương trình, điều lệ của Mặt trận Việt Minh, rồi được giác ngộ cách mạng và gia nhập Hội Cứu quốc (xã Tổng Mù, huyện Bảo Lạc). Từ Cao Tân, cơ sở Việt Minh đã nhanh chóng lan tới các xã Cổ Linh, Cao Thượng. Được sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Việt Minh Cao Bằng, người H'Mông ở đây gia nhập Hội Cứu quốc ngày càng đông. Nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự của Việt Minh đã được tổ chức ở các xã Cao

1. Theo tư liệu *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn thời kỳ 1939 - 1945*, lưu tại khoa Sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

Thượng, Cổ Linh, Cao Tân. Trong thời gian này, từ Cao Bằng, một số cán bộ đã được cử đến Chợ Rã để giúp đỡ các cơ sở và củng cố phong trào như các đồng chí Hồng Tụ, Mệnh Lệnh và từ cuối năm 1942 là các đồng chí Hồng Đào, Hồng Ty và chị Mai...

Cuối năm 1942, phong trào Việt Minh phát triển mạnh, là cơ sở cho sự ra đời Ban Việt Minh liên xã Cao Minh gồm ba xã: Cao Tân, Cao Thượng và Cổ Linh. Trong các làng bản: Chẻ Vành, Nặm Dăm, Lũng Nghè, Thảm Củ, Khưa Dây, Mảy Sào, Pụp Nhùng, Thảm Tảo... hầu hết đồng bào đã tham gia Việt Minh. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên được thành lập ở vùng cao Chợ Rã và cũng là tổ chức cách mạng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn. Do hậu quả của ách thống trị thực dân phong kiến, người H'Mông và người Dao cư trú trên vùng rừng núi trùng điệp phía bắc huyện Chợ Rã đều sống du canh, du cư, cuộc sống đói rét, bệnh tật. Muốn củng cố và tiếp tục đưa phong trào ở đây tiến lên, rất nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi phải giải quyết. Để giúp quần chúng có điều kiện tiếp thu chủ trương, đường lối của Đảng qua tài liệu, sách báo cách mạng, đồng thời gây khí thế cho phong trào chung, cán bộ về cơ sở củng cố và mở các lớp học văn hoá, chính trị, quân sự. Lớp đầu tiên học ở trong rừng Cao Thượng do đồng chí Mệnh Lệnh và Tô Vũ phụ trách, các lớp sau mở ở Nà Lài (Cao Tân), Mễ Sảo (Cổ Linh), Trà Vành (Cao Thượng) do đồng chí Khoa phụ

trách. Trình độ của nhân dân còn thấp nên chương trình học tập được đơn lược cho phù hợp. Bài "Việt Minh ngũ tự kinh" do đồng chí Võ Nguyên Giáp sáng tác và dịch ra tiếng Tày, H'Mông, Dao được phổ biến rộng rãi và coi như một tài liệu học tập. Quần chúng tích cực hưởng ứng, có lớp số học viên lên tới hàng trăm người. Hội Việt Minh gây quỹ mỗi hội viên nộp hai xu, nhân dân tục tĩu lương ăn và đóng góp để nuôi cán bộ mở lớp. Đồng thời với việc học tập văn hoá, chính trị, phong trào luyện tập quân sự là đỉnh cao của phong trào cách mạng xã Cao Minh. Trong số các lớp huấn luyện quân sự ở thời kỳ này, đáng chú ý nhất là lớp huấn luyện mở tại Pụp Nhùng (Cao Tân). Hơn 100 học viên tham dự lớp học (có cả học viên Tuyên Quang sang dự). Thời gian học kéo dài trên 2 tháng do đồng chí Đức Hạnh và Sinh Lộ phụ trách. Lực lượng tự vệ chiến đấu xã Cao Minh có 1 đại đội 72 người phiên chế thành 4 trung đội do đồng chí Vàng Lở làm đại đội trưởng, Hồng An làm đại đội phó, Vũ Tả làm chính trị viên.

Phong trào học văn hoá, chính trị, quân sự thực sự đem lại tác dụng thiết thực. Trình độ giác ngộ, khí thế cách mạng của quần chúng chuyển biến rõ rệt. Phụ nữ vùng cao trước kia không tham gia hoạt động xã hội, nhờ cách mạng bước đầu thoát ra được tập quán cũ, hăng hái tham gia các đoàn thể cứu quốc, tích cực luyện tập quân sự.

Đầu năm 1942, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã quyết định thành lập “Đội xung phong Minh Khai” gồm năm phụ nữ do đồng chí Tự Quyết làm Đội trưởng. Trước đó, các chị đã xuống Ngăn Sơn tìm nhận anh chị em họ hàng, người quen và kết bạn đồng canh. Tháng 1-1942, các chị đã đón đồng chí Võ Nguyên Giáp đến Tam Kim mở lớp huấn luyện, chuẩn bị cho việc thành lập đội và sau đó tiến hành Nam tiến. Thông qua hoạt động của đội Minh Khai, ta đã xây dựng được một số cơ sở ở các xã Thượng Ân, Cốc Đán, Vân Tùng. Một số quần chúng giác ngộ đã được tổ chức vào Hội cứu quốc như Ích Hậu, Ngoạn, chị Liệu(Thượng Ân); Phùng Sĩ Quần, Phùng Thị Hỷ, Đồng Văn Khoa (Cốc Đán); ông Nghi, ông Chu(Vân Tùng).Tháng 10-1943, các đồng chí Tự Quyết và Phù Dung còn mở rộng việc xây dựng cơ sở ở Hà Vị (Bạch Thông). Thông qua các hội viên ban đầu này, số hội viên được mở rộng thêm nhất là ở Cốc Đán. Trong điều kiện đó, đồng chí Tự Quyết đã tổ chức cho chín thanh niên đi học ở Nguyên Bình qua hai lớp: lớp thứ nhất gồm ba đồng chí: Quần, Phát, Khoa và lớp thứ hai gồm bảy đồng chí là: Quần, Đạt, Toàn, Tiếng, Hải, Biên, Thăng.

Nhờ những hoạt động tích cực của đội xung phong Minh Khai, giữa năm 1942, phong trào cách mạng ở đây có bước phát triển nhanh chóng. Đây cũng là tiền đề rất quan trọng để năm 1943, các đội Nam tiến xây dựng và

phát triển các hội cứu quốc thuận lợi và rộng rãi ở khu vực này.

Chỉ trong một thời gian ngắn, phong trào Việt Minh ở Ngân Sơn đã lan rộng ra cả tổng Bằng Đức, một số cơ sở ở Thượng Quan, Vân Tùng, Hạ Quan và tới dãy Phja Bjoóc.

Trên cơ sở phát triển của phong trào Việt Minh, tháng 11 năm 1942, Ban Chấp hành Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng ra đời, đưa phong trào ở đây lên một bước mới.

Có thể nói, từ sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1941, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn đã có sự phát triển nhảy vọt. Các tổ chức cách mạng đã được thành lập, đông đảo quần chúng nhân dân các dân tộc đã gia nhập Mặt trận Việt Minh. Ánh sáng cách mạng từng bước thấm vào quần chúng, trở thành lực lượng vật chất có sức mạnh to lớn, mở ra một thời kỳ mới phong trào cách mạng địa phương.

III. TỪ VIỆC XÂY DỰNG "CON ĐƯỜNG QUẦN CHÚNG" ĐẾN SỰ RA ĐỜI TỔ CHỨC ĐẢNG

Từ sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941, Việt Bắc được chọn làm căn cứ lớn xây dựng lực lượng khởi nghĩa vũ trang. Do đó, vấn đề liên lạc giữa các địa phương trong khu cách mạng Việt Bắc với nhau và giữa

Trung ương với miền xuôi càng trở nên cấp thiết. Ngay từ lúc còn ở biên giới Việt - Trung, khi xem xét các điều kiện để xây dựng căn cứ địa cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra nhiều triển vọng lớn lao cho cách mạng nước ta", vì "Cao Bằng có phong trào tốt từ trước lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi". Với tầm nhìn chiến lược, Người đã chỉ ra rằng: "Từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ"¹.

Để thực hiện yêu cầu cấp thiết đó, bên cạnh hình thức giao thông bí mật có từ trước, Người đã chỉ thị "xây dựng những con đường quân chúng", nối liền các trung tâm cách mạng với nhau.

Thực hiện chỉ thị đó và theo quyết định của Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được chuẩn bị khẩn trương. Tháng 9 -1942, tại Cao Bằng, Ban xung phong Nam tiến mà hạt nhân là chi bộ Nam tiến được thành lập. Ban chỉ đạo do đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách có các đồng chí: Lê Thiết Hùng, Nông Văn Quang, Nông Văn Lạc, Dương Văn Long. Chi

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 33.

bộ Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư có nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức phong trào Nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Bắc Kạn. Đó là nhân tố rất quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng Đảng và phát triển phong trào Việt Minh ở Bắc Kạn. Để tăng cường lực lượng, các lớp huấn luyện được mở, tuyển lựa những cán bộ hăng hái, nhiệt tình, có kinh nghiệm vận động quần chúng, gồm nhiều thành phần dân tộc khác nhau để thành lập các đội Nam tiến.

Đầu năm 1943, trong không khí chuẩn bị Nam tiến khẩn trương. Hội nghị Lũng Hoàì (Hoà An, Cao Bằng) đã được tổ chức bao gồm các đồng chí lãnh đạo Liên tỉnh, đại diện hai khu căn cứ Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai tham dự. Hội nghị đã trao đổi kinh nghiệm chống địch khủng bố, xây dựng phong trào và thống nhất nhận định cần phải xây dựng cơ sở nhân dân, xây dựng con đường quần chúng tốt để địch không thể tiêu diệt được lực lượng cách mạng. Hội nghị cũng quyết nghị rút hết Cứu quốc quân về nước để nối liên lạc với miền xuôi, mặt khác từ Thái Nguyên sẽ tổ chức các mũi Bắc tiến.

Sau Hội nghị Lũng Hoàì, lực lượng Nam tiến ngoài Đội xung phong Minh Khai, hai đội Nam tiến, xuất phát từ tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng) tiến vào Bắc Kạn. Tới cuối năm 1943, 19 đội đã có mặt tại Bắc Kạn. Việc xây dựng cơ sở cách mạng ở Bắc Kạn trên con đường Nam tiến được triển khai theo phương châm linh hoạt.

Có những tổ được phái bí mật vượt qua những chặng đường dài tới một địa phương nhất định để gây cơ sở, từ đó nối liền với các cơ sở khác, tạo nên thế liên hoàn của phong trào. Theo phương hướng này, trong quá trình triển khai, mỗi đội đều có tổ chức đi trước điều tra, bắt mối, gây cơ sở; tổ đi sau lựa chọn cốt cán, mở các lớp huấn luyện để đào tạo đội ngũ cán bộ tại chỗ, làm chỗ dựa để đẩy mạnh phong trào. Lực lượng cán bộ mới này được gọi là “Thanh niên xung phong phát triển”.

Mùa hè năm 1943, các Đội xung phong Nam tiến đã vào đến phía bắc tỉnh Bắc Kạn. Tháng 4 - 1943, bộ phận đầu tiên của đoàn quân “Nam tiến” bắt đầu đến Ngân Sơn và từ đây chia làm hai mũi tiến quân theo hai hướng chính: Mũi thứ nhất do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách, xuất phát từ Bản É, xã Thượng Ân đi qua Cốc Đán sang xã Hà Hiệu (châu Chợ Rã). Sau khi xây dựng xong các cơ sở từ bắc Ngân Sơn đến Hà Hiệu, bộ phận này vượt qua Phja Bjoóc tiến về Nghĩa Tá (châu Chợ Đồn). Mũi thứ hai gồm các đồng chí Hoàng Thịnh, Dương Văn Long, Nông Công Tú, xuất phát từ Thượng Ân, đi qua các xã Bằng Đức, Đức Vân, Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang xuống vùng Quân Bình, Hà Vị, châu Bạch Thông. Từ hai hướng chính, một hướng đi vào vùng đồng bào Dao theo đường núi cao; một hướng đi theo các thung lũng vùng thấp vào đồng bào Tày - Nùng cả đường Nam tiến toả ra nhiều nhánh, kéo dài

qua nhiều triền núi, cánh đồng và các bản làng trên nhiều địa phương của Bắc Kạn.

Thực hiện kế hoạch chung, đi đến đâu, các Đội xung phong Nam tiến đều ra sức vận động, tổ chức quần chúng vào các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, đào tạo đội ngũ cán bộ để phát triển Đảng, xây dựng lực lượng tự vệ, đẩy mạnh công tác binh vận. Trong khi tuyên truyền, tổ chức các Hội Cứu quốc, nhằm giáo dục lòng yêu nước, căm thù giặc, tuyên truyền chương trình, điều lệ của Việt Minh, phát động khí thế cách mạng của quần chúng, cùng với các cuộc mít tinh, hội họp, các đội Nam tiến còn khai thác các hình thức sinh hoạt văn hoá cổ truyền như chích máu ăn thề, kết nghĩa anh em... để vận động quần chúng. Do đó, trên cơ sở mối quan hệ dòng họ và bạn bè vốn rất được trân trọng trong đời sống đồng bào các dân tộc, cơ sở và phong trào cách mạng phát triển một cách nhanh chóng, rộng lớn.

Tại Ngân Sơn, từ năm 1942 đã có cơ sở Việt Minh ở Thượng Ân và Cốc Đán, được sự giúp đỡ trực tiếp và mạnh mẽ của đội Nam tiến, phong trào đã có bước phát triển mới. Chỉ trong một thời gian ngắn nửa đầu năm 1943, ở hầu khắp Ngân Sơn đã xây dựng được các cơ sở cách mạng. Các hình thức tổ chức của Mặt trận Việt Minh như tiểu tổ, ban Việt Minh lần lượt ra đời. Cán bộ

Nam tiến đi đến đâu cũng được nhân dân các dân tộc Ngân Sơn nhiệt tình giúp đỡ và hưởng ứng. Hàng chục lớp huấn luyện đã được tổ chức như ở Lũng Mò (xã Vân Tùng), Thị Xuân (xã Thuần Mang), Khau Mò, Đông Liễn (xã Thượng Quan), Khuổi Ngoài, Năm La, (xã Cốc Đán). Thông qua các lớp huấn luyện này, cán bộ và tự vệ được học tập về tình hình thế giới và trong nước, tìm hiểu 5 bước công tác (điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh). Trên cơ sở đó các tiểu đội, trung đội tự vệ lần lượt được thành lập để bảo vệ cơ sở đưa đón cán bộ. Nhiều cán bộ, chiến sĩ, sau khi học ở các lớp huấn luyện được lựa chọn bổ sung vào lực lượng Thanh niên xung phong phát triển. Đầu tháng 9 - 1943, các xã Thượng Ân, Cốc Đán, Tô Khê, Đức Vân, Vân Tùng, Thuần Mang đã thành lập Ban Chấp hành Việt Minh xã.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, để giữ bí mật cơ sở, ta đã đặt mật danh một số xã như: Thượng Ân thành Canh Tân, Cốc Đán thành Minh Khai, Tô Khê thành Gia Tự, Đức Vân thành Hưng Đạo (trong thời Pháp thuộc, Cốc Đán có hai xã là Cốc Đán và Tô Khê). Ở các xã Thượng Quan, Trung Quan, Hạ Quan, Thiều Quan, Lãng Ngâm, tuy chưa có Ban Chấp hành Việt Minh xã nhưng đã thành lập được các tổ chức Cứu quốc, đã có một số hội viên Việt Minh hoạt động¹.

1. Xem *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn (1939 - 1954)*, Huyện uỷ Ngân Sơn xuất bản, 1991, tr. 24.

Ở vùng cao Ngân Sơn, do những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi nên phong trào cách mạng phát triển nhanh và mạnh hơn vùng thấp. Đến tháng 8 - 1943, hầu hết đồng bào ở vùng cao Ngân Sơn đã được tổ chức vào Hội Việt Minh, hình thành khu vực riêng của đồng bào Dao với sự ra đời của hệ thống tổ chức Việt Minh từ tổng đến xã. Ở mỗi cấp đều có Ban Việt Minh. Tại đây được tổ chức thành hai tổng đó là: tổng Đội Cung bao gồm đồng bào Dao cư trú tại các tổng Bằng Đức và Hạ Quan, chia thành 6 xã với các tên bí mật do Ban Việt Minh đặt ra là: Hàm Tử, Chương Dương, Thanh Long (thuộc Cốc Đán và Tô Khê), Giải Phóng (thuộc Thượng Ân), Tự Do (thuộc Vân Tùng), Hồng Quân (thuộc Hạ Quan, Trung Quan, Thiều Quan). Tổng Phan Đình Phùng, bao gồm vùng cư trú của người Dao thuộc tổng Thượng Quan.

Đồng thời với sự lớn mạnh của các tổ chức chính trị, trong phong trào đấu tranh của quần chúng, các hình thức tổ chức vũ trang cũng bắt đầu ra đời. Các hội viên cứu quốc đều tự sắm vũ khí như dao găm, súng kíp, v.v. dẫn đến việc thành lập các đội tự vệ có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng, trừng trị bọn tay sai gian ác, ngăn chặn những cuộc càn quét khủng bố của địch.

Cùng với sự lớn mạnh của các tổ chức quần chúng và lực lượng tự vệ, nhiều hình thức tuyên truyền cách mạng sôi động ra đời. Báo *Việt Nam độc lập* được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân. Bài ca "Việt Minh ngũ



Xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, nơi
thành lập Chi bộ Chí Kiên, tháng 9 năm 1943

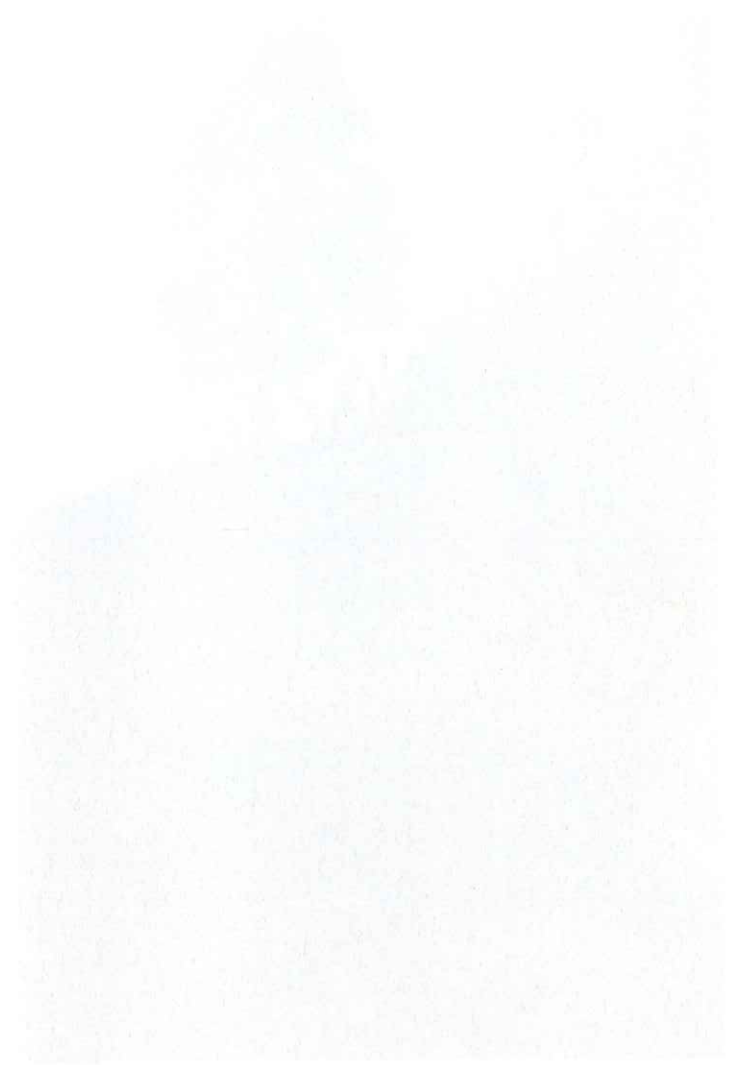


Figure 1. A large, faint, and illegible image, possibly a scan of a document or a very faded photograph, occupying the central portion of the page.

tự kinh” đã trở thành lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân các dân tộc đứng lên cứu nước, cứu nhà dưới ngọn cờ Việt Minh. Bài ca kêu gọi:

Ta hết lòng hăng hái

Đi tổ chức tuyên truyền

Tìm thêm nhiều hội viên

Vào Hội đoàn cứu quốc

...

Cùng đồng tâm hiệp lực

Đánh đuổi bọn hung tàn

Để lấy lại giang san

Mưu tự do, độc lập.

Các cuộc họp của Hội Việt Minh thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện chủ trương, chính sách của Việt Minh và chương trình hoạt động của Hội. Các Hội Việt Minh đã vận động nhân dân bài trừ bớt một số phong tục lạc hậu, tránh lãng phí, ra sức tiết kiệm để ủng hộ cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo, tổ chức của các đội Nam tiến, hàng chục cuộc mít tinh đã được tổ chức ở Thượng Ân, Cốc Đán, Đúc Vân, Vân Tùng, Thuận Mang... Trong đó, đáng chú ý hơn cả là hai cuộc mít tinh ở Diêu Phon và Khưa Vài, xã Thượng Ân. Cuộc mít tinh ở Diêu Phon mừng thắng lợi "Đại hội liên hoan các dân tộc Cao - Bắc - Lạng đã tập hợp hầu hết các Hội Việt Minh trong toàn huyện Ngân Sơn. Đến giữa tháng 9-1943, tại Khưa Vài

lại tổ chức tiếp một cuộc mít tinh lớn. Ngay sau cuộc mít tinh này, với sự có mặt của đồng chí Võ Nguyên Giáp, chi bộ Nam tiến đã tổ chức kết nạp những đội viên trung kiên vào Đảng dưới chân thác nước khu Nà Coong Tát (Bản Duôm, Thượng Ân) gồm đồng chí Thành Tân (Đồng Văn Bằng), đồng chí Đông Sơn (Doanh Hằng) và tuyên bố thành lập chi bộ Chí Kiên do đồng chí Nghĩa (Dương Mạc Hiếu) nguyên Bí thư chi bộ Tam Kim (Nguyễn Bình, Cao Bằng) làm Bí thư chi bộ. Sự kiện này là thắng lợi lớn đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng Bắc Kạn. Chi bộ Chí Kiên¹ là chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kạn.

Trước đó vào giữa năm 1943, chi bộ Nam tiến cũng đã giác ngộ và kết nạp được một hội viên Việt Minh trung kiên người địa phương vào Đảng Cộng sản Đông Dương, là đồng chí Nông Công Tú.

Để tiếp tục củng cố và mở rộng phong trào cách mạng ở khu vực này, đoàn Nam tiến đã mở nhiều lớp huấn luyện cho đảng viên và quần chúng trung kiên tại

1. Để tưởng nhớ đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, một trong những người chỉ huy Cứu quốc quân đã hy sinh anh dũng tại Khau Pàn (xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn), cán bộ Nam tiến đã đặt tên bí mật cho tổng Bằng Đức là tổng Chí Kiên. Chi bộ đầu tiên thành lập ở tổng Bằng Đức được gọi là chi bộ Chí Kiên. Đồng chí Dương Mạc Hiếu nguyên trước đó là Bí thư chi bộ vùng Tam Kim (Nguyễn Bình, Cao Bằng) từ tháng 9-1942. Từ tháng 7-1943, đồng chí được cử sang Ngân Sơn xây dựng cơ sở Đảng.

Thượng Ân, do các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Dương Mạc Thạch phụ trách.

Tháng 10-1943, Ban Chấp hành Việt Minh tổng Chí Kiên được thành lập tại bản É (xã Thượng Ân) bao gồm các đồng chí: Đồng Văn Bằng, Thanh Bảo, Đào Văn Bích, Phù Dung, do đồng chí Đồng Văn Bằng làm Chủ nhiệm. Ngày 7-11-1943, nhân kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, Ban Chấp hành Việt Minh châu Ngân Sơn (lấy tên là châu Ngọc Quyển) cũng được thành lập.

Tại Chợ Rã, từ tháng 3-1943, phong trào Việt Minh đã nhanh chóng xây dựng cơ sở ở vùng đồng bào Dao (Lũng Cháng, xã Hà Hiệu), sau đó phát triển sang Chu Hương, Mỹ Phương. Theo đường dây của họ hàng đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến từ Lũng Cháng tiến sang Phja Bjoóc, nơi tập trung đông đảo người Dao. Từ Phja Bjoóc, cán bộ Nam tiến đã vượt qua sự kiểm soát của địch đến xây dựng cơ sở vùng đồng bào Tày-Nùng ở Phiêng Khăm (Yến Dương). Sau đó mở rộng đến Khuổi Nặm - một bản nhỏ trên núi của người Dao, kết nạp trưởng bản Triệu Hữu Châu vào Hội Việt Minh. Thông qua đó, đồng bào trong bản hầu hết đã tham gia các đoàn thể cứu quốc. Sau một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Việt Minh đã lan sang Nặm Tốc (Yến Dương) lôi cuốn nhiều bản làng ở chân núi Phja Bjoóc tham gia Việt Minh.

Để kỷ niệm thắng lợi này, đồng thời ghi nhận sự ra đời và phát triển của phong trào, đồng chí Võ Nguyên

Giáp đã đặt tên núi Phja Bjoóc là núi “Cứu quốc”.

Tháng 9-1943, cơ sở Việt Minh đã mở rộng ở Vàng Kheo, Píc Cáy (Mỹ Phương), tuyên truyền, vận động được nhiều tầng lớp nhân dân như phó quản người Dao, động trưởng xã Đồng Phúc, tổng Quảng Khê, v.v..

Cũng trong thời gian này, các mũi Nam tiến khác đã khẩn trương xây dựng cơ sở Việt Minh ở nhiều làng bản thuộc các xã Chu Hương, Yển Dương, Địa Linh, Thượng Giáo, Mẫu Ninh, Cao Thượng, Nghiên Loan, Xuân La, Bộc Bó, Giáo Hiệu, Nhạn Môn và phát triển sang cả Nà Hang (Tuyên Quang)¹.

Ở vùng thấp, cơ sở Việt Minh đã bắt đầu hình thành ở Khuổi Mản, Nà Da, Cốc Lót (Hà Hiệu), Bản Hon (Bành Trạch).

Mùa hè 1943, đội quân Tây tiến từ Nguyên Bình đến phía bắc Chợ Rã mở thông đường quân chúng qua vùng đồng bào H'Mông, Dao ở các xã Bằng Thành, Nhạn Môn, Công Bằng, Bộc Bó, Giáo Hiệu.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào, nhiều lớp huấn luyện đã được tổ chức ở Bành Trạch, Phúc Lộc, Lũng Cháng. Nhờ đó lực lượng Thanh niên xung phong phát triển đã lên tới gần 100 người.

Từ Ngân Sơn, Chợ Rã, phong trào nhanh chóng phát triển xuống phía nam. Sau khi xây dựng được địa bàn đứng chân tại Phja Bjoóc, cán bộ Nam tiến mở rộng

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954), sđd, tr. 36.

xuống vùng đông bắc Chợ Đồn, qua vùng cư trú của đồng bào Dao. Đoàn cán bộ Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách đã xây dựng cơ sở tại nhà ông Triệu Hữu Minh, chánh Mán xóm Lùng Tăng (xã Tân Lập). Từ đó triển khai xây dựng các cơ sở cách mạng ở Quảng Bạch, Bản Ty, Ngọc Phái, Bằng Lăng, Nghĩa Tá¹.

Đồng thời với việc phát triển phong trào ở vùng cao, thực hiện phương châm xây dựng phong trào theo lối “cóc nháy”, từ Ngân Sơn, một số cán bộ Nam tiến được giao nhiệm vụ phát triển phong trào xuống Bạch Thông. Theo quan hệ họ hàng, bạn bè của các cơ sở người Tày, người Dao ở Ngân Sơn, cán bộ Nam tiến đã đến xây dựng cơ sở ở các xã Quân Bình, Lục Bình ở phía bắc. Nhiều quần chúng ở các xã này được giác ngộ và kết nạp vào Việt Minh. Tiếp theo đó, lực lượng Nam tiến nhanh chóng xây dựng cơ sở sang các xã Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận. Cùng thời gian này, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã đến Bạch Thông hoạt động. Tại cuộc họp ở xã Dương Quang, đồng chí đã giao nhiệm vụ cho các đồng chí Đức Xuân, Phạm Duy Tiến, Tùng Vân, xây dựng và mở rộng đường dây liên lạc giữa các bản vùng cao của đồng bào Dao và vùng thấp của đồng bào Tày-Nùng. Thông qua cơ sở cách mạng ở Bạch Thông, một số cán bộ Nam tiến đã tiến vào phía đông châu Chợ Đồn xây dựng cơ sở Đông Viên và Rã Bản.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Đồn (1930-1954)*, sdd, tr. 24.

Cho đến thời điểm này, trên cả hai hướng chính, những “con đường quân chúng” từ Nguyên Bình (Cao Bằng) vào Ngân Sơn, Chợ Rã, xuống Bạch Thông, Chợ Đồn, đã được khai thông, một hành lang cách mạng từ đông bắc xuống tây nam Bắc Kạn đã được xây dựng. Những cơ sở Việt Minh có lực lượng tự vệ làm nòng cốt phát triển rộng khắp.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh Cao-Bắc-Lạng, việc mở rộng tổ chức Việt Minh cho đồng bào vùng cao đã trở thành một yêu cầu cấp thiết. Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ Cao Bằng đã quyết định thành lập Ban vận động khu Việt Minh vùng cao châu Nguyên Bình và Ngân Sơn gồm ba đồng chí Bàn Văn Hoan, Lý Văn Thượng, Thành Công. Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tháng 8-1943, chi bộ Đảng vùng cao được thành lập trực tiếp chỉ đạo việc thành lập khu. Đồng chí Bàn Văn Hoan, dân tộc Dao được kết nạp vào Đảng làm cho đội ngũ đảng viên ở đây được tăng cường về số lượng và chất lượng.

Để phát huy những thành quả to lớn đã giành được, đầu tháng 11-1943, tại Pù Môn (núi Tròn), xã Hoa Thám, châu Nguyên Bình, trên 300 đại biểu đại diện cho các dân tộc Tày, Nùng, Dao, thuộc các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Rã, Chợ Đồn... đã tổ chức mít tinh kỷ niệm lần thứ 26 Cách mạng Tháng Mười Nga. Sau đó các đại biểu tiến hành hội nghị, thảo luận và quyết định phương hướng phát triển phong trào

cách mạng. Hội nghị đã nhất trí đẩy mạnh phong trào ở tỉnh Chu Trinh (mật danh của tỉnh Bắc Kạn), đồng thời quyết định thành lập khu vận động Việt Minh trong các dân tộc thiểu số ở vùng cao thuộc phạm vi các châu Nguyên Bình, Thạch An (Cao Bằng), Ngân Sơn, Chợ Đồn, Chợ Rã (Bắc Kạn).

Thực hiện quyết định này, Hội nghị thành lập khu được tổ chức với sự tham gia của đại biểu Việt Minh Cao Bằng và Bắc Kạn, trong đó có 150 đại biểu người Dao. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành khu gồm bốn người do đồng chí Lý Văn Thượng làm Chủ nhiệm, đồng chí Bàn Văn Hoan được bầu làm Phó chủ nhiệm khu. Khu Việt Minh vùng cao mang mật danh là khu Quang Trung.

Song song với hoạt động của Ban xung phong Nam tiến, thực hiện quyết định của Hội nghị Lũng Hoàì, theo kế hoạch đã thống nhất, lực lượng “Bắc tiến” vào Bắc Kạn theo hai đường chính¹. Từ Võ Nhai, một tổ Cứu quốc quân dự định tiến theo đường qua Na Rì lên Ngân Sơn, nhưng đến Na Rì, do vấp phải lực lượng phản động địa phương, phải quay trở lại xây dựng cơ sở ở vùng

1. Theo quyết định của Hội nghị Lũng Hoàì, toàn bộ Cứu quốc quân rút về nước, ngay từ năm 1942, một bộ phận Cứu quốc quân đã xây dựng cơ sở ở Võ Nhai. Đầu năm 1943, khi toàn bộ Cứu quốc quân trở về, phong trào ở đây được tăng cường và có bước phát triển mới. Từ Võ Nhai, Cứu quốc quân mở rộng địa bàn hoạt động sang Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá, nối liền lạc với bộ phận bám trụ từ cuối năm 1941.

đông nam Bạch Thông¹. Từ Định Hoá, các tổ Cứu quốc quân lần lượt tiến lên Chợ Đồn. Giữa tháng 8-1943, cơ sở Việt Minh đã được xây dựng ở Nghĩa Tá, Đại Sảo, Bình Trung. Cho đến đầu tháng 9-1943, hầu hết người Dao thuộc tổng Nghĩa Tá, Đông Viên đều gia nhập Việt Minh.

Với những hoạt động tích cực của các mũi xung phong Nam tiến và Bắc tiến, tháng 10-1943, hai đoàn Nam tiến và Bắc tiến đã gặp nhau ở xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn), con đường liên lạc giữa các trung tâm cách mạng Việt Bắc đã được khai thông. Để kỷ niệm thắng lợi của hai đoàn Nam tiến và Bắc tiến, xã Nghĩa Tá được đặt tên bí mật là xã Thắng Lợi.

Song song với các đoàn quân Nam tiến, Bắc tiến, phong trào Đông tiến (từ Cao Bằng phát triển xuống Lạng Sơn), Tây tiến (từ Cao Bằng đánh thông qua vùng cao Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang lên biên giới Việt - Trung) được đẩy mạnh. Một số cán bộ Tây tiến đã đến bắc Chợ Rã. Cơ sở cách mạng từ Cao Tân đã mở rộng trong vùng H'Mông, Dao khắp tổng Cao Thượng thuộc các xã Bằng Thành, Nhạn Môn, Công Bằng, Bộc Bó, Giáo Hiệu. Con đường Tây tiến qua phía bắc Chợ Rã được khai thông. Trên cơ sở phong trào cách mạng ở

1. Vùng đông nam Bạch Thông, về sau thuộc đông bắc Phú Lương. Sau khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập, vùng đất này thuộc huyện Chợ Mới - huyện mới được thành lập, tách ra từ huyện Bạch Thông.

vùng cao nói chung và ở Cao Minh nói riêng đã dẫn tới việc ra đời châu Xích Long (20-9-1943) và khu Thiện Thuật (25-9-1943)¹.

Cuối năm 1943, nhiều cán bộ trên hướng Tây tiến đã được tăng cường để xây dựng phong trào một cách vững chắc. Nhiều lớp học văn hoá đã được tổ chức, góp phần nâng cao hiểu biết của đồng bào, có điều kiện tiếp thu ánh sáng cách mạng của Đảng, của Mặt trận Việt Minh, hướng tới độc lập, tự do.

Có thể nói, cho đến cuối năm 1943, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn đã phát triển rộng khắp từ Ngân Sơn đến Chợ Rã, từ Bạch Thông đến Chợ Đồn. Chính sự phát triển của phong trào đã dẫn đến sự ra đời của *Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Kạn* đầu năm 1944, đánh dấu một bước trưởng thành của tổ chức Đảng, tạo đà cho một thời kỳ mới - thời kỳ vùng dậy oanh liệt của nhân dân các dân tộc Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1. Châu Xích Long gồm vùng cao Bảo Lạc, một phần Hà Quảng (Cao Bằng) và vùng cao Chợ Rã. Khu Thiện Thuật là khu vận động cách mạng của đồng bào H'Mông ở Bắc Kạn và Cao Bằng.

Chương II

TIẾP TỤC XÂY DỰNG CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ VŨ TRANG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1943 - 1945)

I. XÂY DỰNG CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ VŨ TRANG, CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA

Sau khi hoàn thành con đường quần chúng nối liền Cao Bằng - Thái Nguyên, và các trung tâm cách mạng ở Việt Bắc, liên lạc với Trung ương về miền xuôi, các đồng chí lãnh đạo hai đoàn Nam tiến và Bắc tiến đã tiến hành rút kinh nghiệm và xác định phương hướng công tác trong tình hình mới. Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, Ban chỉ đạo Nam tiến đã chỉ định, thành lập *Ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Kạn* gồm ba đồng chí: Nông Văn Lạc, Dương Mạc Nghĩa, Tùng Vân và Tỉnh bộ Việt Minh cũng gồm ba đồng chí: Đồng Văn Bằng, Doanh Hằng, Nông Công Tú, do đồng chí Bằng

làm Chủ nhiệm¹.

Trước sự lớn mạnh của phong trào ở Bắc Kạn và Việt Bắc nói chung ngay từ cuối năm 1943, thực dân Pháp đã tiến hành cuộc khủng bố khốc liệt vào khu vực Cao - Bắc - Lạng vì theo chúng: “Hoạt động tuyên truyền của cộng sản vẫn mạnh, nó đang lan rộng ở Cao Bằng và Bắc Kạn thuộc thượng du Bắc Kỳ”.

Tại Bắc Kạn, từ tháng 8 năm 1943, chúng tiến hành khủng bố trên quy mô rộng. Trọng tâm các cuộc hành quân của chúng là Ngân Sơn, Chợ Rã và một phần các châu Bạch Thông, Chợ Đồn. Để thực hiện âm mưu đó, chúng tiến hành tăng quân cho các đồn bốt trên vùng núi cao hiểm yếu của Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, như Bằng Khẩu, Kéo Lặng, Pác Nặm, Tổng Quận ... Mật thám Bắc Kạn với sự phối hợp của mật thám ở Lạng Sơn, Cao Bằng, dưới sự chỉ huy của mật thám Bắc Kỳ, tăng cường lùng sục vào những vùng có cơ sở cách mạng.

1. Theo *Sơ thảo Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn*, Ban cán sự thành lập ngày 22 - 1 - 1943. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, t.I, sđd, tr.99-101 ghi ngày 23 - 1 - 1943. Danh sách Tỉnh uỷ lâm thời và Tỉnh bộ Việt Minh Bắc Kạn, các tài liệu ghi chép có khác nhau. *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn (1939-1954)*, 1991 cho biết Tỉnh uỷ lâm thời có các đồng chí: Nông Văn Lạc, Dương Mạc Hiếu, Tùng Vân; Tỉnh bộ Việt Minh gồm các đồng chí Đồng Văn Bằng, Doanh Hằng, Nông Công Tú. Xem thêm *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông, sđd*. Ở đây dẫn theo *Sơ thảo Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn, sđd, tr.11*.

Bên cạnh hệ thống các đồn binh cũ đã được tăng cường, chúng đã dựng lên nhiều nha bang tá, đồn khố xanh thành một vòng cung từ Bắc Kạn nối sang Cao Bằng; tăng cường lực lượng lính khố xanh và lính đồng do chúng dựng lên để tiến hành truy lùng, vây bắt cán bộ, khủng bố quần chúng cách mạng, đồng thời chúng tiến hành đồn dân trên quy mô lớn nhằm cô lập cán bộ, đảng viên đối với quần chúng.

Đầu tháng 12 - 1943, cuộc khủng bố của địch ở Bắc Kạn được mở đầu bằng việc bắt giữ một cán bộ và một liên lạc của ta ở Ngân Sơn. Tiếp theo đó, chúng tập trung một lực lượng quân sự kéo đến Ngân Sơn do tên Bó chánh Bắc Kạn là Đinh Ngọc Phụng cầm đầu. Để tiến hành khủng bố, chúng chia làm ba toán: một toán do tên Haliê (Halié), chánh mật thám Bắc Kạn chỉ huy tiến vào Bằng Đức, Thượng Ân, Cốc Đán; một toán do tên tri châu Hoàng Mạnh Khuê cầm đầu tiến vào Vân Tùng, Thượng Quan, Thuần Mang; một toán do tên Đòđông (Dedon), đồn trưởng đồn Ngân Sơn chỉ huy tiến đến Thiều Quan, Trung Hoà. Tại đây, chúng tiến hành mọi thủ đoạn thâm độc và xảo quyệt, vừa mua chuộc, dọa nạt, vừa bắt bớ, giam cầm, chém giết. Chúng trừng phạt rất nặng đối với các gia đình cơ sở. Mỗi gia đình có người tham gia Việt Minh phải nộp 20 đồng, mỗi cán bộ Việt Minh phải nộp 200 đồng. Chúng tiến hành rào dân đồn làng trên quy mô 16 xã trong châu. Ở một số xã như Thượng Ân, Đức Vân, Vân Tùng... chúng bắt cả gia đình

cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên đưa về giam giữ tại trại Pá Deng. Riêng tổng Bằng Đức chúng đã bắt 54 người của 16 gia đình. Nhiều người bị buộc tội liên quan với cộng sản, bị chúng đưa đi giam giữ tại nhà tù Sơn La¹.

Tại Chợ Rã (Ba Bể) phong trào cách mạng của quần chúng phát triển ngày càng cao, trong khi đội ngũ cán bộ cơ sở vì không có điều kiện bồi dưỡng nên chưa theo kịp phong trào. Từ cuối năm 1943, phong trào đã bộc lộ một số thiếu sót, chủ quan trong tổ chức lực lượng, phòng gian bảo mật, xuất hiện một số lệch lạc trong chỉ đạo như phát triển hội viên đối với một số tay chân trong bộ máy thống trị của địch... dẫn đến một số cơ sở bị lộ. Ngày 22-11-1943, bọn địch đem quân khủng bố Cao Minh - một trong những địa phương có phong trào mạnh nhất trong vùng. Tại đây, chúng đã thu được một số vũ khí và tài liệu như báo *Việt Lập* (số ra ngày 10 -9-1943), một số giấy hô hào lạc quyên của Liên tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng. Chúng đã bắt đi 14 người, trong đó có những cán bộ chủ chốt ở địa phương như Lý A Nhì (Lý Lở) uỷ viên Việt Minh châu Trưng Vương. Lần đầu tiên bị địch khủng bố, do thiếu kinh nghiệm, thiếu sự chỉ đạo nên quần chúng cách mạng gặp không

1. Xem *Lịch sử đấu tranh cách mạng Ngân Sơn* (1939 - 1954), sđd, tr.20. Các số liệu về cuộc càn quét của địch, tổng hợp từ các sách lịch sử địa phương các huyện Chợ Đồn, Ngân Sơn, Ba Bể, Bạch Thông, thị xã Bắc Kạn.

ít lúng túng. Phần lớn hội viên đã phải bỏ làng bản chạy vào rừng sâu, gặp không ít khó khăn trong đời sống.

Từ Cao Minh, chúng tiếp tục mở các cuộc càn quét đến Lũng Cháng, Nà Vài, Bành Trạch, Mỹ Phương, tăng cường kiểm soát để ngăn chặn hoạt động của Việt Minh. Đồng bào từ bản Nà Nưa bị dồn xuống Khuổi Mù, từ Lũng Cháng chuyển về Thâm Lạng, từ Lũng Cam, Lũng Mấu bị dồn xuống Khuổi Dường (Hà Hiệu), dân Phiêng Muông bị đưa xuống Lũng Luộng. Các bản trên triền núi phía bắc như Cốc Ngoà bị dồn xuống Bản Chán (Đồng Phúc), ở Vàng Kheo, Nà Đông bị lừa về Bản Hậu (Mỹ Phương), v.v..

Đầu năm 1944, các cuộc càn quét vẫn diễn ra khốc liệt. Các cuộc truy lùng, chỉ điểm trở nên ráo riết, nhất là ở khu rừng Píc Cáy, nơi chúng nghi có cơ quan bí mật của ta. Ngày 14-2-1944, đồng chí Bàn Văn Hoan, Phó chủ nhiệm Ban Chấp hành Việt Minh khu Quang Trung đang công tác tại Lũng Viễn (Chợ Rã) thì bị địch bắt, ngày 16-5-1944, chúng đem đồng chí đến bãi Nà Lốc xử bắn cùng với đồng chí Phan Văn Long. Hàng chục hội viên cốt cán như tảo Lường ở Vàng Kheo (Mỹ Phương), ông Khèn Chánh Mán ở Nà Còi (Quảng Khê) bị bắt và giam tại Pá Deng.

Tại Bạch Thông, từ cuối tháng 12-1943, chúng đã tổ chức các cuộc càn lớn vào Nà Lầm xã Đôn Phong theo hai hướng: một hướng vào Bản Giềng, Lũng Mới, Khuổi

Dươn do tên Đờ Phôngti (De Phontie) chỉ huy; một hướng theo đường Cao Lộc, Lục Bình lên Nà Lôm. Nhờ sự che chở của cơ sở, các đồng chí Phạm Duy Tiến, Tùng Vân đang hoạt động ở đây mới không bị sa vào tay giặc. Đêm 8 rạng ngày 9-1-1944, đồng chí Đức Xuân (tức Nông Văn Đàn), đội trưởng Đội tuyên truyền xung phong Nam tiến, một đảng viên cộng sản hoạt động tích cực, đã bị sát hại. Sau khi bắn chết đồng chí tại xã Quân Bình, chúng còn dã man chặt đầu đem bêu tại thị xã Bắc Kạn để khủng bố tinh thần của nhân dân ta.

Tại Chợ Đồn, cuộc khủng bố của địch diễn ra tuy chậm hơn so với Ngân Sơn nhưng kéo dài ngày hơn. Tại các xã, thực dân Pháp đặt thêm các chức “khán hộ”, “khán xã” để kiểm soát người đi lại trong các làng bản, các ngã đường. Lợi dụng không khí khủng bố, bọn phản động tay sai ra sức vợ vét cướp bóc. Do không tìm được manh mối, chúng vợ được bản danh sách kèm đơn khiếu nại giữa đồng bào Dao tiền và Dao đỏ trong vụ tranh chấp chức quản chiểu và biến danh sách này thành danh sách cộng sản để kiểm soát “tổng tiền”. Kết cục 7 người Dao bị bắt phải nộp 15 đồng chúng mới tha về.

Trong cuộc khủng bố của kẻ thù từ cuối năm 1943, đầu năm 1944 đã làm cho phong trào Bắc Kạn gặp không ít tổn thất. Chín đồng chí là cán bộ, đảng viên nòng cốt đã hy sinh, trong đó có đồng chí Đồng Văn Bằng, các đồng chí cán bộ Nam tiến Đức Xuân, Hồng Giang, Mỹ Thanh..., gần 200 người bị tù đày, hàng

ngàn quân chúng bị cướp bóc, tra tấn dã man, bị dồn vào trại Pá Deng.

Mặc dù bị địch khủng bố dã man, nhưng phong trào cách mạng ở Bắc Kạn vẫn trụ vững. Những tấm gương hy sinh oanh liệt của cán bộ đảng viên đã có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc. Giữa nanh vuốt của kẻ thù, quân chúng vẫn tiếp tục đấu tranh dưới các hình thức linh hoạt nhằm chống nộp phạt, bắt bố, thực hiện tốt khẩu hiệu “không biết, không thấy cộng sản”, “không đầu hàng, không đầu thú”, bí mật che giấu nuôi dưỡng cán bộ cách mạng. Nhiều gia đình ăn ngô, khoai, nhường gạo tiếp tế cho cán bộ.

Để hạn chế thiệt hại của phong trào, ngay từ những ngày đầu khi địch khủng bố, Ban Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng đã đề ra các biện pháp kiên quyết và kịp thời để lãnh đạo quân chúng đấu tranh với địch. Ban Liên tỉnh đã chỉ thị cho tất cả cán bộ, đảng viên “phải hết sức đề phòng không để lọt vào tay quân địch và phải chuẩn bị rút vào bí mật”.

Thực hiện chỉ thị của Ban Liên tỉnh, Đảng bộ Bắc Kạn chủ trương: bố trí cho những cán bộ, đảng viên và quân chúng trung kiên không còn điều kiện hoạt động hợp pháp rút vào hoạt động bí mật; lập các Ban xung phong chống khủng bố; tổ chức đời sống cho số cán bộ thoát ly, v.v..

Trong 6 tháng đầu năm 1944, cuộc đấu tranh giữa

ta và địch diễn ra vô cùng ác liệt. Để giữ vững sự phát triển của phong trào, các tiểu tổ tự vệ bí mật và Ban xung phong chống khủng bố được thành lập và bắt đầu hoạt động diệt trừ những tên Việt gian phản động gian ác. Ở nhiều nơi, các ban xung phong đã lựa chọn trong số tự vệ chiến đấu những đội viên trung kiên để lập các đội “hộ lương, diệt ác”.

Sau lớp huấn luyện cấp tốc của Liên tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng ở Khuổi Co (Hoà An, Cao Bằng), 2 tổ vũ trang chống khủng bố được cử xuống Ngân Sơn làm nhiệm vụ tiêu trừ mật thám và phản động ở Na Mòn (Cốc Đán). Nhiều tên tay sai phản động, có nợ máu với nhân dân đã bị trừng trị đích đáng, làm cho bọn phản động phải chùn tay, tăng thêm niềm tin tưởng, phấn khởi của quần chúng.

Ở nhiều nơi, những hội viên trung kiên đã lập ra các đội tiếp tế, cung cấp lương thực, thuốc men cho các chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật. Tại Ngân Sơn, quần chúng còn bí mật dựng lán trong rừng sâu làm nơi nghỉ chân và cung cấp lương thực cho cán bộ. Qua các trạm này, các chỉ thị của Đảng đã đến với quần chúng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh với địch.

Được sự che chở của nhân dân, các cơ quan bí mật tuy phải nhiều lần di chuyển trong khu rừng Phan Thanh, nhưng kẻ địch vẫn không sao lùng bắt được cán bộ. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, đội ngũ

cán bộ được tôi luyện, thử thách, số hội viên trung kiên tham gia hoạt động bí mật ngày càng đông. Nhờ đó, cán bộ vẫn tiếp tục bám sát quần chúng, các cơ quan bí mật tiếp tục chỉ đạo chống khủng bố và đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Tháng 5-1944, một số cán bộ đã được cử đi dự lớp bồi dưỡng chính trị ở Khuổi Tác (Nguyên Bình, Cao Bằng).

Tại Chợ Rã (Ba Bể), dựa vào chủ trương chống địch khủng bố của Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, cán bộ đảng viên Nam tiến đã đề ra một số chủ trương nhằm củng cố phong trào, chuẩn bị lực lượng cho khởi nghĩa vũ trang bao gồm:

- Kiểm tra lại cơ sở cũ, làm trong sạch tổ chức Hội.
- Đặt cơ quan bí mật, có lực lượng vũ trang bảo vệ.
- Tiếp tục huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ.
- Ổn định tinh thần quần chúng, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, ra sức xây dựng lực lượng tự vệ, phát động phong trào “lấy súng địch diệt địch”.

Tại các xã Cao Thượng, Cao Tân, Cổ Linh, dưới sự lãnh đạo của Ban Việt Minh xã Cao Minh, tự vệ đã phối hợp với tự vệ xã Hồng Thái (Nà Hang, Tuyên Quang) đánh địch ở Tuyên Quang. Đầu năm 1944, Ban Việt Minh Liên xã Cao Minh, Hồng Thái được thành lập¹.

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, sđd, tr.45-46.

Mặc dù kẻ địch đã tìm mọi cách tiến hành khủng bố một cách dã man, tàn bạo, nhưng chúng không thể dập tắt được phong trào. Trong báo cáo ngày 30-7-1944 của Công sứ Bắc Kạn, chúng đã phải thừa nhận: “Các cuộc tao thanh này, tuy có làm chúng (tức Việt Minh) rối loạn, nhưng không thể xoá được hành động tuyên truyền của Việt Minh trong tỉnh”¹.

Vượt qua những khó khăn do cuộc khủng bố quyết liệt của kẻ địch gây ra, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn nói riêng và Cao - Bắc - Lạng nói chung đang từng bước được phục hồi và phát triển. Thực hiện chỉ thị Sửa soạn khởi nghĩa ngày 7-5-1944, của Tổng bộ Việt Minh, tháng 7-1944, Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng chủ trương phát động chiến tranh du kích trong phạm vi liên tỉnh, xúc tiến các công việc “Sửa soạn khởi nghĩa”.

Để phát triển chiến tranh du kích, căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai được mở rộng thành chiến khu Hoàng Hoa Thám. Chiến khu này được chia ra làm hai phân khu: Phân khu A (Quang Trung) và phân khu B (Nguyễn Huệ). Trong phân khu B có vùng đất nam Chợ Đồn, Bạch Thông.

Tại Chợ Đồn, nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Liên tỉnh, sự sâu sát của cán bộ cơ sở và tinh thần kiên cường

1. Xem Sơ thảo Lịch sử Cách mạng Tháng Tám tỉnh Bắc Kạn, sdd, tr.13.

của quần chúng, cho nên dù bị địch đánh phá, nhưng các cơ sở cách mạng ở Bản Bàng, Khuổi Ngặm, Nà Dang, Khuổi Nạc, Khuổi Khú, Thôm Phảng, Lũng Tang, Khuổi Nà... vẫn được giữ vững.

Tại Ngân Sơn, Chợ Rã (Ba Bể), hưởng ứng chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh và lời kêu gọi "Sấm vũ khí đuổi thù chung" của Trung ương Đảng ngày 10-8-1944, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở đây diễn ra với nhịp độ khẩn trương. Cơ sở Việt Minh đã được xây dựng rộng khắp cả vùng thấp và vùng cao. Ở các xã, Việt Minh đã vận động nhân dân tích trữ lương thực đủ ăn từ 6 tháng trở lên. Các cán bộ, chiến sĩ tự vệ khẩn trương sắm sửa vũ khí. Ở các làng xã, nhân dân tự động bán tài sản lấy tiền ủng hộ Việt Minh mua sắm vũ khí. Riêng Ngân Sơn, số lượng lương thực đồng bào ủng hộ cách mạng đã lên đến 4-5 tấn, được cất giấu ở những kho kín đáo trong rừng như ở Khẩu Mâu, Khuổi Phát...

Theo kế hoạch của Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng, sau khi thu hoạch vụ mùa 1944, nhân dân 3 tỉnh sẽ tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành quyền làm chủ vùng rừng núi. Do đó càng về cuối năm, công việc chuẩn bị càng khẩn trương. Tháng 10 năm 1944, Liên tỉnh uỷ dự định triệu tập cuộc họp để kiểm tra tình hình và quyết định thời gian hành động. Giữa lúc đó, đồng chí Hồ Chí Minh từ nước ngoài về tới Cao Bằng. Sau khi nghe báo cáo kế hoạch khởi nghĩa của Ban Việt Minh

Liên tỉnh, Người nhận định: "Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục"¹ và ra lệnh hoãn cuộc khởi nghĩa. Quyết định của đồng chí Hồ Chí Minh không những đã tránh cho phong trào cách mạng Cao - Bắc - Lạng mà còn tránh cho cách mạng cả nước những khó khăn không thể lường hết được; đồng thời tạo ra những điều kiện thuận lợi trực tiếp để nhân dân các dân tộc Cao - Bắc - Lạng khẩn trương chuẩn bị tinh thần và lực lượng, tiến lên giành chính quyền, giải phóng quê hương.

II. ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN BỘ PHẬN

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Trên mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật bị quân Đồng minh uy hiếp nghiêm trọng, bị cắt đứt đường tiếp tế trên biển. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Hai tên đế quốc không thể chung nhau một miếng mồi béo bở. Trước tình hình đó, đêm 9-3-1945, Nhật nổ súng hất cẳng Pháp trên cả ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia nhằm độc chiếm Đông Dương

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, sđd, tr.122.

ngăn ngừa hậu họa bị đánh sau lưng.

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, ngày 9-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ta đã họp và ngày 12-3-1945 ra Chỉ thị lịch sử "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Tại Cao - Bắc - Lạng, tuy chưa liên lạc được với Trung ương Đảng, nhưng nhận rõ thời cơ ngàn năm có một, Ban Việt Minh Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng đã họp và ra nghị quyết:

"1. Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn, rồi tùy nơi, sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu, huyện, phủ đến cấp tỉnh.

2. Phân phối cán bộ của đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương, tổ chức thêm những đơn vị Giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật.

3. Phá hoại đường sá, cầu cống, dân chúng tích cực làm vườn không nhà trống khắp nơi.

4. Đối với quân đội Pháp bị Nhật đánh đuổi, chủ trương không khiêu chiến với họ trong lúc họ rút lui, mà tích cực kêu gọi họ cùng nhau thành lập mặt trận chống Nhật"¹.

Quán triệt chủ trương trên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, các tổ chức cứu quốc đã tổ chức nhân dân các dân tộc Bắc Kạn chớp thời cơ vùng dậy

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, sđd, tr. 176.

giành chính quyền về tay nhân dân.

Tại Ngân Sơn, ngay sau khi Nhật tiến hành đảo chính, mặc dù quân Nhật chưa đặt chân đến nhưng thực dân Pháp và tay sai hết sức hoang mang lo sợ, vội vã rút khỏi đồn Kéo Lẻng và Bằng Khẩu, chỉ để lại lực lượng khố xanh đóng ở đồn Ngân Sơn. Chính quyền tay sai từ huyện đến xã hầu như tê liệt.

Trước tình hình đó, chi bộ Chí Kiên đã lãnh đạo các đội tự vệ chiến đấu tiến hành tiêu trừ Việt gian, tước súng lính đồng ở một số nơi. Trong khi đó, một bộ phận của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã chia làm nhiều mũi tiến về phía nam hoạt động. Một trung đội do đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy tiến qua Thượng Ân, Cốc Đán, Hà Hiệu sang Chợ Rã. Một trung đội do đồng chí Đức Long chỉ huy từ xã Thịnh Vượng (Nguyên Bình) tiến qua Đức Vân, Thượng Quan, Thuần Mang xuống Phủ Thông.

Ngày 20-3-1945, một đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến vào địa phận xã Thượng Ân. Sáng ngày 21-3-1945, một cuộc mít tinh lớn đã được tổ chức tại đây bao gồm các đồng chí chỉ huy và chiến sĩ đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tự vệ chiến đấu và hàng trăm quần chúng, nhằm biểu dương lực lượng phát động quần chúng nổi dậy. Cùng ngày, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã gửi thư cho đồn trưởng Ngân Sơn Đòđông kêu gọi chúng

hợp tác với ta đánh Nhật, nếu kéo quân vào khu du kích sẽ được giúp đỡ, nếu ở lại để nộp vũ khí cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh lấy đồn. Tên chỉ huy đồn đã đưa toàn bộ binh sĩ đóng ở đồn Ngân Sơn vào nơi được chỉ định, đó là xã Cốc Đán, chúng ta đã tiếp nhận bộ phận binh lính này. Trước uy thế hào hùng của cách mạng, chính quyền địch từ châu đến xã đều tan rã. Đến cuối tháng 3-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời các xã lần lượt được thành lập (ở các xã Lãng Ngâm, Thiệu Quan, Trung Hoà do sự quấy phá của quân Nhật nên việc lập chính quyền có muộn hơn). Ở cấp châu, mặc dù ủy ban nhân dân lâm thời châu chưa được thành lập nhưng Ban Chấp hành Việt Minh châu đã đảm nhiệm chức năng của bộ máy chính quyền.

Cho đến ngày 21-3-1945, 16 xã thuộc Ngân Sơn đã được giải phóng, nhân dân ta đã giành được chính quyền từ tay địch.

Trong những ngày tháng 3-1945, các đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã phân phối lực lượng tiến về các địa phương ở Cao Bằng và Bắc Kạn để phát động quần chúng nổi dậy. Ở phía bắc Chợ Rã, ngày 19-3-1945, tại Pò Mò (Bằng Thành), một toán lính địch trắng trợn cướp bóc nhân dân và nổ súng vào lực lượng vũ trang ta. Tự vệ Cao Minh phối hợp với lực lượng vũ trang khu Thiện Thuật, được nhân dân ủng hộ đã chặn đánh địch hết sức quyết liệt, buộc chúng phải đầu hàng,

quân ta thu được 30 súng các loại.

Trên đà thắng lợi, nhân dân Chợ Rã tiến lên đánh chiếm đồn Pác Nặm, xoá bỏ chính quyền địch ở các xã phía bắc. Ngày 21-3-1945, bộ phận đi trước của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tiến vào Chợ Rã. Lúc này, quân Pháp do tên Phó giám binh Bắc Kạn đang ẩn náu ở vùng hồ Ba Bể để tìm đường chạy ra biên giới. Trước sự thuyết phục của lực lượng cách mạng, bọn chúng buộc phải chấp nhận các yêu cầu của ta. Ngày 23-3-1945, châu lỵ Chợ Rã hoàn toàn giải phóng. Ngày 24-3-1945, trước đông đảo quần chúng dự mít tinh ở châu lỵ, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tuyên bố xoá bỏ chính quyền và ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến toàn châu Chợ Rã. Tại các xã, quần chúng cách mạng có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, dưới sự chỉ huy của Giải phóng quân đã nổi dậy thu bằng, triện của bọn chức dịch và vũ khí của lính đồng, tịch thu ruộng đất của bọn tay sai phản động chia cho nông dân nghèo không có ruộng, phá trại tập trung để giải phóng những đồng bào bị địch bắt trong dịp khủng bố cuối năm 1943 đầu năm 1944. Một trung đội tự vệ của châu được thành lập để bảo vệ trật tự trị an và làm nhiệm vụ giao thông liên lạc.

Chỉ trong thời gian ngắn, với tinh thần quật khởi, bằng sự kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhân dân Chợ Rã đã đập tan ách thống trị của Pháp và tay sai từ huyện đến xã.

Ngày 30-3-1945, trước sự chuyển biến của tình hình, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã quyết định cho thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Rã. Ủy ban nhân dân ra mắt trong một cuộc mít tinh trọng thể ở châu lỵ. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên trong cao trào khởi nghĩa kháng Nhật cứu nước 1945¹.

Khoảng giữa tháng 4-1945, tại khắp các xã thuộc năm tổng: Thượng Giáo, Nam Mẫu, Quảng Khê, Hà Hiệu, Giáo Hiệu đã thành lập chính quyền cách mạng cấp xã và tổng.

Những thắng lợi dồn dập và to lớn ở Ngân Sơn, Chợ Rã đã có tác động mạnh mẽ tới phong trào ở Chợ Đồn. Ngày 28-3-1945, tại Bản Bảng (xã Nghĩa Tá), Hội nghị cán bộ đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn và Ủy ban Việt Minh châu đã quyết định khởi nghĩa. Để làm nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa, Hội nghị chủ trương thành lập thêm hai trung đội tự vệ, trong đó có một trung đội tự vệ chiến đấu gồm 26 chiến sĩ, trong đó có ba cán bộ người Tày còn đều là người Dao, được trang bị vũ khí tốt để tiến hành tiêu diệt các đồn bốt, xoá bỏ lực lượng quân sự của địch.

1. Thư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đồng bào các dân tộc huyện Ba Bể ngày 25-3-1997. In trong *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, sđd, tr.4. Ủy ban nhân dân lâm thời huyện gồm các ông Hoàng Văn Đàm (Chủ tịch), Hoàng Văn Thủ (Phó chủ tịch), các uỷ viên là Triệu Văn Hiến, Chu Khắc Xứng.

Ngay trong đêm 28-3-1945, trung đội tự vệ chiến đấu đã tiến đánh đồn Tổng Quận và giành thắng lợi một cách nhanh chóng. Phối hợp với bộ phận đánh đồn Tổng Quận, một bộ phận lực lượng tự vệ chiến đấu tiến về khu mỏ kềm Chợ Điền (Bản Thi). Sáng ngày 29-3-1945, ta đã hoàn toàn làm chủ khu mỏ.

Trong khi lực lượng tự vệ chiến đấu tiêu diệt các đồn bốt, trung đội tự vệ thường nhanh chóng phát động quần chúng các xã Nghĩa Tá, Yên Nhuận, Bằng Lãng, Ngọc Phái, xoá bỏ bộ máy tay sai của địch và tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng.

Cũng trong thời gian này, từ phía bắc, một bộ phận của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Hoàng Văn Thái chỉ huy, sau khi giải phóng Ba Bể, Ngân Sơn, gấp rút tiến vào Chợ Đồn.

Ngày 29-3-1945, tại Phương Viên, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và lực lượng tự vệ Chợ Đồn đã gặp nhau. Hai bên thống nhất kế hoạch tấn công giải phóng châu lỵ. Khi vào châu lỵ, quân ta chạm trán với một trung đội khố xanh từ Chợ Rã chạy về. Tuy nhiên, trước khí thế của quân ta, chúng phải đầu hàng nhanh chóng. Châu lỵ Chợ Đồn được giải phóng, ngay sau đó, quân ta phá kho thóc lấy gần 40 tấn thóc chia cho dân nghèo đói.

Đến ngày 30-3-1945, phần lớn châu Chợ Đồn được giải phóng, Ủy ban nhân dân lâm thời các xã được

thành lập. Trên cơ sở đó, đầu tháng 4-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu chính thức được thành lập và ra mắt nhân dân.

Tại Bạch Thông, đến trung tuần tháng 3-1945, mặc dù quân Nhật chưa xuất hiện nhưng quân Pháp cực kỳ hoang mang dao động. Lính Pháp bỏ chạy khỏi thị trấn. Bọn quan chức dân sự, một phần bỏ trốn, một phần chờ Nhật đến để tiếp tục làm tay sai cho chúng.

Ngày 17-3-1945, Nhật cho 500 quân từ Cao Bằng tiến xuống chiếm thị xã Bắc Kạn. Ngay sau khi đặt chân tới thị xã, chúng cho bắt một số quan chức trong bộ máy thống trị của Pháp và thả một số tù nhân đang bị giam giữ nhằm lừa bịp nhân dân ta. Đồng thời chúng tập hợp bọn tay chân đứng ra thành lập bộ máy chính quyền và các đảng phái chính trị thân Nhật như lập "Tỉnh bộ Đại Việt", "Thanh niên Đại Việt", "Bảo an đoàn"... Từ thị xã, chúng điên cuồng xua quân đi hòng chiếm lại các vùng đã giải phóng của ta...

Ở phía bắc Bạch Thông, được sự chỉ đạo trực tiếp của một số cán bộ Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, các cuộc mít tinh được tổ chức công khai tại các xã Vi Hương, Quân Bình, Lục Bình, Hà Vị. Lực lượng tự vệ các xã ngay sau khi thành lập đã tiến hành trừng trị một số tên phản động ngoan cố, vận động nhân dân vùng dậy xoá bỏ chính quyền địch.

Trong nửa cuối tháng 4-1945, ở các xã Đôn Phong,

Dương Phong, Quang Thuận đều đã giành được chính quyền. Cũng trong thời điểm này, từ vùng giải phóng Chợ Đồn, một đội võ trang tuyên truyền đã tiến vào các xã phía tây và tây nam Bạch Thông như Thanh Mai, Thanh Vân, Mai Lạp. Đi đến đâu, đội võ trang đều tiến hành xây dựng cơ sở Việt Minh, xoá bỏ chính quyền cơ sở của địch, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời. Với sự tăng cường của các đội võ trang tuyên truyền ở Bạch Thông, cho đến tháng 7-1945, công cuộc giành chính quyền đã cơ bản hoàn thành.

Tại Na Rì, mặc dù cơ sở cách mạng xuất hiện có chậm hơn so với các địa phương khác, nhưng trong những ngày tháng 3 năm 1945, phong trào cách mạng ở đây phát triển nhanh theo đường tiến của trung đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Ngày 25-3-1945, đơn vị Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã tiến vào Na Rì. Ngày 28-3-1945, ta đã hoàn toàn làm chủ châu lỵ. Theo lệnh của cách mạng, bộ máy chính quyền cũ đã phải đem nộp toàn bộ bằng, triện, sổ sách. Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4-1945, khắp Na Rì sục sôi khí thế của cách mạng. Từ phố Yên Lạc, các cán bộ chiến sĩ giải phóng quân được phân công về các xã tuyên truyền vận động quần chúng. Không khí cách mạng nhanh chóng phát triển ở Lương Hạ, Kim Lư, Cư Lễ(Na Rì), Sĩ Bình, Vũ Muộn(Bạch Thông). Đến cuối tháng 4-1945, ở các xã đã thành lập xong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời.

Để đáp ứng yêu cầu của phong trào, tháng 5-1945, hai lớp huấn luyện đã được tổ chức cho hơn 30 cán bộ tại Yến Lạc và Cư Lễ.

Tháng 7-1945, Hội nghị đại biểu nhân dân các dân tộc toàn châu đã được triệu tập tại Yến Lạc, cử ra Ủy ban nhân dân lâm thời châu Na Rì và thành lập Ban Việt Minh châu.

Như vậy, từ tháng 3 đến tháng 7-1945, cuộc đấu tranh giành chính quyền bộ phận đã giành được thắng lợi ở tất cả các huyện trong tỉnh. Lần đầu tiên nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã giành được chính quyền, thành lập các Ủy ban nhân dân lâm thời để tiếp tục đưa phong trào phát triển lên những bước mới, cùng cả nước làm nên Cách mạng Tháng Tám.

*

* *

Song song với việc giành chính quyền bộ phận, từ sau ngày 9-3, nhân dân các dân tộc Bắc Kạn đã quyết tâm kháng chiến chống Nhật. Trước đòi hỏi mới của phong trào, việc củng cố tổ chức Đảng trở thành yêu cầu bức thiết. Ban cán sự Đảng tỉnh thành lập tháng 1-1944 gặp không ít hạn chế về lực lượng cũng như tổ chức lãnh đạo quần chúng, một số đồng chí lãnh đạo đã hy sinh. Trên thực tế, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn do chi bộ Nam tiến, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Nguyên Giáp đảm nhận. Cuối tháng 3-1945, do yêu cầu mới của cách

mạng, đồng chí Võ Nguyên Giáp và các đồng chí lãnh đạo khác chuyển về Tân Trào. Ban Liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã tuyên bố giải thể. Các tỉnh tự hình thành Tỉnh uỷ lâm thời để lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống phát xít Nhật và giành chính quyền các cấp. Tháng 4 - 1945, đồng chí Dương Mạc Thạch cùng các đồng chí cán bộ lãnh đạo Bắc Kạn đã họp tại Thuận Mang và tự hình thành Tỉnh uỷ lâm thời gồm năm đồng chí và phân công mỗi đồng chí phụ trách một châu.

Đồng chí Dương Mạc Thạch phụ trách châu Hoa Thám (Bạch Thông).

Đồng chí Nông Văn Lạc phụ trách châu Trưng Vương (Chợ Rã).

Đồng chí Doanh Hằng phụ trách châu Ngọc Quyển (Ngân Sơn).

Đồng chí Nông Công Tú phụ trách châu Tri Phương (Na Rì).

Đồng chí Nông Văn Quang phụ trách châu Kháng Nhật (Chợ Đồn).

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đang sục sôi khí thế chống Nhật, ngày 18-5-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường từ Cao Bằng đi Tuyên Quang đã đi qua Bắc Kạn nhiều ngày. Tại các nơi dừng chân ở Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn, Người đã có những chỉ thị quý báu đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc về những

nhiệm vụ trước mắt như: Vấn đề xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, yêu cầu tăng cường lực lượng vũ trang, nhiệm vụ đảm bảo giao thông, liên lạc... Người ân cần nhắc nhở đồng bào về tăng cường đoàn kết, nỗ lực tăng gia sản xuất, học văn hoá, tích cực sinh hoạt đoàn thể...

Quán triệt chỉ thị của đồng chí Hồ Chí Minh, tháng 5-1945, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã được triệu tập tại Cò Luông (xã Thượng Quan, Ngân Sơn). Sau khi thảo luận huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Đảng bộ đã quyết nghị:

- Củng cố các đơn vị vũ trang đã lập, xúc tiến thành lập một số đơn vị mới.

- Đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước. Đưa lực lượng vũ trang áp sát các vị trí của Nhật ở thị xã và các thị trấn quan trọng; phương pháp tác chiến chủ yếu là phục kích, đồng thời tập kích các đơn vị lẻ chưa có công sự kiên cố; tăng cường công tác thông tin liên lạc, sẵn sàng đưa các lực lượng vũ trang chiếm ngay các thị trấn, huyện lỵ khi có điều kiện.

- Hết sức đề phòng thực dân Pháp quay trở lại; chú ý theo dõi bọn tay sai của Pháp.

Ở Bắc Kạn, trước và sau ngày 9-3, bọn gián điệp và tay sai Nhật đã hoạt động ráo riết. Giữa tháng 3-1945, sau khi đánh chiếm thị xã, chúng đã bắt đầu mở rộng ra

các địa phương khác trong tỉnh, nhằm thiết lập bộ máy thống trị¹.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị của Đảng bộ tại Thượng Quan, cao trào kháng Nhật diễn ra rộng khắp trong tỉnh.

Từ đầu tháng 4-1945, ngay sau khi Nhật vừa chiếm đóng, trung đội tự vệ vũ trang Chí Kiên và tự vệ xã Cốc Đán do đồng chí Doanh Hằng chỉ huy đã chủ động bao vây đồn Ngân Sơn, kêu gọi chúng ra hàng. Trước uy thế của quân ta, trung đội bảo an đã xin hàng. Ta thu 18 súng trường, 1 súng máy, 2 hòm đạn và quân trang, quân dụng.

Trung tuần tháng 5-1945, quân Nhật và bảo an từ thị xã Bắc Kạn kéo lên và từ Cao Bằng kéo xuống phối

1. Ở tỉnh, chúng đưa tên tay sai của Pháp là Đinh Văn Trân lên làm tỉnh trưởng. Tại Na Rì, chúng cho tên quản cơ có nợ máu với cách mạng thay tên tri châu cũ đã bỏ chạy, nhưng hoảng sợ trước khí thế cách mạng, tên này đã vội vàng đầu hàng.

Tại Ngân Sơn, chúng cho một tên đội khố xanh mang theo một trung đội lên chiếm lại huyện lỵ, đồng thời lãnh chức tri châu kiêm đồn trưởng, nhưng trước áp lực của nhân dân nên hoàn toàn bất lực.

Hai tên tay sai khác được đưa về Chợ Đồn để lập chính quyền tay sai, nhưng đều bị nhân dân bắt nộp cho Việt Minh.

Tại Phủ Thông, chúng đưa Nông Ích Diệm ra làm bang tá để cai quản trong vùng, nhưng chúng chỉ kiểm soát được phố Phủ Thông.

hợp tiến công vùng giải phóng phía tây và tây bắc Bắc Kạn. Chúng tiến hành vây càn vùng hồ Ba Bể, huyện Chợ Đồn, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta nhưng gặp cảnh vườn không nhà trống lại liên tiếp bị ta phục kích chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải tháo lui. Quân và dân Bạch Thông phục kích địch ở Cao Kỳ, Phủ Thông ở Nà Hoan, Chợ Mới. Quân Nhật bị tấn công, bao vây, không có lương thực, buộc phải rút quân co cụm về thị xã. Vùng giải phóng Bắc Kạn vẫn được giữ vững, góp phần xây dựng khu Giải Phóng Việt Bắc vào đầu tháng 6-1945.

Để mở rộng địa bàn chiếm đóng, thu hẹp khu Giải Phóng của ta, ngày 21-6-1945, quân Nhật huy động một lực lượng lớn càn quét vào Chợ Rã lần thứ tư. Phối hợp chiến đấu với quân và dân Chợ Rã, Quân giải phóng và tự vệ Bạch Thông tổ chức tập kích Bảo an binh tại đồn Lanh Chang (Lục Bình), Nà Đình (Quang Thuận) và thị trấn Phủ Thông, chặn đường tiếp tế của địch trên Quốc lộ số 3. Kết quả ta đã diệt gần 10 tên địch, thu một số vũ khí.

Thực hiện phương án phá hoại giao thông, trên Quốc lộ số 3 hầu hết các cầu cống như cầu Sáu Hai, Nà Cù, Phủ Thông và cầu chân đèo Giàng đều bị phá, gây không ít khó khăn cho địch.

Ở phía bắc Chợ Rã, trong thời kỳ này tuy không có quân Nhật chiếm đóng, nhưng tự vệ các xã đã thực hiện

phương châm tìm địch mà đánh. Phối hợp với Quân giải phóng Cao Bằng, trung đội người H'Mông xã Cao Minh và tự vệ xã Giáo Hiệu đã tiến đánh địch ở một số địa phương khác. Tiêu biểu là trận tiến công quân Nhật ở đồn Bắc Mê (Hà Giang).

Ngày 2-7-1945, quân Nhật ở thị xã vội vã điều 100 quân vào đánh phá Chợ Đồn. Trên đường tiến quân, chúng bị ta phục kích chặn đánh tại xã Dương Phong buộc chúng phải tháo chạy trở lại thị xã.

Bị tiến công dồn dập, đầu tháng 8-1945, quân Nhật buộc phải rút quân ở các địa phương, co cụm về giữ thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông. Trên đường rút về co cụm chúng đã bị quân và dân ta chặn đánh trên dọc Quốc lộ số 3 từ Nà Phặc đến Lãng Ngâm, Hưng Nê, Dèo Giàng.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ, các lực lượng vũ trang cách mạng đã áp sát thị xã và các cứ điểm của địch, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng khởi nghĩa. Tại thị xã, đồng bào phấn khởi tin tưởng vào thắng lợi của Việt Minh. Ở phố Tòng Hoá (nay là Đội Kỳ), một số gia đình đã quyên góp tiền mua lợn, muối, quần áo... ủng hộ Giải phóng quân.

Tự vệ cứu quốc được chuẩn bị gậy gộc, giáo mác, hoạt động tích cực. Từ thị xã cho đến các huyện đã sục sôi không khí khởi nghĩa.

III. KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG TÁM NĂM 1945

Giữa lúc cao trào kháng Nhật cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra mạnh mẽ, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai cũng bước vào giai đoạn kết thúc. Thực hiện cam kết Yanta, ba tháng sau ngày chiến thắng phát xít Đức, Liên Xô và các nước Đồng minh tuyên chiến với Nhật ở Mặt trận châu Á (8-8-1945). Chỉ trong vòng một tuần lễ, Hồng quân Liên Xô đã đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật, buộc Nhật phải đầu hàng vô điều kiện.

Trong điều kiện tình hình thế giới phát triển thuận lợi, ngay từ cuối tháng 5-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về Tân Trào (Tuyên Quang). Tại đây, cùng với Trung ương Đảng, Người trực tiếp lãnh đạo phong trào trong cả nước. Dưới sự chỉ đạo của Người, khu Giải Phóng Việt Bắc ra đời, trở thành căn cứ địa của cả nước, là hình ảnh nước Việt Nam mới đang phôi thai trong cuộc cách mạng. Khu Giải Phóng có nhiệm vụ "lãnh đạo toàn khu về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội"¹. Các chính sách của Việt Minh trên nhiều lĩnh vực được triển khai thực hiện.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, Mặt trận Việt Minh và chính quyền các cấp, các tầng lớp nhân dân trong khu đã tích cực tham gia xây dựng khu Giải Phóng. Nhiều chủ trương, biện pháp đã được triển khai như: Bầu cử chính

1. Văn kiện Đảng toàn tập, sđd, t.7, tr. 541.

quyền cách mạng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển bổ túc văn hoá. Ở một số địa phương như Chợ Rã đã tiến hành chia lại ruộng công, thực hiện giảm tô, giảm tức, hoãn nợ, v.v. có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của nhân dân ta, tạo ra các điều kiện vật chất cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngay sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, ngày 12 - 8 - 1945, Uỷ ban chỉ huy lâm thời khu Giải Phóng đã ra lệnh cho Giải phóng quân, lực lượng tự vệ, chính quyền các cấp và nhân dân trong khu đứng lên khởi nghĩa. Bản mệnh lệnh của Uỷ ban chỉ huy lâm thời khu Giải Phóng khẳng định: "Giờ phút khởi nghĩa đã tới, cuộc chiến đấu chúng ta đã đến lúc quyết liệt"¹. Bản mệnh lệnh này còn chỉ ra 10 nhiệm vụ cụ thể nhằm "bảo đảm sự thành công của cuộc khởi nghĩa"².

Ngày 13-8-1945, tại Tân Trào, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định thành lập Uỷ ban khởi nghĩa. Đêm 13-8-1945, Uỷ ban khởi nghĩa ra Quân lệnh số I kêu gọi toàn quốc tổng khởi nghĩa. Ngày 16-8-1945, Quốc dân đại hội đã khai mạc tại Tân Trào, nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương của Đảng. Đại hội đã thông qua lệnh Tổng khởi nghĩa, cử ra Uỷ ban dân tộc giải phóng, làm nhiệm vụ Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam.

Ngày 11-8-1945, tại Píc Cáy (Mỹ Phương, Chợ Rã), Tỉnh uỷ đã triệu tập hội nghị cán bộ quân chính để bàn

1.2. Xem Văn kiện Đảng toàn tập, t.7, tr.419-420.

biện pháp tiến công tiêu diệt quân phát xít, giải phóng thị xã, song bị lực lượng bảo an ở Lanh Chang do tên Đội Ngọc chỉ huy tìm cách đánh úp, nên Hội nghị đành phải tạm hoãn.

Trong những ngày tháng 8-1945, tại Bắc Kạn, quân Nhật hoang mang muốn điều đình với ta để rút lui, tránh bị tiêu diệt. Về phía ta, các điều kiện cần thiết để đập tan quân địch, giải phóng thị xã đã xuất hiện.

Theo chủ trương của Tỉnh uỷ, lực lượng vũ trang đã áp sát các cứ điểm của địch đẩy chúng vào thế cô lập và bị động, hoang mang đến cực độ. Trong tình thế đó, chúng đã cử phái viên ra Phặc Chàng (Dương Quang) liên hệ với ta để đề nghị thương lượng.

Để tránh đổ máu không cần thiết, Ban chỉ huy đơn vị Quân giải phóng bao vây địch ở thị xã đồng ý gặp bộ chỉ huy chiếm đóng của quân Nhật ở Bắc Kạn. Sáng 19-8-1945, đại diện Quân giải phóng và quân Nhật gặp nhau tại sân bay. Về phía ta có các đồng chí Thu Sơn và Hải Phong. Ta nói rõ chủ trương, chính sách nhân đạo của Việt Minh khi quân Nhật bại trận và yêu cầu chúng nộp vũ khí. Tại cuộc trao đổi đó, phía Nhật hứa không can thiệp vào công việc nội bộ của ta, bàn giao bộ máy tay sai cấp tỉnh cùng toàn bộ kho tàng gồm 21 vạn đồng tiền Đông Dương, 180 khẩu súng, 500 kết đạn... Phía ta đồng ý cấp cho Nhật một số lương thực và thực phẩm, ngừng các việc tiến công để chúng rút về Thái Nguyên, Hà Nội.

Từ Chợ Rã, được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, các đồng chí đại diện Tỉnh uỷ, Tỉnh bộ Việt Minh và Chỉ huy Quân giải phóng đã quyết định thành lập một đơn vị vũ trang do đồng chí Nông Văn Lạc phụ trách nhanh chóng tiến về thị xã. Đơn vị chia làm hai ngả tiến xuống giải phóng Phủ Thông, bổ sung lực lượng gấp rút về thị xã. Đến cầu Nà Cù, quân ta chạm trán với quân Nhật, nhưng chúng không dám chống cự.

Theo thoả thuận, ngày 19-8, sáng 20-8, đại diện Việt Minh tỉnh Bắc Kạn và chỉ huy Quân giải phóng gặp chỉ huy quân Nhật chiếm đóng. Ta yêu cầu quân Nhật giao nộp vũ khí, kho tàng, công sở và rút quân.

Ngày 21-8, các đơn vị quân giải phóng cùng lực lượng tự vệ và nhân dân vùng giải phóng từ nhiều hướng tiến vào thị xã. Nhân dân thị xã đổ ra đường hoan chào đón thắng lợi.

Sáng ngày 21-8-1945, tại trại Bảo an binh, tất cả ngụy binh được tập trung lại để nghe đại diện Việt Minh giải thích chủ trương của cách mạng. Sau đó, nhân danh Việt Minh đồng chí đại diện tuyên bố giải tán công cụ đàn áp của phát xít Nhật, bọn bảo an được khoan hồng, cấp giấy cho về địa phương làm ăn sinh sống.

Buổi chiều cùng ngày, tại dinh Chánh sứ, ta đã triệu tập các công chức trong bộ máy chính quyền bù nhìn, tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai do Nhật dựng lên.

Ngày 23-8-1945, đoàn xe chở 400 quân Nhật chính thức rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Lo sợ bị đánh úp dọc đường, quân Nhật yêu cầu ta cấm cờ Việt Minh trên mỗi xe và có cán bộ Việt Minh đi cùng. Bắc Kạn sạch bóng quân thù.

Ngay sau khi giành thắng lợi ở thị xã, ngày 23-8-1945, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã triệu tập Hội nghị cán bộ tại Phủ Thông. Tham dự Hội nghị có trên 30 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Tỉnh bộ Việt Minh, Chỉ huy Quân giải phóng và đại diện các châu trong tỉnh.

Sau khi nghe báo cáo về thắng lợi to lớn của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, những chủ trương, chính sách của Đảng ta trong tình hình mới, Hội nghị đã quyết định những công tác khẩn cấp trước mắt. Để giữ vững và bước đầu phát huy thành quả to lớn vừa mới giành được, phải thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Bạch Thông và cử người tham gia lãnh đạo các cấp chính quyền. Để tăng cường sức mạnh lãnh đạo của Đảng bộ, Hội nghị chủ trương phải nhanh chóng xây dựng và kiện toàn hơn nữa cấp ủy Đảng các cấp, tổ chức những cuộc mít tinh tuần hành để biểu dương lực lượng, chào mừng và ủng hộ Chính phủ nước Việt Nam độc lập.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Phủ Thông, các cấp

ủy Đảng đã được kiện toàn; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được bổ sung thêm một số ủy viên do đồng chí Nông Văn Quang (Lý Công) làm Bí thư Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh cũng được thành lập gồm có chín ủy viên, do đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ tịch. Ở khắp mọi nơi trong tỉnh, các cuộc mít tinh tuần hành của quần chúng và lực lượng vũ trang diễn ra sôi nổi, rầm rộ. Khí thế cách mạng của quần chúng được phát huy cao độ trong quá trình khởi nghĩa giành chính quyền tiếp tục được khích lệ trong thời kỳ mới của cách mạng.

Ngày 25-8-1945, một cuộc mít tinh lớn có tới hàng vạn người, bao gồm đồng bào các dân tộc thị xã, huyện Bạch Thông và đại biểu các địa phương trong toàn tỉnh đã được tổ chức tại thị xã Bắc Kạn. Đại diện Tỉnh bộ Việt Minh tuyên bố chính thức xóa bỏ toàn bộ chính quyền địch ở Bắc Kạn, chính quyền cách mạng đã được thành lập và giới thiệu thành phần Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Kạn đã hoàn toàn thắng lợi và diễn ra nhanh chóng, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của Đảng bộ, Mặt trận Việt Minh và toàn thể nhân dân Bắc Kạn. Thắng lợi to lớn đó đã chấm dứt ách thống trị của đế quốc xâm lược trên nửa thế kỷ và ách thống trị phong kiến gần 1000 năm...

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ nhân dân Bắc Kạn vươn lên làm chủ vận mệnh, làm chủ giang sơn xứ sở của mình. Thắng lợi to lớn đó đã góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh đổ bọn đế quốc thực dân và tay sai, giành tự do, độc lập, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Kạn là một minh chứng hùng hồn, thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, sáng tạo của nhân dân Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Kạn đã khẳng định sự sáng suốt của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là thắng lợi của phương pháp cách mạng đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa, là sự kết hợp sáng tạo giữa xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Ngày 25-8-1945, ta mới tổ chức mít tinh và tuyên bố xoá bỏ bộ máy chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 27-8-1945, thể theo yêu cầu của quần chúng, Ủy ban nhân dân cách mạng đã mở phiên toà công khai để xét xử những tên phản động có nợ máu với cách mạng.

Do thiếu kinh nghiệm, nên trong những ngày đầu giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, việc quản lý hành chính, nhân sự bộc lộ một số hạn chế. Ta chưa kịp thời truy quét các tổ chức đảng phái phản động, bọn mật thám chỉ điểm...

Những hạn chế trên đây chính là bài học kinh nghiệm để Đảng bộ Bắc Kạn vững vàng hơn trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn đã góp thêm những kinh nghiệm quý giá trong kho tàng kinh nghiệm đấu tranh giành độc lập dân tộc của Đảng và nhân dân ta. Để có thắng lợi nhanh gọn, không đổ máu, nhân dân Bắc Kạn mãi mãi ghi sâu sự hy sinh anh dũng của biết bao đồng bào, đồng chí như Phùng Chí Kiên, Bàn Văn Hoan, Đức Xuân, Đồng Văn Bằng... và nhiều đồng chí, đồng bào vì sự nghiệp giải phóng quê hương.

Một chương mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã mở ra.

Do thiếu kinh nghiệm, nên trong những ngày đầu
giúp chỉnh đốn trong Cách mạng Tháng Tám, việc
quản lý hành chính, nhân sự bộc lộ một số hạn chế. Ta
chưa kịp thời xây dựng cơ sở chức năng phải phân
hạng, đơn vị làm chủ nhiệm...

Nhưng hạn chế trên đây chính là bài học kinh
nghiệm để Đảng bộ Bắc Kạn vững vàng hơn trong việc
lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng
Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn đã góp thêm những
kinh nghiệm quý giá trong kho tàng kinh nghiệm dân
tranh giành độc lập dân tộc của Đảng và nhân dân ta.
Để có thành lợi nhuận gọn, không đổ máu, nhân dân
Bắc Kạn một lần nữa lại sẵn sàng anh dũng trả đũa
bao đồng bào, đồng chí như Phùng Chí Kiên, Bàn Văn
Hoan, Đức Xuân, Đông Văn Bằng... và nhiều đồng chí,
đồng bào vì sự nghiệp giải phóng quê hương.

Một chương mới trong lịch sử dân tranh cách mạng
của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã mở ra.

PHẦN THỨ II

**ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
TRONG TỈNH ĐẤU TRANH GIỮ
VỮNG CHÍNH QUYỀN CÁCH
MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945-1954)**

PHẦN THỨ II

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
TRONG TÌNH ĐẦU TRẦN GIỮ
VÙNG CHÌN QUYỀN CÁCH
MẠNG, KHANG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1945-1954)

Chương I

XÂY DỰNG, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1945-1949)

I. XÂY DỰNG VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

1. Tình hình Bắc Kạn những ngày đầu mới thành lập chính quyền cách mạng

Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Bắc Kạn đồng tâm hướng về Ba Đình trong niềm vui lớn: một cuộc đời chưa từng có đối với mỗi người dân Việt Nam.

Ngay sau khi được thành lập, chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân ta lại phải đối phó với một tình thế hết sức hiểm nghèo. Dưới danh nghĩa quân Đồng minh tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật, quân đội một số nước đế quốc đã kéo vào nước ta. Gần 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc từ vĩ tuyến 16 trở ra và

hàng vạn quân Anh ở phía nam. Núp dưới bóng quân Anh, ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đã nổ súng tiến hành cuộc xâm lược lần thứ hai ở Nam Bộ. Trong tình hình đó, các lực lượng phản động theo chân đế quốc chống phá cách mạng một cách quyết liệt. Thêm vào đó chính quyền cách mạng còn phải tiếp thu gia tài đổ nát do chế độ cũ để lại: Hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội nặng nề, thù trong giặc ngoài chồng chất....

Cùng một lúc, nhân dân ta phải đối phó với nạn giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Vận mệnh dân tộc như "nghìn cân treo sợi tóc".

Tại Bắc Kạn, sau khi giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, phong trào cách mạng tại địa phương có những thuận lợi rất căn bản. Là một trong những tỉnh căn cứ địa, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân Bắc Kạn đã được tôi luyện qua các cao trào cách mạng; hầu hết các châu huyện đã giành được chính quyền trong cao trào kháng Nhật cứu nước, thực hiện thắng lợi các chính sách của Việt Minh trong khu Giải Phóng và có những thành tựu nhất định trong xây dựng chính quyền, mở rộng và củng cố các đoàn thể cách mạng, phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội... Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, cán bộ, đảng viên từng bước trưởng thành, nhân dân các dân tộc có niềm tin lớn đối với Đảng và chế độ mới.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chung của tình hình đất

nước, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn cũng gặp phải không ít khó khăn, thử thách quyết liệt, tưởng chừng không vượt qua nổi.

Là một tỉnh miền núi nhiều dân tộc, do hậu quả của chế độ thực dân phong kiến, đời sống đại bộ phận nhân dân lao động cực kỳ khó khăn; tài chính và ngân sách của chính quyền mới thành lập hoàn toàn trống rỗng; nhân dân lao động không những đói, rách mà còn bị kìm hãm trong ngu dốt, lạc hậu. Bên cạnh đó, thành quả mà nhân dân ta vừa giành được trong Cách mạng Tháng Tám luôn luôn bị thù trong giặc ngoài âm mưu xoá bỏ.

Tại Bắc Kạn, tuy không có quân Tưởng đi qua và chiếm đóng, nhưng là nơi có nhiều người Hoa sống tập trung nên trở thành địa bàn hoạt động từ trước của quân Tưởng. Những ngày đầu sau cách mạng, những tên tay sai của Tưởng len lỏi vào các bản làng, phố chợ, tuyên truyền, lôi kéo người Hoa vào tổ chức "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội", xúi giục những người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc. Tại các nơi người Hoa sống tập trung như Chợ Mới, Phủ Thông (Bạch Thông), Bản Thi (Chợ Đôn), Pác Nặm, Dài Khao (Chợ Rã), Yên Lạc (Na Rì), Bằng Khẩu (Ngân Sơn), v.v. chúng đều lập trụ sở "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội", ra sức xuyên tạc, lừa bịp, gây chia rẽ trong nhân dân ta, treo cờ, ảnh và đeo huy hiệu của Tưởng, kích động thân nhân những kẻ phản động đã bị cách mạng trừng trị. Đặc biệt trên vùng núi cao, lợi dụng núi rừng hiểm trở, chúng đã lập

lực lượng có vũ trang tiến hành cướp của giết người và chống phá chính quyền cách mạng, gây cho ta không ít khó khăn.

2. Xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong tình hình mới

Để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới do Trung ương Đảng và Chính phủ đề ra mà trước hết là củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu đặt ra ở Bắc Kạn là phải xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ khả năng lãnh đạo nhân dân đương đầu với những thử thách mới. Trong cao trào giải phóng dân tộc, do những điều kiện khách quan và chủ quan, tổ chức Đảng ở Bắc Kạn phát triển chậm. Trong và sau Cách mạng Tháng Tám, ở Bắc Kạn chỉ có 21 đảng viên. Từ nửa cuối tháng 8 đến đầu tháng 9-1945, xuất phát từ yêu cầu chung của cả nước, Đảng bộ vẫn cung cấp cho Trung ương và Xứ uỷ một số cán bộ có kinh nghiệm vận động quần chúng, kể cả những đồng chí đang đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo chủ chốt của địa phương. Cho đến cuối tháng 9-1945, Đảng bộ Bắc Kạn chỉ còn tám đảng viên. Đứng trước tình hình đó, việc tăng cường công tác xây dựng Đảng mà trước hết là đẩy mạnh công tác phát triển Đảng là yêu cầu khách quan đối với sự phát triển phong trào ở Bắc Kạn.

Ngày 11-11-1945, trước diễn biến phức tạp của tình hình cách mạng trong cả nước, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, mà thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Xuất

phát từ điều kiện cụ thể của nước ta lúc bấy giờ, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ta đã ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", trong đó chỉ rõ: "Phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên (...). Phải tổ chức các tổ nghiên cứu chủ nghĩa Mác, bao gồm tất cả các phần tử có khuynh hướng cộng sản hay cảm tình cộng sản do những người cộng sản điều khiển"...¹

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ Bắc Kạn đã tập trung lãnh đạo chuyển hoạt động của bộ máy các cấp phù hợp với tình hình mới. Tại Bắc Kạn, "Hội văn hoá Mácxit" đã được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội văn hoá Mácxit và các Ủy ban tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở các huyện đã tích cực tuyên truyền công khai chủ nghĩa Mác, đường lối, chính sách của Đảng. Một số sách lý luận Mác-Lênin và báo *Sự Thật* - cơ quan ngôn luận của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương được phổ biến trong các tầng lớp nhân dân. Mặc dù kết quả của các hoạt động tuyên truyền trên đây còn nhiều hạn chế, nhưng thông qua đó đã góp phần giáo dục quần chúng, nâng cao nhận thức về đường lối của Đảng, tình hình nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, tạo điều kiện để tiến hành công tác xây dựng Đảng.

1. *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1950)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, t. I, tr.33-34.

Từ cuối năm 1945, đầu năm 1946, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tiến hành công tác phát triển Đảng, lần lượt kết nạp các cán bộ đã hoạt động trước và trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngoài ra, Đảng bộ còn chủ trương bồi dưỡng và kết nạp số cán bộ, hội viên Cứu quốc tiêu biểu xuất hiện trong và sau Cách mạng Tháng Tám. Cho đến năm 1946, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đã lên đến 40 người.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ về việc củng cố Đảng bộ tỉnh, tháng 12-1946, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã mở Hội nghị cán bộ toàn tỉnh lần thứ II kể từ sau ngày cách mạng thành công (thực chất là hội nghị toàn thể Đảng bộ). Trên cơ sở phân tích tình hình và nhiệm vụ mới, Hội nghị hoàn toàn nhất trí chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức, nhằm làm cho Đảng bộ nhanh chóng phát triển về số lượng và chất lượng. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm chín uỷ viên chính thức và hai uỷ viên dự khuyết, do đồng chí Nông Văn Quang (Lý Công) làm Bí thư. Ban Thường vụ gồm có các đồng chí Nông Văn Lạc, Dương Mạc Thạch, Doanh Hằng.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, Tỉnh uỷ mới đã phân công năm đồng chí tỉnh uỷ viên xuống năm huyện trong tỉnh trực tiếp chỉ đạo phát triển đảng viên và xây dựng bộ máy lãnh đạo cấp huyện.

Tại thị xã Bắc Kạn, đầu năm 1946, riêng thị xã mới có hai đảng viên sinh hoạt chung với chi bộ của Tỉnh bộ Việt Minh (gọi tắt là chi bộ công sở tỉnh), sau đó chuyển sang sinh hoạt chung với chi bộ công sở huyện Bạch Thông. Đây là chi bộ ghép giữa Bạch Thông và thị xã. Giữa tháng 12-1946, chi bộ được bổ sung thêm bốn đồng chí đảng viên mới và tách thành chi bộ riêng, do đồng chí Nguyễn Quang Hiền làm Bí thư. Chi bộ có nhiệm vụ lãnh đạo các đoàn thể ở thị xã xây dựng cuộc sống mới, bảo vệ các cơ quan của tỉnh đóng trên địa bàn. Sau khi được thành lập, chi bộ đã được một số cán bộ ở Trung ương như Xuân Thủy, Trần Huy Liệu, Trần Lâm... hướng dẫn mở các lớp huấn luyện cán bộ, đảng viên nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng¹.

Từ đầu năm 1946, tại Bạch Thông, việc xây dựng và phát triển tổ chức Đảng ở cơ sở đã được đặt ra một cách cấp bách. Từ đầu năm 1946, Tỉnh uỷ đã cử cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác và tuyên truyền xây dựng cơ sở Đảng. Cho đến giữa năm 1946, ngoài chi bộ cơ quan, còn có chi bộ Hoa Sơn do đồng chí Thế Trọng làm Bí thư. Trên cơ sở này, Huyện uỷ Bạch Thông đã được thành lập, do đồng chí Hoàng Mỹ Đức làm Bí thư.

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)*, sđd, tr.54.

Tổng số đảng viên trong Đảng bộ là chín đồng chí. Từ cuối năm 1946 trở đi, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ và Huyện uỷ, các chi bộ đảng lần lượt ra đời ở các xã và liên xã, tạo nên nhân tố quan trọng nhất cho sự phát triển phong trào cách mạng.

Tại Ngân Sơn, nơi có phong trào cách mạng sớm nhất trong tỉnh, từ chi bộ Chí Kiên thành lập tháng 9-1943 với ba đồng chí đã nhanh chóng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cho đến đầu năm 1947, ở Ngân Sơn có sáu chi bộ (bốn chi bộ xã, hai chi bộ công sở) với 40 đảng viên. Trên cơ sở đó, Huyện uỷ Ngân Sơn do đồng chí Đồng Văn Mai, tỉnh uỷ viên phụ trách đã được thành lập.

Mặc dù có phong trào cách mạng chậm hơn các địa phương khác, nhưng ở Na Rì phong trào cách mạng lại phát triển nhanh trong thời kỳ tiền khởi nghĩa. Cuối năm 1946, chi bộ đầu tiên của huyện Na Rì được thành lập gồm ba đồng chí.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, một số đồng chí từng hoạt động ở Chợ Rã đã được cử đến vùng Thượng Minh (trong các xã Chu Hương, Mỹ Phương) tuyên truyền, phát triển Đảng. Cuối năm 1946 đã kết nạp được ba đảng viên là các đồng chí Hoàng Văn Tiên (Cao Khải) xã Chu Hương, Nông Văn Thạm (Quốc Lâm) và Nông Thị Phân (Nông Thị Tâm) xã Mỹ Phương.

Được sự phân công của Tỉnh ủy theo quyết định của Hội nghị cán bộ tháng 12-1946, đồng chí Nông Văn Quang được cử về phụ trách công tác Đảng ở huyện Chợ Rã, giữ cương vị như Bí thư Huyện uỷ lâm thời. Cuối năm 1946, chi bộ công sở Chợ Rã được thành lập. Tham gia sinh hoạt trong chi bộ này, ngoài những đảng viên công tác tại các cơ quan trong huyện, còn có các đảng viên ở các xã được kết nạp từ cuối năm 1946 do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách¹.

Giữa tháng 7-1946, đồng chí Lô Quang Kháng được chỉ định phụ trách Ban cán sự huyện Chợ Đồn. Ngày 1-12-1946, một số cán bộ ưu tú Chợ Đồn được kết nạp vào Đảng, chi bộ đầu tiên của huyện Chợ Đồn chính thức được thành lập gồm năm đồng chí, đồng chí Lô Quang Kháng được chỉ định làm Bí thư.

Để nâng cao trình độ chính trị cho đảng viên, mặc dù cán bộ cơ sở với số lượng ít nhưng Tỉnh uỷ vẫn kiên quyết cử nhiều đảng viên đang đảm nhiệm các trọng trách ở tỉnh và huyện đi dự các lớp huấn luyện do Trung ương và Xứ uỷ mở, đồng thời mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn (30 ngày và 15 ngày) cho cán bộ, đảng viên cơ sở.

1. Đồng chí Nông Văn Quang quê ở xã Tam Kim (Nguyên Bình), là cán bộ Nam tiến thường gọi là Quang béo để phân biệt với đồng chí Mạc Văn Úc (tức Nông Văn Quang, Lý Công) người xã Minh Tâm (Nguyên Bình). Xem *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, sdd, tr.69,70.

Học viên theo học các lớp này được bồi dưỡng nhận thức về Đảng như: Cộng sản sơ giản, lịch sử Đảng; về cách mạng dân tộc dân chủ; tình hình, chủ trương và nhiệm vụ mới, v.v..

Song song với việc xây dựng và kiện toàn cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Đảng bộ Bắc Kạn còn chủ trương đẩy mạnh xây dựng các đoàn thể Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Tỉnh hội Việt Minh do đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ nhiệm. Cuối năm 1946, toàn tỉnh có 54 chi hội Việt Minh (không kể các chi hội trong quân đội).

Có thể nói, trong năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách, nhưng công tác xây dựng Đảng ở Bắc Kạn đã giành được những thành tích rất quan trọng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương và Xứ uỷ Bắc Kỳ, với những kết quả bước đầu đã giành được, Đảng bộ Bắc Kạn không ngừng vươn lên, lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi trở ngại, giữ vững thành quả cách mạng.

3. Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng

Trước những khó khăn, phức tạp sau ngày tuyên bố độc lập, để bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp nhằm đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo. Ngày 3-9-1945,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ, đề ra nhiệm vụ cấp bách lúc bấy giờ đối với nhân dân ta là chống nạn đói, chống nạn dốt và các tệ nạn xã hội khác; tổ chức tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu; xoá bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò; thực hiện tín ngưỡng tự do; lương giáo đoàn kết¹. Tiếp đó, Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", chỉ rõ nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta là: "Củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân".

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ đã kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể, hướng dẫn nhân dân tham gia vào cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền, kiên quyết đập tan mọi âm mưu của bọn phản động, ổn định tình hình. Vấn đề xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu đối với Đảng bộ. Chính vì vậy, ngay trong những ngày sục sôi của Cách mạng Tháng Tám, theo chủ trương của Tỉnh uỷ, Hội nghị đại biểu nhân dân họp tại Phủ Thông, bầu ra Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh, do đồng chí Nông Văn Lạc

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.7-9.

làm Chủ tịch¹.

Đối với bọn tay sai và tổ chức "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội", một mặt ta chủ trương phân hoá, cô lập, kiên quyết trừng trị bọn đầu sỏ, mặt khác kiên trì giáo dục và thuyết phục những người lầm lỗi trở về với cách mạng. Ta đã thành lập Ty Hoa kiều để tổ chức, giáo dục, vận động người Hoa... Nhờ những biện pháp đó, nhân dân Bắc Kạn cùng với các địa phương đã phá tan âm mưu thâm độc của quân Tưởng lợi dụng thời gian lưu trú trên dọc đường hành quân để khiêu khích lật đổ chính quyền cách mạng. Sau vụ gây rối của bọn tay sai của Tưởng ở Bản Thi (Chợ Đồn) và hoạt động ở những nơi khác của bọn chúng bị ta đập tan, đồng bọn của chúng ở Dài Khao, Pác Nặm không dám công khai hoạt động. Lực lượng vũ trang của ta đã tấn công bọn phản động lén lút ở vùng rừng núi hiểm trở, nhằm ngăn chặn tội ác của chúng. Thông qua những biện pháp này, uy tín của chính quyền cách mạng được nâng cao trong quần chúng.

Để giữ vững và củng cố thành quả cách mạng, thực hiện Sắc lệnh số 14-SL ngày 8-9-1945 của Chính phủ lâm thời về Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, Đảng

1. Tháng 10-1945, Tỉnh uỷ họp phiên đầu tiên sau ngày giành được chính quyền đã phân công lại bộ máy lãnh đạo cấp tỉnh. Theo quyết định của Hội nghị, đồng chí Nông Văn Quang làm Bí thư, đồng chí Nông Văn Lạc làm Chủ nhiệm Việt Minh và đồng chí Dương Mạc Thạch làm Chủ tịch tỉnh.

bộ và nhân dân Bắc Kạn đã khẩn trương chuẩn bị bầu cử tham gia cuộc vận động chính trị rộng lớn, xây dựng nền dân chủ cộng hoà diễn ra lần đầu tiên trên đất nước ta. Ngày 6-1-1946, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Bắc Kạn đã hăng hái tham gia cuộc Tổng tuyển cử, thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân với tuyệt đại đa số cử tri đi bỏ phiếu. Các ông Nông Văn Lạc (dân tộc Tày) và Hoàng Hùng Sơn (dân tộc Dao) đã được cử tri Bắc Kạn bầu làm đại biểu Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sau ngày bầu cử Quốc hội, các cử tri lại hăng hái tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh và xã khoá đầu tiên. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp này đã được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các dân tộc và giành được thắng lợi ở khắp nơi trong tỉnh, kể cả các vùng xa xôi, hẻo lánh. Tiếp đó, Hội đồng nhân dân các cấp đã bầu ra Ủy ban hành chính cấp mình, thay thế cho các Ủy ban nhân dân lâm thời được thành lập trước đó. Vì vậy, chính quyền dân chủ nhân dân được củng cố kiện toàn một bước, trở thành công cụ sắc bén trong việc chống thù trong giặc ngoài, xây dựng chế độ mới. Tiếp theo đó, theo chủ trương của Chính phủ, Ủy ban bảo vệ các cấp cũng được xây dựng (ít lâu sau đổi tên là Ủy ban kháng chiến bao gồm đại biểu Ủy ban hành chính, đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu

quân sự)¹.

Để đối phó với dã tâm xâm lược của đế quốc và những hành động chống phá của bọn tay sai phản động, Đảng bộ đã chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang, vận động ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt, tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình ở thị xã, thị trấn, phản đối cuộc xâm lược của thực dân Pháp, biểu thị quyết tâm chiến đấu và chiến thắng vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến dấy lên mạnh mẽ trong toàn tỉnh. Hàng nghìn thanh niên đăng ký gia nhập lực lượng vũ trang, sẵn sàng lên đường vào Nam chiến đấu. Ngày tiễn đưa thanh niên Nam tiến được tổ chức trọng thể tại thị xã Bắc Kạn được gọi là "Đại hội 5 châu" (5 huyện). Cũng trong thời gian này, nhiều thanh niên Bắc Kạn còn tham gia chiến đấu tiêu diệt bọn Quốc dân đảng ở Vĩnh Yên, Yên Bái. Trong phong trào Nam tiến năm 1945, Bắc Kạn đã gửi hai đại đội tham gia, trong đó có một đại đội tham gia đoàn quân Nam tiến đầu tiên, xuất phát từ Hà Nội, ngày 26-9-1945, lên đường vào Nam chiến đấu.

1. Tháng 10-1947, Uỷ ban kháng chiến và Uỷ ban hành chính theo sắc lệnh của Chính phủ, sáp nhập thành Uỷ ban kháng chiến kiêm hành chính và từ tháng 3-1948 là Uỷ ban kháng chiến - hành chính.

Đồng thời với phong trào Nam tiến, được sự giúp đỡ của đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng lực lượng dân quân du kích cũng từng bước được xây dựng và tăng cường¹.

Để khắc phục những hậu quả nặng nề do chế độ cũ để lại, sau khi giành được chính quyền, Tỉnh uỷ đã đề ra nhiều biện pháp nhằm vượt qua khó khăn, xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, giáo dục, cải thiện đời sống nhân dân. Chính quyền cách mạng đã tuyên bố xoá bỏ thuế thân, thuế chợ cùng nhiều thứ thuế bất công khác do đế quốc phong kiến đặt ra. Ở nhiều nơi ta đã tiến hành tịch thu ruộng đất của thực dân và Việt gian chia cho dân cày nghèo, xoá bỏ những món nợ lâu đời ở nông thôn, mang lại những quyền lợi thiết thực ban đầu cho người lao động.

Hưởng ứng phong trào "Quỹ độc lập" và "Tuần lễ vàng" của Chính phủ, tháng 10-1945, Uỷ ban nhân dân lâm thời Bắc Kạn đã vận động nhân dân trong tỉnh tham gia phong trào có ý nghĩa to lớn này. Trong dịp thực hiện cuộc vận động, nhân dân Bắc Kạn đã góp được trên 7 vạn đồng, hàng chục lạng vàng, bạc, mâm đồng, nồi đồng, hơn 1000 con trâu, bò, gần 500 tấm vải...

1. Tại Bắc Kạn có Trung đoàn 72 bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn. Sau đó theo Huấn lệnh số 101/BD đề ra phương châm đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, các tiểu đoàn 43 và 49 được tổ chức thành 5 đại đội độc lập hoạt động tại các huyện trong tỉnh.

Để khắc phục nạn đói đang đe dọa, Đảng bộ và chính quyền cách mạng đã phát động phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, vận động nhân dân chống giặc đói, thực hiện khẩu hiệu: "Không một tấc đất bỏ hoang". Phong trào "nuông cơm sẻ áo", "hũ gạo cứu đói", "hũ gạo gửi vào Nam" được nhân dân hưởng ứng tự nguyện.

Nhằm đẩy mạnh một bước phát triển kinh tế, tỉnh đã dành một phần ngân sách cho nông dân vay mua sắm trâu bò, nông cụ. Riêng năm 1947 đã cho 226 hộ vay 33.000 đồng¹. Để tăng gia sản xuất, ngoài trồng lúa, đồng bào còn trồng thêm hoa màu ngắn ngày, tương trợ nhau trong sản xuất. Kết quả thu hoạch mùa màng năm 1947, cả tỉnh cấy được khoảng 700 mẫu, đạt tổng sản lượng 360 tấn thóc; gieo trồng 2.800 mẫu ngô, 22 mẫu khoai, 290 mẫu sắn, trồng được 75 mẫu lạc, 91 mẫu vừng, 129 mẫu đỗ tương, 95 mẫu bông, 51 mẫu mía, v.v..

Trước yêu cầu khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, tỉnh còn thành lập một số cơ quan chuyên môn như khuyến nông, khai hoang di dân, tín dụng sản xuất, v.v.. Liên tiếp trong hai năm 1946, 1947, sản xuất được mùa, tạo nên sự phấn khởi cho nông dân các dân tộc.

Song song với việc củng cố chính quyền, giải quyết nạn đói, ổn định đời sống, cuộc vận động chống giặc đói

1. Giá gạo thời điểm năm 1947 là 6,5 hào/1kg.

đã được các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Ngày 8-9-1945, Chính phủ đã thành lập Nha bình dân học vụ. Cuối tháng 9-1945, Bắc Kạn đã thành lập Ty Tiểu học vụ và Ty Bình dân học vụ. Sau đó, tại các huyện cũng đã thành lập Ban Bình dân học vụ.

Ở khắp mọi bản làng, thôn xóm, phong trào học tập văn hoá đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi với phương châm: người biết chữ dạy người chưa biết chữ như Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi. Nhiều cán bộ đã được tỉnh cử đến các bản làng xa xôi để vận động nhân dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ, thông qua đó tuyên truyền vận động đồng bào thực hiện chính sách mới ở nông thôn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ đã được tổ chức khắp nơi, thu hút hàng ngàn người đến dự. Qua hơn một năm, tỉnh Bắc Kạn đã có hơn 6.000 người thoát nạn mù chữ.

Cùng với cuộc vận động thanh toán nạn mù chữ, Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã chú ý xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông. Trong điều kiện hết sức khó khăn ở địa phương sau khi giành được chính quyền, nhưng nhiều trường lớp đã được xây dựng cho con em đến học. Là nơi có phong trào giáo dục mạnh ở Bắc Kạn, huyện Chợ Đồn đã mở thêm 5 lớp học cho con em người Dao ở vùng Cốc Phường, Nà Pa (Quảng Bạch), Kéo Màng (Bản Ty), Nà Danh (Nghĩa Tá), Bản Ca (Bình

Trung). Ngoài ra, huyện còn mở lớp đào tạo giáo viên cho hơn 40 người tại bản Đỉnh (xã Tân Lập). Ngay năm học đầu tiên 1946-1947, cả tỉnh đã có 76 trường và lớp học, 93 giáo viên và 2.268 học sinh. Đó là những thành tích đáng tự hào của Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã giành được góp phần cho sự phát triển tương lai của quê hương và dân tộc.

Để nâng cao toàn diện đời sống của nhân dân, hưởng ứng cuộc vận động xây dựng đời sống mới, thông qua các đoàn thể quần chúng, tổ chức Đảng đã vận động nhân dân từng bước xoá bỏ các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại như: cờ bạc, thuốc phiện, mê tín dị đoan...; giảm bớt các hủ tục trong phong tục tập quán cổ truyền. Ty y tế được thành lập đã xây dựng các phòng phát thuốc ở một số huyện và giành một phần kinh phí mua thuốc chữa bệnh cấp phát cho nhân dân.

Ở một số địa phương, các đội văn nghệ của huyện đã ra đời, được trang bị các nhạc cụ dân tộc như chiêng, trống, đàn tính... tổ chức các đêm liên hoan văn nghệ ở các xã, dạy các bài hát cách mạng cho thanh niên....

Trong hơn một năm giữ gìn, xây dựng và củng cố nền cộng hoà non trẻ, chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh Bắc Kạn dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng đã nhanh chóng củng cố lực lượng, huy động được sức mạnh tổng hợp của nhân dân, nhanh chóng đẩy lùi nạn đói, bước đầu tiến hành diệt giặc dốt, vượt

qua những thử thách to lớn, đè bẹp mọi lực lượng thù địch, giữ vững và phát triển thành quả của Cách mạng Tháng Tám, cùng cả nước chi viện sức người, sức của cho Nam Bộ kháng chiến.

Những thắng lợi to lớn trên đây đã tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần cần thiết để nhân dân Bắc Kạn cùng với nhân dân cả nước vững tin vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, xây dựng Bắc Kạn trở thành một trong những căn cứ địa vững chắc của cuộc kháng chiến thần thánh.

II. XÂY DỰNG AN TOÀN KHU, CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC NĂM 1947

Thực hiện âm mưu cướp nước ta một lần nữa, từ tháng 9 năm 1945 đến giữa năm 1946, thực dân Pháp lần lượt đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tháng 11-1946, chúng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Ngày 18-12-1946, chúng gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta, buộc ta phải chấp nhận các điều kiện do chúng đặt ra.

Trước tình hình đó, ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã họp tại Vạn Phúc (Hà Tây) quyết định phát động cuộc kháng chiến trên toàn quốc. Đêm 19-12-1946, quân và dân Hà Nội nổ súng tấn công mở đầu cho toàn quốc kháng chiến. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí

Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"¹.

Ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến", đề ra những nét cơ bản nhất về đường lối kháng chiến của toàn Đảng và toàn dân ta.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã nhất tề đứng dậy, sẵn sàng đối phó với tình hình chiến sự khi xảy ra.

Ngay từ tháng 11-1946, Trung ương Đảng ta đã ra chỉ thị cho các tỉnh, thành ở ngoài Bắc: phải đặt địa phương vào tình trạng kháng chiến. Để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh trở lại Việt Bắc, chuẩn bị mọi mặt cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho cuộc kháng chiến, xây dựng căn cứ chống Pháp.

Giữa tháng 12-1946, sau khi nghiên cứu khảo sát thực tế, đội công tác đặc biệt của Trung ương đã chọn địa phận các huyện Định Hoá, Đại Từ, Võ Nhai (Thái Nguyên), Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã (Bắc Kạn), Sơn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t. 4, tr. 480.

Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) mà trung tâm là Định Hoá, Chợ Đồn, Sơn Dương, Yên Sơn làm nơi xây dựng an toàn khu (ATK) của Trung ương. ATK là nơi đảm bảo an toàn cho các cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ.

Từ cuối năm 1946, đầu năm 1947, tại ATK Chợ Đồn, đã tiếp nhận một số công xưởng, kho tàng của nhà nước phục vụ cho kháng chiến như: Xưởng quân giới của Trung ương và nơi đặt máy in tiền của Bộ Tài chính tại Bản Ty, cơ quan vô tuyến điện, Nha nghiên cứu quân sự ở Phia Khao. Nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, quân đội đã từng ở ATK Chợ Đồn như: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Văn Thái...

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, do vị trí trung tâm của căn cứ kháng chiến, hầu hết các xã của bốn huyện Chợ Đồn, Bạch Thông, Chợ Rã, thị xã Bắc Kạn đều có các cơ quan Trung ương đóng như Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Cứu quốc, Báo Độc lập, các Bộ ngoại giao, Tư pháp, Nội vụ, v.v..

Trước yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, thực hiện các chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến. Một trong những vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu là củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển dân quân,

tự vệ. Trên cơ sở lực lượng vũ trang được xây dựng trước và trong Cách mạng Tháng Tám, phần lớn các cán bộ chiến sĩ có năng lực và kinh nghiệm đã được điều động tham gia các đơn vị chủ lực. Vì vậy lực lượng vũ trang Bắc Kạn trước yêu cầu mới gặp rất nhiều khó khăn. Từ giữa năm 1946 trở đi, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được triển khai khẩn trương. Cùng với việc thành lập Ủy ban Bảo vệ cách mạng, phong trào dân quân tự vệ được xây dựng. Đầu năm 1947, Tỉnh đội dân quân được thành lập, làm cơ sở xây dựng cơ quan quân sự các cấp như Huyện đội và Xã đội dân quân. Tính đến tháng 4-1947, tỉnh Bắc Kạn đã củng cố và xây dựng mới được 17 đại đội, riêng Bạch Thông, huyện trọng điểm chỉ đạo của tỉnh, đã xây dựng được 6 đại đội (đặc biệt ở Chợ Mới và Yên Đĩnh xây dựng được một đại đội nữ dân quân); một số cơ sở như thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới, Chợ Rã, Chợ Đồn, Phủ Thông... còn xây dựng các đơn vị thoát ly sản xuất, được trang bị vũ khí và huấn luyện tốt.

Tại hầu hết các xã trên địa bàn tỉnh đều có các trung đội hoặc đại đội dân quân xã (liên xã). Quán triệt phương châm toàn dân kháng chiến của Trung ương, Đảng bộ đặc biệt chú trọng việc vũ trang toàn dân kháng chiến, xây dựng dân quân du kích vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa phục vụ chiến đấu.

Nhân dân các dân tộc Bắc Kạn, mặc dù còn rất

nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng đã nhiệt tình quyên góp tiền, bạc, trâu bò, lợn để chuẩn bị kháng chiến. Chi em các dân tộc ngoài việc tham gia dân quân, luyện tập quân sự, còn động viên chồng con lên đường tòng quân, khâu túi đựng lương thực, áo quần, mũ, giày.... ủng hộ bộ đội.

Cán bộ, đảng viên và đồng bào thị xã Bắc Kạn thực nhiệm vụ của hậu phương kháng chiến đã đón tiếp nhiều đồng bào ở miền xuôi và các tỉnh bạn lên tản cư và di cư. Ủy ban đã vận động nhân dân các dân tộc đón tiếp, giúp đỡ chỗ ở cho khoảng 2 vạn đồng bào từ các nơi đến. Ủy ban cũng vận động nhân dân tham gia giúp các cơ quan đơn vị ở Trung ương và Hà Nội tập kết tại địa phương. Ở khu vực thị xã và phụ cận, số lượng dân cư tăng lên rất nhanh, không khí kháng chiến diễn ra nhộn nhịp, khẩn trương. Từ cuối năm 1946 đến trước thu-đông năm 1947, thị xã Bắc Kạn được mệnh danh là "Thủ đô kháng chiến". Vì thế đến cuối tháng 8-1947, công tác "tiêu thổ kháng chiến" mới được triển khai. Một số đơn vị được lệnh phá các công trình kiên cố trên đồi Chánh sứ và đồi Giám binh cũ, một số đồn bốt và nhà cửa trong khu vực quy định. Ở các vùng nông thôn rộng lớn, toàn dân đã tham gia phong trào "Vườn không nhà trống", cất giấu, tích trữ lương thực, thực phẩm, chuẩn bị cho kháng chiến. Thị xã Bắc Kạn và vùng xung quanh đã tổ chức nhân dân cắm chông trên các ruộng, bãi trống trải, phòng địch nhảy dù.

Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới, thực hiện cuộc vận động "Thi đua phát triển Đảng" từ tháng 4 đến tháng 6-1947 và đợt phát triển Đảng "Lớp Tháng Tám", Đảng bộ Bắc Kạn được tăng cường một cách nhanh chóng. Để tạo điều kiện cho các đơn vị làm tốt công tác này, trong tháng 8-1947, Tỉnh uỷ đã tiến hành đợt "Chấn chỉnh các châu uỷ" (tức Huyện uỷ). Cho đến thời điểm này, ở tất cả các huyện đều đã thành lập huyện uỷ (châu uỷ); xây dựng các chi bộ xã và liên xã (đối với những nơi chưa có tổ chức cơ sở Đảng). Qua hai đợt phát triển Đảng, Đảng bộ Bắc Kạn đã kết nạp thêm 375 đảng viên mới, làm tiền đề quan trọng để kiện toàn bộ máy tổ chức của Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp, đủ sức đối phó với tình hình chiến tranh khi chiến sự lan rộng.

Cuộc kháng chiến toàn quốc của dân ta với ý chí "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến đã làm thất bại bước đầu âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của địch. Sau 6 tháng tiến hành chiến tranh, quân Pháp đã lâm vào tình trạng khó khăn: hàng vạn tên bị tiêu diệt, chi phí chiến tranh lên tới 18 tỷ phrăng. Tháng 5-1947, Bôla được cử sang thay thế Đácgiăngliơ làm Cao uỷ Liên hiệp Pháp ở Đông Dương. Ngày 10-9-1947, Bô la tuyên bố phủ nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta và đưa ra những quy

định nhằm thiết lập lại chế độ cũ của Pháp ở Đông Dương. Để thực hiện ý đồ đó, chúng âm mưu tiến hành một cuộc tấn công quân sự lên Việt Bắc nơi căn cứ kháng chiến của ta, nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến, giành thắng lợi quân sự quyết định.

Ngày 15-9-1947, Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Sửa soạn phá những cuộc tấn công lớn của địch" vạch trần ý đồ trắng trợn của Pháp, khẳng định quyết tâm chiến đấu giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước của nhân dân ta, đồng thời nhận định địch có thể "đánh xuyên mũi dùi, đánh vòng thật rộng, nhảy dù, đổ bộ sau lưng ta".

Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc do Xalăng, Tư lệnh chiến trường Bắc Đông Dương chỉ huy, bao gồm hai bước:

Bước một bao vây Việt Bắc, bước hai càn quét vùng địa giới ba tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn. Chúng đã huy động một lực lượng quân sự lớn gồm hơn 1,2 vạn quân gồm năm trung đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn dù, hai tiểu đoàn pháo binh, một thủy đội gồm 40 tàu và một số lính thủy đánh bộ, chia làm ba hướng tấn công lên Việt Bắc.

Theo kế hoạch, quân Pháp sẽ đổ bộ bằng đường hàng không xuống Bắc Kạn, nơi chúng nghi có cơ quan đầu não của ta nhằm "bắt gọn Chính phủ kháng chiến".

Đồng thời, chúng tiến quân theo hai hướng tạo thành gọng kìm bao vây Việt Bắc: hướng đông theo Quốc lộ số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, có một bộ phận tiến xuống Bắc Kạn, tạo thành gọng kìm sau lưng.

Sáng ngày 7-10-1947, địch bắt đầu cho quân nhảy dù xuống Bắc Kạn. Trong hai ngày 7 và 8 tháng 10, gần 2000 quân nhảy dù xuống khu vực thị xã, Chợ Mới, Chợ Đồn. Sau đó, ngày 15-10-1947, từ thị xã chúng kéo quân lên chiếm đóng Phủ Thông. Ngày 16-10, từ Phủ Thông chúng kéo lên chiếm đóng huyện lỵ Chợ Rã, từ Cao Bằng theo Quốc lộ số 3 kéo xuống chiếm đóng Bành Trạch, Bằng Khẩu, Nà Phặc và huyện lỵ Ngân Sơn.

Tuy Trung ương Đảng ta đã dự đoán và có chủ trương trước để đối phó với âm mưu của địch nhưng vẫn có tư tưởng chủ quan cho rằng địch không dám tấn công táo bạo, chưa dám đánh Việt Bắc, không dám nhảy dù, đổ bộ ra “căn cứ”, nên trước hành động của địch, ta đã có không ít xáo trộn và bị động¹. Tại thị xã, nơi chịu mũi dùi chủ yếu và mở đầu trong cuộc tấn công của địch, tình hình gặp rất nhiều khó khăn. Lực lượng vũ trang tuy đông và có trang bị khá nhưng do chủ quan, nên không chớp được những điều kiện khách quan ban đầu để tiêu diệt địch. Đông đảo cán bộ, nhân dân, các cơ

1. Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 168.

quan, kho tàng, xí nghiệp còn lại trong thị xã bị địch tấn công, uy hiếp.

Tối ngày 7-10, Thường vụ Trung ương Đảng đã điện cho các khu uỷ, quân khu uỷ: 7-10, Pháp nhảy dù chiếm Bắc Kạn, Chợ Mới, mưu tấn công Việt Bắc. Vậy đoàn thể (chỉ Đảng trong thời kỳ bí mật) ra lệnh Khu uỷ và Quân khu uỷ chỉ huy bộ đội đánh mạnh để chia sẻ lực lượng địch và phá kế hoạch chúng”¹.

Ngày 8-10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi toàn thể đồng bào ra sức giết giặc. Người phân tích ý định địch hội quân ở Bắc Kạn tạo cái ô bọc lấy Việt Bắc, rồi chúng cụp ô lại, dưới đánh lên, trên đánh xuống, phá cơ quan đầu não của ta. Người chỉ rõ, địch mạnh ở hai gọng kìm, gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống sẽ thành cái ô rách.

Ngày 9-10-1947, Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị cần kíp cho các đồng chí lãnh đạo Bắc Kạn kịp thời đánh địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ cơ quan, kho tàng.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị: “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”, trong đó khẳng định: “cuộc tấn công này của địch không chúng tỏ chúng mạnh, có đủ sức đánh ta khắp các mặt trận, mà tỏ ra chúng yếu, phải mạo hiểm”.

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)*, sdd, tr.64.

Ta phải “Làm cho địch thiệt hại nặng để không thể gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này; giữ vững chính quyền dân chủ, phá vỡ bất cứ chính quyền bù nhìn nào”¹.

Căn cứ vào các chỉ thị của Trung ương và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã nhanh chóng vượt qua những khó khăn ban đầu, chủ động đánh địch.

Ngay trong ngày đầu tiên 7-10-1947, sau khi rút khỏi thị xã, một số đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính cùng với các đồng chí chỉ huy tỉnh đội, huyện đội dân quân đã họp khẩn cấp tại Bản Áng (xã Huyền Tụng, Bạch Thông nay là phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn) để ra những nhiệm vụ cần kíp như: lập tức huy động lực lượng vũ trang ra chiến đấu với địch, di chuyển các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp xung quanh thị xã đến nơi an toàn, bảo vệ và hướng dẫn đồng bào tản cư...

Ngày 9-10-1947, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp tại Bản Đán, xã Đôn Phong (Bạch Thông) do đồng chí Dương Thiết Sơn, Bí thư Tỉnh uỷ chủ trì, để ra các nhiệm vụ cấp bách khác như: tổ chức liên lạc với Khu, bảo vệ giúp dân gặt lúa, vận động nhân dân triệt để làm

1. Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1950), sdd, t.I, tr.150.

vườn không nhà trống, không làm việc, không tiếp tế, không dẫn đường cho địch, tổ chức phá hoại giao thông...¹.

Thực hiện các nghị quyết trên, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn nhanh chóng tiến hành di chuyển các cơ quan và tài sản đến những nơi an toàn. Khắp nơi, toàn dân hưởng ứng phong trào làm vườn không nhà trống, tập trung thu hoạch lúa mùa.

Trên mặt trận quân sự, ngay từ phút đầu, quân và dân Bắc Kạn đã chiến đấu dũng cảm tiêu diệt địch và giam chân chúng ở những nơi chúng đóng quân. Tại thị xã, khi địch tập kích, một số cán bộ và cơ quan Trung ương mới lên bị bao vây, ta đã gặp một số tổn thất. Cụ Bộ trưởng Nguyễn Văn Tố, nguyên Trưởng ban Thường trực đầu tiên của Quốc hội bị giặc bắt và giết hại. Đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh bị lọt giữa vòng vây địch phải trú ẩn trong hầm bí mật của Tỉnh bộ Việt Minh tại thị xã, được sự đùm bọc của nhân dân đã thoát khỏi hiểm nguy². Từ chỗ bị động ban đầu, quân và dân Bắc Kạn đã nhanh chóng tiến lên giành thế chủ động trên chiến trường, tích cực phá hoại giao thông, tổ chức nhiều trận tập kích, phục kích, củng cố vùng tự do kháng chiến.

1. Tháng 6-1947, đồng chí Dương Thiết Sơn, Thường vụ Tỉnh uỷ Phúc Yên được Khu uỷ I điều động lên làm Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Kạn thay đồng chí Nông Văn Quang đi nhận công tác mới. Chủ tịch tỉnh trong thời kỳ này là đồng chí Dương Mạc Thạch. Tỉnh đội trưởng tỉnh đội dân quân là đồng chí Hồng Kỳ.

2. Xem *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943-1995)*, sdd, tr.66.

Tại thị xã Bắc Kạn và vùng xung quanh, khi 800 quân Pháp nhảy dù xuống chưa kịp củng cố đội hình đã bị đoàn Cảnh vệ Bắc Kạn, đại đội độc lập huyện Bạch Thông, đội du kích xã Thanh Mai, Thanh Vận đánh du kích, tiêu diệt nhiều tên.

Ngày 9-10-1947, địch huy động hàng trăm quân đến cướp phá các kho tàng, công xưởng của ta ở Yên Đĩnh (Chợ Mới). Hai tiểu đội du kích xã Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới, chặn đánh địch ở cánh đồng Yên Đĩnh, diệt 5 tên, làm bị thương 6 tên, buộc chúng phải rút lui. Do thất bại này, quân Pháp đã phải gọi máy bay đến ném bom vùng Yên Đĩnh. Phát huy kết quả bước đầu, ngày 13-10-1947, các lực lượng trên lại phục kích tại Km125, 128 trên Quốc lộ số 3 buộc chúng phải quay trở lại Chợ Mới. Ngày 10-10-1947, trung đội du kích Chợ Đồn phối hợp với học viên trường võ bị Trần Quốc Tuấn tiêu diệt địch ở Khéo Phay, không cho chúng càn quét Bản Thi.

Ngày 14-10-1947, địch huy động hai đại đội, tiến từ Chợ Mới lên Bắc Kạn. Du kích xã Cao Kỳ, Hoà Mục đã tổ chức phục kích địch tại núi Khau Chừm (Km 23 Bắc Kạn - Chợ Mới). Lợi dụng địa hình hiểm trở, quân ta đã nghi binh lừa địch làm cho hai đơn vị địch tự bắn vào nhau. Kết quả, 15 tên bị chết, một số khác bị thương.

Tiếp đó, ngày 30-11, du kích xã Yên Đĩnh, thị trấn Chợ Mới, phối hợp với bộ đội chủ lực thuộc Vệ quốc

đoàn, tấn công địch tại đồn Chợ Mới. Cuộc chiến đấu kéo dài hai giờ. Trong trận này, ta tiêu diệt hơn 50 tên địch, đốt cháy một kho quân nhu; phá doanh trại địch, thu một số vũ khí. Quân Pháp hoảng sợ đã phải điều một lực lượng mới thay thế, tiếp tục chiếm giữ vị trí này¹. Quân địch đã phải thú nhận: “Cuộc tập kích Chợ Mới làm cho chúng ta (tức quân Pháp) thiệt hại rất to”. Chiến thắng Chợ Mới có ý nghĩa rất quan trọng. Trên mặt trận đường số 3, đây là lần đầu tiên ta chủ động tấn công tiêu diệt địch ngay tại sào huyệt của chúng, giành thắng lợi vang dội.

Cũng trong ngày 30-11-1947, quân ta tập kích địch ở Phủ Thông, giành thắng lợi quan trọng. Trong tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biểu dương: tiểu đội trưởng Chu Văn Vận một mình giết được 9 tên địch, phá được ba ổ súng máy, cướp được hai súng Brenn, một súng Thompson, lấy súng địch bắn lại địch².

Trong tháng 10-1947, phối hợp với bộ đội chủ lực, du kích và nhân dân Bắc Kạn liên tục tấn công địch ở khắp nơi. Ngày 17-10-1947, tại Nà Khao, du kích Yên Nhuận và trung đội chủ lực thuộc Tiểu đoàn 103 phục kích địch khi chúng hành quân từ Bắc Kạn vào Chợ Đồn, diệt tám tên. Ngày 19-10-1947, du kích Cao Kỳ dùng địa lôi phá hủy ba xe địch, diệt hơn 50 tên.

1. Trong trận này, năm đồng chí Vệ quốc đoàn đã hy sinh.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sđd, t. 5, tr. 367.

Cuối tháng 10-1947, quân Pháp huy động một lực lượng lớn gồm 300 tên tấn công khu vực Đồi phát thanh tiếng nói Việt Nam ở Khang Ninh. Trước sự giáng trả anh dũng của quân và dân Chợ Rã, buộc chúng phải rút lui.

Tại Ngân Sơn, đội du kích do đồng chí Nguyễn Công Cẩn chỉ huy phục kích địch ở đèo Khau Khang, phá huỷ một xe vận tải, diệt bảy tên. Tiếp đó, du kích Lãng Ngâm phục kích đoàn xe tiếp tế của địch tại khu vực Đèo Giàng trên Quốc lộ số 3, diệt năm tên, phá huỷ một xe tăng.

Ngày 15-12-1947, trên Đèo Giàng Quốc lộ 3 (Km 187-188), bộ đội địa phương và dân quân phối hợp với tiểu đoàn 11 chủ lực chặn đánh đoàn xe cơ giới địch giành chiến thắng vang dội, mở đầu cho những trận đánh ngày càng quyết liệt trên đường Bắc Kạn - Cao Bằng. Trong trận này, ta phá huỷ 17 xe cơ giới các loại, diệt trên 60 tên, thu trên hai triệu đồng Đông Dương và nhiều quân trang, quân dụng khác¹.

Song song với các hoạt động quân sự, công tác phá hoại cũng giành được nhiều kết quả. Trên Quốc lộ số 3, nhân dân ta đã đào các hố ổ gà dài 25m và hố cản tăng dài 8 m. Một số đoạn đường hiểm trở bị phá huỷ từng đoạn lớn, nhiều ụ cản được dựng lên khiến cho địch gặp khó khăn khi hành quân bằng cơ giới. Chỉ tính riêng

1. Báo *Sự Thật* số 118, ngày 10-9-1949.

trong Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947, nhân dân Bắc Kạn đã góp trên năm vạn ngày công, đào gần 10 vạn hố cản xe cơ giới với khối lượng trên 200.000m³ đất đá.

Sau hai tháng chiến đấu, quân và dân Bắc Kạn đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên địch, phá huỷ hàng chục xe quân sự, trong đó có xe tăng, thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng. Riêng du kích Bạch Thông đã đánh 25 trận, diệt gần 300 tên. Thực dân Pháp tuy chiếm được thị xã Bắc Kạn và một số huyện lỵ, nhưng chúng bị bao vây cô lập, không thực hiện được ý đồ hai gọng kìm của cuộc tấn công.

Bị tiến công liên tục trên khắp các chiến trường, bị thất bại và khốn đốn về nhiều mặt, sau gần 3 tháng, địch phải lần lượt rút khỏi Việt Bắc chỉ còn chốt giữ các thị xã và một số thị trấn. Quân và dân ta đã chiến đấu kiên cường, biến nơi đây thành “mồ chôn giặc Pháp”. Nhờ đó căn cứ địa được giữ vững, các cơ quan Trung ương được bảo vệ an toàn.

Việt Bắc thu-đông năm 1947 là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp, là mốc khởi đầu của sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa ta và địch, làm phá sản hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, tạo đà cho những chiến thắng tiếp theo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền và các

đoàn thể quân chúng, nhân dân Bắc Kạn tiếp tục cuộc chiến đấu mới, tiến tới giải phóng quê hương.

III. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG

Tấn công lên Việt Bắc thất bại, tháng 12-1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc. Từ năm 1948, chúng buộc phải chuyển hướng chiến lược, chuyển sang đánh lâu dài, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt. Chúng thay thế những cuộc tiến công và hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ, không nhằm trực tiếp tiêu diệt chủ lực của ta mà chủ ý đánh ta về chính trị, kinh tế.

Để thực hiện âm mưu thâm độc đó, chúng vẫn cho quân đóng lại và củng cố năm cứ điểm tại Bắc Kạn là thị xã, thị trấn Phủ Thông (Bạch Thông), Nà Phặc, huyện lỵ Ngân Sơn và Bằng Khẩu (Ngân Sơn). Nhằm trấn giữ Đường số 3, đoạn từ thị xã Bắc Kạn đến đèo Cao Bắc, chúng còn lập thêm một số đồn bốt khác như Nà Cù (Bạch Thông), Bành Trạch (Chợ Rã), Lũng Vài, Lũng Phải, Mèo Đăm (Ngân Sơn). Tại thị xã Bắc Kạn, chúng luôn duy trì một lực lượng quân sự mạnh trên dưới 500 tên. Chúng còn đưa khoảng 200 lính ra chốt các vị trí ở Phủ Thông, Nà Phặc, Ngân Sơn. Riêng Bằng Khẩu, sau những lần bị ta tập kích, chúng vội vàng tăng



Cua Tay Áo, Đèo Giàng, nơi diễn ra trận đánh nổi tiếng của
bộ đội ta trong kháng chiến chống Pháp, ngày 15-12-1947



quân lúc cao điểm lên tới 600 quân, hình thành một cụm gồm hai vị trí sẵn sàng ứng cứu cho nhau. Tại tất cả các cứ điểm, quân địch đều có hỏa lực mạnh, các loại súng lớn 37,75 và 105 ly cùng hệ thống hầm hào, công sự kiên cố.

Về chính trị, chúng thi hành những chính sách hết sức thâm độc. Ngày 10-7-1948, chúng lập nên cái gọi là “Liên bang Tày - Nùng miền Bắc Đông Dương” bao gồm Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn và một phần Bắc Giang. Tại thị xã Bắc Kạn, đầu tháng 5-1948, chúng thành lập “Hội đồng an dân” gồm một số tên tay sai tổ chức lực lượng nguy binh chống phá ta một cách điên cuồng. Từ cuối năm 1948 đến giữa năm 1949, chúng đưa quân tiến hành càn quét xung quanh khu vực đóng quân và dọc các trục giao thông, cướp của, giết người, gây nhiều tội ác với nhân dân ta¹.

Để đối phó với tình hình mới, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng (tháng 1-1948) và công điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi toàn thể cán bộ Khu I,

1. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1949, chúng đã gây cho ta nhiều thiệt hại:

- Ở Bạch Thông: 6 người bị bắn chết, 26 nhà và 29 lán, 64 tá thóc gạo bị đốt. Chúng cướp 10 trâu, 4 bò, 1 ngựa, 12 lợn.
- Ở Ngân Sơn: chúng đốt và mang đi 7.700 gánh thóc, 226 con trâu, 3 bò, 6 lợn.
- Ở Chợ Rã: 17 người bị bắn chết, 53 người khác bị bắt, 4 nhà bị đốt. Chúng bắn chết 15 con trâu và bắt đi 60 con khác.

nhân dịp kỷ niệm một năm toàn quốc kháng chiến¹, tháng 2-1948, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tổ chức Hội nghị quân sự toàn tỉnh ở Thượng Minh (nay là xã Chu Hương, Chợ Rã). Thực hiện nghị quyết của Trung ương, Hội nghị quyết định: tiếp tục củng cố dân quân du kích, ra sức xây dựng bộ đội chủ lực; chủ động mở các chiến dịch đánh mạnh trên các trục đường giao thông, uy hiếp chúng trong các cứ điểm, đặc biệt là ở Phủ Thông và thị xã Bắc Kạn; kết hợp giữa tiến công quân sự với tiến công chính trị, tích cực bao vây kinh tế địch.

Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã chủ động, sáng tạo đối phó với những âm mưu của địch về chính trị. Ta đã vạch trần âm mưu thâm độc của địch, cảnh cáo bọn Việt gian, thông qua nhiều truyền đơn phổ biến ở thị xã, thị trấn. Tại Bằng Khẩu, tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” ngóc đầu dậy, trở thành tay sai đắc lực của Pháp. Chúng tiếp tay giúp Pháp liên hệ với bọn thổ phỉ ở Chợ Rã, Nguyên Bình (Cao Bằng), tham gia chỉ điểm và chống phá cách mạng. Thực hiện chủ trương phá tề trừ gian của tỉnh, bộ đội địa phương và dân quân du kích, được sự giúp đỡ của nhân dân đã tiến hành trừng trị những tên phản động gian ác, có nhiều nợ máu với nhân dân.

Trên mặt trận kinh tế, ngoài việc triệt để tiêu thổ

1. Xem *Bác Hồ với Bắc Thái*, Ty Văn hoá và thông tin Bắc Thái xuất bản, 1978, tr.15-16.

kháng chiến xung quanh các vị trí chiếm đóng của địch và các trục giao thông đã gây không ít khó khăn cho quân địch về hậu cần, Đảng bộ đã phát động phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm. Các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn đã triển khai tốt chủ trương này, tiêu biểu như Trại tăng gia Khuổi Thén của Trung đoàn 72, Trại tăng gia Na Rì của Tỉnh đội. Trong hai năm 1948-1949, mặc dù trong điều kiện tiến hành cuộc kháng chiến khẩn trương, quyết liệt nhưng sản xuất vẫn giành được những thắng lợi quan trọng. Năm 1949, tỉnh đã thu được 7.809 tấn thóc ruộng, 800 tấn thóc rẫy, 1.420 tấn ngô, 300 tấn sắn, 2.000 gánh khoai¹.

Thực hiện phương châm chủ động, khẩn trương, tích cực, quân và dân Bắc Kạn đã mở chiến dịch xuân- hè năm 1948. Mở đầu chiến dịch này một đại đội bộ đội chủ lực phối hợp với đơn vị du kích tập trung huyện Ngân Sơn, tấn công tiêu diệt các vị trí đồn bốt của địch ở Lũng Vài, Lũng Phải, Mèo Đăm và phố Bằng Khẩu, tiêu diệt phần lớn lực lượng của địch.

Từ trung tuần tháng 3 - 1948, với sự tăng cường các đơn vị chủ lực, ta liên tiếp mở các trận tập kích, phục kích trên mặt trận Đường số 3. Đêm 13-3-1948, quân ta

1. Trong thời gian này, Trung ương đã tiếp tế cho Bắc Kạn 1000 tấn thóc gạo, hơn 20 tấn muối để phục vụ kháng chiến thông qua đường thủy ngược sông Cầu từ Thái Nguyên lên Chợ Mới và từ Đầm Hồng (Sơn Dương, Tuyên Quang) sang Bản Thi (Chợ Đồn).

pháo kích cú điểm địch ở Phủ Thông, phá sập phần lớn công sự, doanh trại của địch, diệt gần 70 tên. Quân địch ở thị xã kéo lên ứng cứu bị đánh quyết liệt, buộc phải quay về. Trước nguy cơ vị trí Phủ Thông bị tiêu diệt, quân Pháp vội vàng cho máy bay thả dù tiếp tế lương thực, vũ khí.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5, một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 72 cùng với lực lượng dân quân du kích Bạch Thông tổ chức phục kích đoàn xe tiếp viện của địch trên Quốc lộ số 3 cách thị xã 14 km. Trong trận này, ta đã tiêu diệt 64 tên, phá huỷ 4 xe vận tải. Thắng lợi của trận đánh này làm cho địch lo sợ khi tiến hành tiếp tế bằng đường bộ và chuyển sang tiếp tế đường hàng không cho các cứ điểm là chủ yếu¹.

Trên đà thắng lợi, để đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến trên địa bàn Bắc Kạn, ngày 5-6-1948, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã được tiến hành tại Chè Ngù (Yên Thịnh, Chợ Đồn).

Trên cơ sở phân tích tình hình qua gần hai năm kháng chiến, Đại hội đã khẳng định những thành tích to lớn mà Đảng bộ và nhân dân Bắc Kạn đã giành được, đồng thời chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục. Đại hội đã chỉ ra rằng, chưa đầy 20 tháng, số đảng viên của Đảng bộ đã tăng gần 20 lần, đã thành lập và kiện toàn cấp uỷ các cấp trước tháng 6-1947, kịp thời lãnh đạo

1. Báo *Sự Thật*, số 104 ra ngày 19-12-1948.

nhân dân đối phó với tình hình chiến sự xảy ra. Đại hội chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng quân sự bao gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; tích cực tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, tiến lên giải phóng hoàn toàn quê hương.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 11 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết, do đồng chí Dương Thiết Sơn làm Bí thư¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I, Tỉnh uỷ đã thành lập các ban chuyên môn giúp việc như Đảng vụ, Thanh tra; đồng thời xây dựng trường Đảng tỉnh bao gồm các bộ môn lý luận, văn hoá, nghiệp vụ. Trong vòng một năm từ tháng 6-1948 đến tháng 6-1949 đã huấn luyện cho hàng trăm cán bộ đảng viên.

1. Tính đến tháng 12-1948 (chưa kể trong quân đội), toàn Đảng bộ có 860 đồng chí (trong đó có 416 dự bị), phân chia theo thành phần dân tộc bao gồm: Tày 712, Dao 46, Nùng 33, Kinh 58, H'Mông 1. Toàn tỉnh có 57 chi bộ, trong đó chi bộ xã 36, chi bộ ghép liên xã 3, chi bộ du kích 3, chi bộ cơ quan 16.

Tổng kết thành tích của các Đảng bộ huyện và chi bộ trong hai năm kháng chiến, tỉnh đã khen thưởng xếp loại: nhất (huyện Chợ Đồn); các chi bộ, nhất: Yên Linh (Chợ Rã), nhì: Thảng Lợi (Chợ Đồn); ba: Cao Minh (Ngân Sơn); tư: Quang Phong (Na Rì); khuyến khích: Huyện Tụng (Bạch Thông). Giải đặc biệt: chi bộ thông tin tỉnh. Xem Báo cáo Hội nghị Tỉnh uỷ tháng 12-1946 của Tỉnh uỷ Bắc Kạn. Cho đến tháng 12-1948, lực lượng du kích toàn tỉnh đã lên đến 1540 người (trong đó riêng người Dao có 153), lực lượng tự vệ có 3104 người. Nổi bật là du kích các huyện Ngân Sơn, Bạch Thông.

Trên mặt trận quân sự, việc xây dựng lực lượng được triển khai tích cực, khẩn trương. Ngay từ tháng 2-1948, tỉnh đã thành lập Đại đội Ba Bể, do đồng chí Đức Xung làm Đại đội trưởng, đồng chí Đào Văn Phán làm chính trị viên, trên cơ sở trung đội du kích thị xã. Đại đội được trang bị 4 trung liên, 40 súng trường và một số súng kíp, lựu đạn. Thực hiện chủ trương xây dựng lực lượng của Đại hội Đảng bộ lần thứ I, Tỉnh uỷ đã đề ra nhiều biện pháp nhằm thực hiện thắng lợi chủ trương này, bao gồm:

- Củng cố, phiên chế lại du kích xã cho phù hợp với điều kiện địa lý lấy tiểu tổ, tiểu đội làm cơ sở tác chiến, lấy trung đội làm đơn vị phối hợp.

- Phát triển du kích ở vùng đồng bào H'Mông, Dao để chống lại biệt kích, thổ phi.

- Tăng cường huấn luyện cán bộ xã đội, cán bộ chỉ huy du kích, kiện toàn và tăng cường Ban chỉ huy các xã đội.

- Xây dựng xưởng quân khí của tỉnh, v.v..

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I, quân và dân Bắc Kạn tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự liên tiếp tiến công địch. Đêm 25-7-1948, quân ta đánh địch ở đồn Phủ Thông (Bạch Thông) lần ba. Sau gần ba giờ làm chủ chiến trường, vì thiếu thủ pháo đánh hầm ngầm, quân ta rút lui. Đây là trận đánh địch phòng ngự cứ điểm nhỏ quy mô cấp tiểu đoàn lần

dầu tiên của quân đội ta. Những kinh nghiệm của trận đánh đã được tổng kết và phổ biến kịp thời trong toàn quân, góp phần đánh bại chiến thuật cứ điểm nhỏ của địch. Trong trận này ta giành thắng lợi lớn, gần 100 tên địch bị diệt. Tên đại úy đồn trưởng Các đi nan và tên trung úy đồn phó Các lột đều phải đền tội¹.

Tiếp đó, đêm 26-7-1948, đội biệt động của ta lọt vào thị xã phá nhà máy điện và rải truyền đơn, treo cờ ngay trong tỉnh lỵ².

Trong những ngày tháng 7-1948, quân địch mở nhiều cuộc càn quét lớn xuống xã Mỹ Thanh và dọc Quốc lộ 3 từ thị xã đi Nà Phặc. Tuy nhiên, từ sau chiến thắng Phủ Thông lần thứ ba, ta đã giành lại thế chủ động, buộc địch phải co cụm rút về các cứ điểm đã chiếm đóng. Trên đà thắng lợi, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Huyện uỷ Bạch Thông, ta đã tiến hành củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và phát triển phong trào dân quân du kích. Riêng ba xã xung quanh vị trí địch ở Phủ Thông, tháng 9-1948, ta đã xây dựng trung đội du kích bán thoát ly Đào-Hoa-Sĩ, gồm các chiến sĩ người Dao của ba xã Đào Lâm, Hoa Sơn, Sĩ Bình. Ngay sau khi

1. Lực lượng của ta tham gia đánh đồn có Tiểu đoàn 11 do đồng chí Vũ Yên, Tiểu đoàn trưởng chỉ huy và đại đội pháo binh thuộc Tiểu đoàn 410. (Tiểu đoàn 11 được mang tên Tiểu đoàn Phủ Thông).

2. Quang Chính: *Điểm qua chiến dịch mùa hè năm 1948*, báo *Sự thật*, số 104 ra ngày 19-12-1948.

thành lập, tháng 10 năm 1948, đơn vị đã chủ động tổ chức một số trận phục kích, góp phần làm tiêu hao sinh lực địch.

Cũng trong thời gian này, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, nhiều địa phương đã tiến hành các hoạt động tiêu phi, coi đó là một trong những nhiệm vụ quân sự, nhằm hạn chế sự cấu kết giữa chúng và thực dân Pháp chống phá cách mạng.

Song song với việc tấn công địch bằng quân sự, Đảng bộ Bắc Kạn còn chú ý đẩy mạnh công tác binh vận, tăng cường giáo dục nhân dân vùng tạm chiếm. Tỉnh đã thành lập các Ban địch vận ở thị xã Bắc Kạn và Ngân Sơn. Thông qua đó, ta đã vận động đồng bào không để lương thực, thực phẩm lọt vào tay địch, chống bắt phu, bắt lính. Đồng thời qua công tác địch vận, ta đã cảm hoá được một số tề nguỵ, dụ hàng được một số lính Âu - Phi.

Thi đua với lực lượng vũ trang trên các chiến trường, nhân dân Bắc Kạn tiếp tục đẩy mạnh tăng gia sản xuất để tự túc và đóng góp cho kháng chiến. Tỉnh uỷ đã ra chỉ thị thành lập các Ban Tài chính của Đảng ở các cấp, đồng thời chỉ đạo phát triển các ngành kinh tế. Các địa điểm Thanh Mai, Chợ Mới, Sáu Hai, Lũng Trang được chọn làm nơi họp chợ buôn bán. Nhiều lò rèn, lò đúc được xây dựng để sản xuất nông cụ và đồ gia dụng phục vụ nông nghiệp và đời sống nhân dân. Ở các bản làng, đồng bào trồng bông, kéo sợi, dệt vải, ủng hộ bộ đội và

phục vụ kháng chiến.

Phong trào quyên góp ủng hộ kháng chiến được phát triển rộng rãi trong nhân dân. Giữa năm 1948, ta phát động phong trào phụ nữ ủng hộ Vệ quốc đoàn. Thông qua Hội phụ nữ Cứu quốc với trên 90% chị em tham gia (21.956 người), chị em phụ nữ đã góp hàng vạn đồng ủng hộ mùa đông binh sĩ, hàng ngàn chiếc bánh chưng, bánh khảo và các thực phẩm khác.

Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hoá vẫn được duy trì ở nhiều cơ sở¹.

Năm 1949, cuộc kháng chiến của nước ta bước sang một giai đoạn mới. Trên khắp các mặt trận, quân ta dồn dập tiến công địch, liên tiếp giành được thắng lợi. Ở Bắc Kạn, ta đã chủ động mở nhiều trận tập kích, phục kích. Chiến tranh du kích trở thành phong trào rộng rãi, hoạt động đều khắp, liên tiếp gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong khi cục diện chiến trường đang phát triển có lợi cho ta, ngày 26-6-1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ Bắc Kạn lần thứ II đã được tiến hành tại Bản Thi (Chợ Đồn). Kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I, Đại hội lần thứ II đã khẳng định những thành tích to lớn mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc

1. Tính chung từ tháng 12-1947 đến tháng 2-1948, 76 trường cấp 1 trong đó có 6 trường toàn cấp vẫn mở cửa đón 2.289 học sinh đến lớp tiếp tục học tập. Trong 2 năm 1947, 1948, Bắc Kạn đã thanh toán nạn mù chữ cho 12.000 người.

Bắc Kạn đã giành được; song bên cạnh đó cũng vẫn tồn tại nhiều thiếu sót mà Hội nghị Đảng bộ tháng 1-1949 đã chỉ ra và bàn biện pháp khắc phục. Ở các vùng xung yếu như dọc Quốc lộ số 3, vùng núi phía bắc Chợ Rã, các dân tộc ít người như: H'Mông, Dao... cơ sở Đảng còn mỏng, tỷ lệ nữ còn thấp (khoảng trên 10%). Đại hội cũng đã đề ra phương hướng nhiệm vụ trong tình hình mới về công tác tổ chức, chính sách cán bộ; về dân vận và củng cố chính quyền, hướng tới mục tiêu cao nhất là tiến lên giải phóng quê hương khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Đại hội đã chỉ rõ các nhiệm vụ công tác cụ thể:

- Phát triển Đảng mạnh mẽ khắp nơi.
- Sửa đổi lối làm việc, kiện toàn cấp uỷ, chấn chỉnh công tác lãnh đạo.
- Tích cực vận động quần chúng tham gia kháng chiến.
- Củng cố Uỷ ban kháng chiến hành chính và Hội đồng nhân dân.
- Đánh bật địch ra khỏi thị xã Bắc Kạn.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành gồm 13 đồng chí, do đồng chí Dương Thiết Sơn làm Bí thư.

Trong 6 tháng cuối năm 1949 diễn biến trên chiến trường có nhiều thay đổi nên nhiều mặt công tác do Đại hội quyết định trở nên không phù hợp với tình hình thực tế. Trong điều kiện đó, Đảng bộ đã kịp thời chuyển

hướng chỉ đạo công tác lãnh đạo tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh. Những hạn chế của phong trào mà Đại hội chỉ ra nhìn chung đã được khắc phục. Số đảng viên là cán bộ dân tộc Dao, Nùng, H'Mông tăng gấp hai lần. Chỉ trong thời gian ngắn, 468 quần chúng đã được kết nạp vào Đảng.

*

* *

Thực hiện quyết định của Trung ương về việc mở chiến dịch giải phóng Bắc Kạn vào thu-đông 1949, mùa hè năm 1949, sau khi nghiên cứu chiến trường, công việc chuẩn bị tiến công địch, giải phóng thị xã Bắc Kạn, vị trí tiền tiêu của quân địch trong lòng căn cứ địa Việt Bắc, mở màn cho chiến dịch hè - thu năm 1949 được triển khai khẩn trương. Tỉnh đã thành lập một Ban chỉ huy, do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách làm nhiệm vụ chuẩn bị hậu cần, quấy rối địch trên đường Bắc Kạn - Phủ Thông. Các đơn vị chủ lực tham gia chiến dịch lần lượt tập kết tại phía nam Bạch Thông để chặn chính đội ngũ và quán triệt mục tiêu chiến dịch. Các đơn vị dân quân du kích được huy động tham gia vận tải lương thực, vũ khí, phá hoại cầu đường xung quanh cứ điểm địch. Trên 30.000 ngày công đã được huy động.

Theo kế hoạch, chiến dịch Đường số 3 được mở đầu bằng trận phục kích lớn ở Đèo Giàng, tiếp đó sẽ tấn công

địch ở Phủ Thông và thị xã. Nhưng do địch phát hiện được kế hoạch và các công việc chuẩn bị to lớn của quân và dân ta, để tránh những đòn trừng phạt và nguy cơ bị tiêu diệt, ngày 9-8-1949, sau khi phá phách cướp bóc trong thị xã, quân địch theo Quốc lộ số 3 tháo chạy khỏi thị xã, Phủ Thông, Ngân Sơn, lên Cao Bằng.

Được tin quân địch vội vã rút chạy, Tiểu đoàn 55 thuộc Trung đoàn 72 được lệnh hành quân truy kích. Ngày 17-8-1949, quân ta truy kích địch ở Bằng Khẩu (Ngân Sơn). Tại đây, quân ta đã lập công xuất sắc, phá huỷ 15 xe quân sự, diệt gần 100 tên, thu nhiều chiến lợi phẩm. Với chiến thắng này quân và dân Bắc Kạn đã đập tan hoàn toàn âm mưu chiếm đóng của địch, giải phóng quê hương.

Những chiến công vang dội của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Bắc Kạn gắn liền với vai trò của Trung đoàn 72 hoạt động trên địa bàn. Đây chính là *cơ sở quan trọng góp phần xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đẩy mạnh các hoạt động quân sự và làm nên những chiến công vang dội của quân và dân ta ở Bắc Kạn*. Tên tuổi của Trung đoàn 72 mãi mãi gắn liền với những địa danh lịch sử: Phủ Thông, Đèo Giàng, Bằng Khẩu..., với từng tên bản làng, sông, núi của Thủ đô kháng chiến.

Ngày 24-8-1949, kỷ niệm lần thứ tư Cách mạng Tháng Tám thành công, cuộc mít tinh trọng thể mừng

chiến thắng đã được tổ chức tại sân bay thị xã. Tại cuộc mít tinh này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đọc Nhật lệnh, các lực lượng vũ trang và quần chúng tiến hành diễu binh, diễu hành¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư gửi đồng bào trong tỉnh. Người “thay mặt Chính phủ gửi lời thân ái khen ngợi bộ đội và dân quân du kích cùng đồng bào Bắc Kạn... gửi lời thân ái an ủi đồng bào thị xã Bắc Kạn đã được trở lại trong cánh tay yêu mến của Tổ quốc”.

Người khẳng định và đánh giá: “Trong cuộc kháng chiến trường kỳ của ta, lần này là lần đầu tiên một thị xã quan trọng đã được giải phóng. Cuộc thắng lợi này sẽ làm đà cho những thắng lợi khác to lớn hơn, vẻ vang hơn”.

Người căn dặn: “Quân và dân ta phải luôn luôn nhớ rằng: càng thất bại thì giặc Pháp càng liều mạng, càng dã man. Ta càng gần thắng lợi to, thì càng phải đề phòng gặp khó khăn nhiều”.

“Trái lại, càng thắng lợi... càng phải cố gắng về mọi mặt để giải quyết những sự khó khăn mới và để tiến đến thắng lợi hoàn toàn, để tranh lấy thống nhất và độc lập hoàn toàn và thật sự”².

1. Xem *Ngày chiến thắng*, báo *Sự thật* số 118 ra ngày 10-9-1949.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t. 5, tr. 662.

Trải qua gần hai năm chiến đấu, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Bắc Kạn đã giành được thắng lợi trọn vẹn, Bắc Kạn sạch bóng thù. Trong niềm vui trên quê hương giải phóng, các tầng lớp nhân dân Bắc Kạn nhanh chóng bắt tay vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng hậu phương, tăng cường tiềm lực về mọi mặt, góp phần tích cực cho chiến thắng biên giới thu-đông 1950, đúng lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đồng bào ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng: “đã làm kiểu mẫu trong việc động viên nhân lực, vật lực, tài lực cho kháng chiến”¹, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của tiền tuyến, cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, sdd, t.6.tr.104.

Chương II

XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI (1949-1954)

I. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ III Củng cố HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐỊA PHƯƠNG

Ngay sau khi quê hương được giải phóng hoàn toàn, công việc đầu tiên của Đảng bộ tỉnh là nhanh chóng ổn định tình hình, củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp.

Ngày 10 - 8 - 1949, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ra Chỉ thị số 46 TU/BK "Về các việc mà Đảng bộ Bắc Kạn phải gấp rút làm ngay sau khi địch đã rút khỏi thị xã Bắc Kạn".

Chỉ thị vạch rõ Đảng bộ địa phương phải nắm lấy nhân dân, giữ vững các tổ chức quần chúng, gấp rút củng cố chính quyền, các cơ sở quần chúng ở những nơi địch vừa rút chạy. Các Đảng bộ phải chú ý công tác phòng gian bảo mật, đề phòng bọn Việt gian phản động

chui vào hàng ngũ của ta, tổ chức ngay việc tiếp tế gạo muối cho nhân dân thị xã vừa giải phóng; trù tính ngay việc mua thóc, gạo, muối để dự trữ cho bộ đội và các cơ quan, chính quyền, đoàn thể; ban canh nông phải cung cấp ngay hạt giống cho nhân dân tăng gia sản xuất; ra sức phát triển lực lượng quân sự của tỉnh...

Để nắm vững tình hình các mặt công tác của toàn tỉnh và giúp các huyện, thị củng cố phong trào quần chúng, Tỉnh uỷ đã thành lập năm đoàn cán bộ về kiểm tra tình hình ở các huyện Chợ Rã, Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn, Ngân Sơn. Công tác kiểm tra tập trung vào những mặt chủ yếu sau:

Về chính quyền, kiểm tra tình hình chung của chính quyền trong toàn huyện.

Về quân sự kiểm tra việc xây dựng bộ đội địa phương; sự liên lạc, phối hợp các ngành quân sự với Đảng và chính quyền.

Về dân vận, kiểm tra việc củng cố Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng; kiểm tra đời sống và việc tham gia kháng chiến của nhân dân.

Về kinh tế, kiểm tra kết quả thu hoạch mùa màng, ý thức của nhân dân đối với việc tham gia sản xuất; kế hoạch tăng gia sản xuất...¹

1. Nghị quyết cuộc họp kiểm tra các huyện ngày 7-10-1949 số 45 NQ/BK.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào các dân tộc
tỉnh Bắc Kạn, tháng 2 năm 1951

của địch ứng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh¹. Tháng 10 năm 1949, bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau đó Ủy ban kháng chiến hành chính của tỉnh được bầu lại. Các uỷ ban hành chính kháng chiến huyện, thị cũng được chỉ định thành lập.

Để nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ các cấp, năm 1950, Tỉnh uỷ đã cử sáu đồng chí tỉnh uỷ viên đi học trường Nguyễn Ái Quốc trung ương, 40 bí thư chi bộ xã và cán bộ huyện đi đào tạo ở trường Hoàng Văn Thụ (Trường Đảng của liên khu ở Thái Nguyên), 200 lượt huyện uỷ viên, liên chi uỷ viên đi dự học các lớp ngắn hạn tại trường Phùng Chí Kiên (Trường Đảng của tỉnh). Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh cũng cử nhiều cán bộ đi dự lớp huấn luyện do các ngành Trung ương, liên khu mở và tỉnh, huyện cũng mở các lớp huấn luyện cho cán bộ địa phương mình.

1. Huyện Na Rì có Đinh Duy Thiện (Chánh Thiện) Nguyễn Công Việt, Nông Văn Chàng.

Huyện Chợ Đồn có Nguyễn Đức Thanh (Phó tổng Thanh), Triệu Du Nhuận, Nông Văn Tịnh (Chánh Tịnh).

Huyện Chợ Rã có Hoàng Ngọc Quỳnh, Triệu Văn Hiên, Bàn Văn Tiến, Nguyễn Đình Nam (Chánh Nam).

Huyện Bạch Thông có Phùng Đức Chung (Chánh Chung), Tạ Văn Vinh, Ma Văn Luận, Hà Thiên Chúc (Chánh Chúc), Hoàng Khải Tùng.

Huyện Ngân Sơn có Chu Ứng Bằng, Đinh Trung Bàn, Danh Thắng Hỉ.

Thị xã có Trương Phúc Bảo, Nguyễn Văn Lợi.

Từ năm 1950, theo chỉ thị của Trung ương, Tỉnh uỷ chuyển trọng tâm công tác xây dựng Đảng từ phát triển sang củng cố, tạm ngừng phát triển đảng viên, tập trung nâng cao chất lượng đảng viên và củng cố cơ sở Đảng. Theo báo cáo về tình hình xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh thì từ cuối năm 1949 đến năm 1950, toàn tỉnh đã kết nạp 482 đảng viên đưa tổng số đảng viên lên đến 2115. "Số chi bộ mạnh mặc dầu đã tính với điều kiện chằm chước cũng chỉ mới chiếm 1/3 (23 trong tổng số 69). Số chi bộ trung bình chiếm 1/2"¹. Nhiều cuộc vận động chính trị được phát động. Đầu năm 1950, kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đảng, và kỷ niệm ngày sinh lần thứ 60 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ phát động phong trào thi đua "Rèn luyện đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng". Các cuộc vận động trên được Tỉnh uỷ chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo đến từng cơ sở. Các chi bộ và đảng viên hưởng ứng bằng cách tích cực học tập, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, đã tạo ra sự chuyển biến tư tưởng, hành động của đảng viên, nâng cao vai trò lãnh đạo của các chi bộ, chấm dứt được hiện tượng có chi bộ yếu kém. Một số ít đảng viên mắc khuyết điểm trong sinh hoạt bị hạ tầng công tác, có trường hợp bị khai trừ khỏi Đảng. Các tổ chức Đảng được củng cố vững mạnh hơn.

Để lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn

1. Báo cáo số 11 BC/BK ngày 26-5-1950 và số 6 ngày 15-12-1950.

toàn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập vào tháng 2 năm 1951 tại tỉnh Tuyên Quang. Đại hội đã phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng. Đặc biệt, Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam đã tạo ra niềm phấn khởi, tin tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước cũng như nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc lần thứ I (1951), ngày 26 - 6 - 1951, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ III khai mạc.

Đại hội Đảng bộ đã kiểm điểm đánh giá công tác xây dựng Đảng và công tác lãnh đạo cách mạng của tỉnh trong 5 năm kháng chiến. Đại hội chỉ ra rằng dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Bắc Kạn đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng với đội ngũ 2.116 đảng viên và hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh uỷ đến các chi bộ. Tuy nhiên, với tinh thần phê bình và tự phê bình nghiêm túc, Đại hội Đảng bộ tỉnh nhận định: Công tác xây dựng Đảng còn có những khuyết điểm, thiếu sót đúng như kết luận của Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng là do "Phát triển quá nhanh, và nhiều nơi phát triển không đúng cách đã tăng thêm sự phức tạp về tư tưởng trong



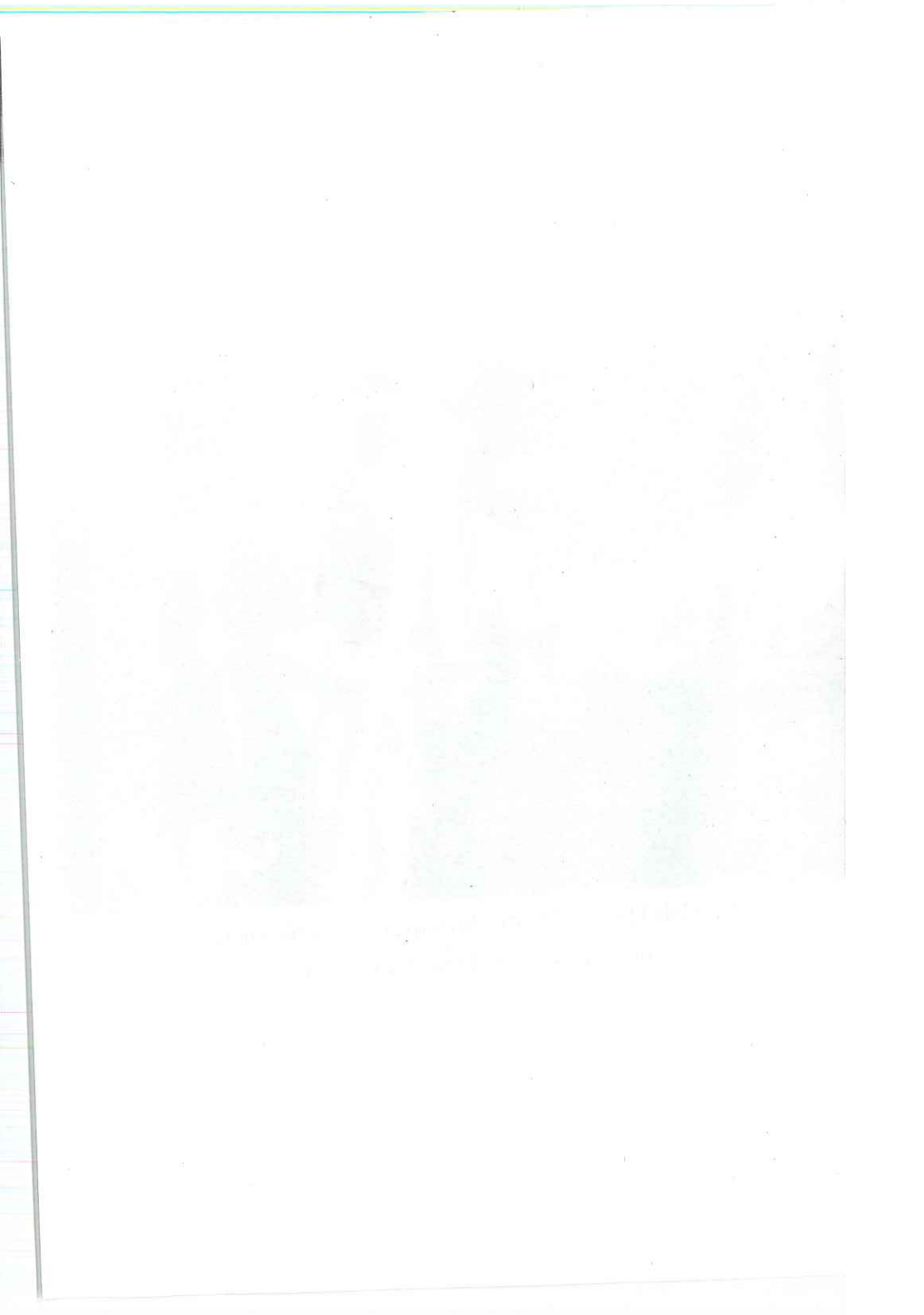
Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận quà tặng (củ sắn) của
nông dân Chợ Đồn, năm 1951



Đảng¹. Nhiều khuyết điểm, thiếu sót trong công tác xây dựng Đảng đã được nêu lên từ các đại hội trước vẫn chưa được khắc phục, sự chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc vẫn tồn tại. Ở các vùng xung yếu, vùng cao, vùng dân tộc ít người như Nùng, Dao, H'Mông, một số vùng là cơ sở Đảng thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám, cơ sở Đảng còn rất mỏng, thậm chí có nơi chưa có đảng viên. Tỷ lệ đảng viên xuất thân từ thành phần cơ bản chưa cao, những quần chúng là phụ nữ chưa được các cơ sở chú ý kèm cặp bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Sức mạnh của đội ngũ đảng viên chưa được phát huy đúng mức, tổ chức cơ sở đảng chưa phát huy được vai trò là hạt nhân của một đảng cách mạng. Ở những nơi tổ chức cơ sở Đảng yếu thì việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng gặp khó khăn.

Từ việc kiểm điểm đánh giá đúng mức thành tích và khuyết điểm, thiếu sót trong công tác xây dựng Đảng nói riêng và công tác tổ chức nói chung, đối chiếu tình hình thực tế với tinh thần nội dung Nghị quyết Đại hội

1. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I (5-8-1948) nhận định trong thời gian chưa đầy 20 tháng kể từ tháng 12-1946, số đảng viên tăng xấp xỉ 20 lần. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II (26-6-1949) nêu rõ trong hơn 10 tháng kể từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, số đảng viên của đảng bộ tăng xấp xỉ bằng cả quá trình phát triển của hơn 6 năm trước đó (chưa tính hơn 400 đảng viên thuộc Trung đoàn 72).



trong phạm vi địa phương, cơ sở mình. Tuân theo điều lệ và nghị quyết mới của Đảng, đại hội các cấp, nhất là các chi bộ cơ sở đã kiện toàn bộ máy và sàng lọc lại đội ngũ. Một số đảng viên không đủ tiêu chuẩn chính trị bị đưa ra khỏi cấp uỷ và các tổ chức cơ sở của Đảng. Sang năm 1952 do có một số cán bộ đảng viên được điều đi nơi khác nên cả tỉnh còn lại là 1950 đảng viên có 66 chi bộ và liên chi bộ, trong đó huyện Bạch Thông có 15 chi bộ, Chợ Đồn 10 chi bộ, Na Rì 8, Ngân Sơn 7, có 6 chi bộ trực thuộc, 6 liên chi chính quyền, 3 liên chi bộ đội ... Đến năm 1954, qua chỉnh đốn Đảng, số đảng viên là 1603, trong đó có 94 dự bị. Dưới tỉnh uỷ có 5 huyện uỷ, 2 đảng uỷ, 1 thị uỷ gồm 109 chi bộ¹. Bộ máy lãnh đạo của huyện và xã được đổi mới. Phần lớn cấp uỷ viên là những đồng chí xuất thân từ các thành phần cơ bản ở nông thôn như bản nông, cố nông và trung nông lớn dưới.

Cùng với việc xây dựng, củng cố Đảng, hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân cũng được xây dựng, củng cố ngày càng vững mạnh.

Sau giải phóng, cơ quan tỉnh về đóng ở thị xã. Tháng 1 năm 1950, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về nhiệm vụ xây dựng bộ đội địa phương; xây dựng chính quyền nhân dân; xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất;

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn: Báo cáo số 30 BC/BK ngày 29-12-1954.

công tác tuyên truyền; tăng gia sản xuất; phát triển văn hoá giáo dục.

Năm 1950, hệ thống tổ chức chính quyền các cấp của tỉnh cơ bản đã hoàn chỉnh. Tỉnh đã chia 25 xã cũ thành 64 xã mới, toàn tỉnh có 103 xã. Đến năm 1954, Nông hội có 17.276 hội viên. Đoàn thanh niên có 33 chi đoàn với 1637 đoàn viên. Công nhân viên chức các cơ quan dân chính đảng là 975 người. Để nâng cao tư tưởng và năng lực công tác của cán bộ, tỉnh luôn chú trọng mở các lớp học, các cuộc chỉnh huấn. Năm 1951, sau đại hội đảng bộ các cấp, tỉnh tập trung giáo dục cho cán bộ, đảng viên các nội dung: Lịch sử tiến hoá nhân loại, chính cương Đảng Lao động Việt Nam, huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho cán bộ và nhân dân Bắc Kạn, đường lối cách mạng và kháng chiến, nguyên tắc xây dựng Đảng, các chính sách thuế nông nghiệp, nghĩa vụ quân sự, các cuộc vận động sản xuất tiết kiệm, chiến dịch cầu đường bảo đảm giao thông, ... Các nội dung học tập đều được vận dụng để đẩy mạnh các phong trào cách mạng ở địa phương.

Theo chỉ thị của Trung ương, đầu năm 1952, Tỉnh uỷ tổ chức khoá chỉnh huấn đầu tiên gọi là chỉnh huấn mùa xuân. Lớp dành cho đảng viên gọi là chỉnh đảng, lớp dành cho cán bộ ngoài Đảng gọi là chỉnh huấn.

Chính việc tổ chức học tập giáo dục lý luận tư tưởng cho cán bộ, đảng viên đã góp phần quan trọng nâng cao



Bác Hồ nói chuyện với các đồng chí trong Tỉnh uỷ Bắc Kạn



chất lượng và củng cố ngày càng vững mạnh các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong tỉnh.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Sau khi giải phóng, nền kinh tế của Bắc Kạn là một nền kinh tế mang tính tự cấp tự túc cao, sản xuất độc canh, manh mún, phân tán, năng suất lao động thấp, công cụ sản xuất lạc hậu. Ở một số vùng cao, vùng sâu kinh tế còn mang đậm tính tự nhiên, sản xuất thô sơ lạc hậu. Sau hai năm địch chiếm đóng nền kinh tế bị tàn phá nặng nề. Chỉ tính riêng ruộng đất xung quanh vị trí chiếm đóng của địch ở thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông đã có tới hàng ngàn mẫu bị bỏ hoang hoá. Để thực hiện âm mưu đánh ta về kinh tế, địch tìm mọi cách giết hại trâu bò. Chỉ trong 5 tháng từ tháng 10 năm 1947 đến tháng 3 năm 1948, quân địch đã giết 2.055 con trâu. Địch hoá lại cộng với thiên tai. Trận lũ lớn vào đêm 16 tháng 10 năm 1950 đã tàn phá trên 2.000 mẫu lúa và bắp. Nạn đói đã diễn ra phổ biến ở các địa phương.

Trước tình hình đó, tỉnh phát động phong trào "tích cực tăng gia sản xuất cứu đói", "toàn dân canh tác"... tích cực khai hoang, phục hoá, đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm, trồng ngô, khoai sắn, đưa giống lúa Nam Ninh ngắn ngày, năng suất cao vào gieo trồng... Tính đến vụ mùa năm 1950, đã có thêm gần 4.000 mẫu được đưa vào

canh tác, gần 1000 mẫu khác chuẩn bị đưa vào sản xuất (chiếm 95% số ruộng hoang hoá).

Đến cuối năm 1950, toàn tỉnh đã căn bản giải quyết được nạn đói trước mắt, đời sống nhân dân ổn định.

Ngày 14 - 9 - 1949, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban hành sắc lệnh mới về giảm tô và quy định về giảm tức, quy chế lĩnh canh và tạm cấp ruộng đất, thành lập hội đồng giảm tô ở cấp tỉnh. Sắc lệnh quy định tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo. Năm 1950, Chính phủ lại ban hành sắc lệnh tạm giao ruộng đất của địa chủ chạy vào vùng địch chiếm và sắc lệnh trưng thu tất cả ruộng đất bỏ hoang để tạm cấp cho dân nghèo. Từ năm 1950, tỉnh đã đẩy mạnh việc triển khai sắc lệnh giảm tô. Chính quyền địa phương đã buộc địa chủ phải giảm tô 25%. Việc giảm tức ở Bắc Kạn khá phức tạp vì dân nghèo vay lãi của tầng lớp trên không chỉ là tiền mà còn là thóc... Chính quyền quy định giảm tức xuống còn 18% nếu là vay tiền, 20% nếu là vay hiện vật, xoá bỏ địa tô phụ, xoá bỏ chế độ quá điền... Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tư (tháng 1-1953) quyết định phát động quần chúng giảm tô, thoái tô, thực hiện giảm tức. Từ năm 1953 đến năm 1955, tỉnh đã thực hiện đợt 3, 4, 5 giảm tô, giảm tức. Bạch Thông và Ngân Sơn là hai huyện hoàn thành công tác phát động quần chúng giảm tô, sớm nhất tỉnh. Cụ thể đã quy 179 người là địa chủ (đấu tố 30, tử hình 4), đã thoái tô 224.028 kg thóc.

Cuộc vận động giảm tô, giảm tức gắn liền với việc tạm cấp ruộng đất cho dân nghèo. Thực hiện sắc lệnh của Chính phủ, tỉnh đã tạm cấp cho dân nghèo ruộng đất của bọn Việt gian và ruộng đất để hoang hoá vắng chủ. Năm 1950, cấp cho dân cày nghèo hơn 20 mẫu, năm 1952, cấp cho dân cày thiếu ruộng 18 mẫu 6 sào ruộng tịch thu của Việt gian và 1.243 bung (10 bung = 1ha) ruộng bị bỏ hoang trên 5 năm. Năm 1953, cấp cho dân cày thiếu ruộng 833 bung.

Giảm tô, giảm tức là chính sách lớn của Đảng và Chính phủ đối với nông dân. Tuy tình hình tô, tức ở Bắc Kạn không gay gắt như các tỉnh miền xuôi nhưng kết quả giảm tô, giảm tức và tạm cấp ruộng đất trong tỉnh đã tạo nên sự tin tưởng phấn khởi cho nông dân nói chung, tạo đà cho việc phát triển sản xuất. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành cuộc vận động giảm tô, giảm tức của tỉnh, đã phạm phải một số sai lầm như phân định thành phần giai cấp một cách máy móc, đưa lên thành phần địa chủ không đúng đối tượng, đặc biệt giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức, xử lý oan một số cán bộ.

Sau đại hội Đảng bộ các cấp, từ năm 1952, phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất được phát động hàng năm có nền nếp và đi vào chiều sâu. Tỉnh và huyện đã mở các lớp huấn luyện về lãnh đạo sản xuất và tổ chức phong trào thi đua cho cán bộ. Sau đó đưa số cán bộ này xuống giúp các cấp uỷ Đảng và chính quyền cơ sở tổ

chức cho đồng bào học tập và phát động thi đua, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất mới. Riêng vụ sản xuất đầu năm 1952, tỉnh đã huy động 274 cán bộ xuống giúp cơ sở, tổ chức học tập cho 12.594 người (trên tổng số 75.000 dân). Các hộ nông dân xây dựng kế hoạch sản xuất và lập giao ước thi đua, sau đó mở đại hội sản xuất để phát động thi đua. Tính đến hết năm 1952, toàn tỉnh có 11.930 hộ xây dựng được chương trình, kế hoạch gia đình và có giao ước thi đua (trên tổng số 13.062 hộ). Nhằm tăng sản lượng lương thực vừa đảm bảo đời sống đồng bào trong tỉnh vừa đóng góp cho kháng chiến, tỉnh vận động đồng bào thay đổi tập quán canh tác một vụ bằng việc tăng thêm vụ chiêm, vụ Nam Ninh. Những nơi không có nước, khí hậu khắc nghiệt thì trồng màu, trồng lúa mạch, lúa rẫy. Năm 1954, tỉnh cho nông dân vay 17.000 kg giống lúa chiêm, cả tỉnh cấy 1.674 bung Nam Ninh, 180.000 ống giống lúa rẫy, 169.873 ống giống bắp, 1.589.981 gốc sắn. Riêng năm 1950, đã trồng được 14,1 kg giống bông thu trên 60 tấn.

Để bảo đảm tăng vụ và tăng năng suất, tỉnh đã phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi. Đến năm 1954 hàng trăm mương phai được tu bổ và làm mới, bảo đảm nước tưới cho khoảng 4.000 mẫu ruộng, trong đó có 1.471 mẫu lúa chiêm và Nam Ninh.

Các tập quán canh tác cũ như cày nông, bừa chày, cấy chạy ... cho năng suất thấp bước đầu được khắc phục. Cuộc vận động cày sâu, bừa kỹ, cấy nhỏ dành tận

dụng nguồn phân và làm phân, chăm bón cây trồng là bước chuyển mới trong thâm canh sản xuất ở miền núi để cho năng suất cao. Tỉnh còn cung cấp các loại giống mới hoặc cho vay giống với những hộ nghèo như giống mạch, lúa Nam Ninh, bắp,... Tổng kết đợt thi đua năm 1953, toàn tỉnh đã bầu được ba chiến sĩ thi đua là cụ Bế Văn Thạch, Lục Văn Linh và Triệu Văn Tài. Cụ Bế Văn Thạch và Lục Văn Linh được thưởng "Huân chương kháng chiến hạng Ba" và được bầu là chiến sĩ nông nghiệp toàn quốc. Các địa phương trong tỉnh cũng bầu được 53 chiến sĩ xuất sắc về cải tiến kỹ thuật.

Phong trào xây dựng tổ đổi công theo chỉ thị của Trung ương đã được thực hiện ở Bắc Kạn. Hình thức đổi công tương trợ nhau trong sản xuất, đời sống vốn là truyền thống tốt đẹp có từ lâu đời trong nông thôn, nhất là ở các làng bản miền núi. Trong kháng chiến, nhiều lao động chính trong các gia đình đi bộ đội, dân công nên hình thức đổi công, giúp công càng cần thiết và phổ biến hơn. Khi có phong trào vận động xây dựng tổ đổi công, đồng bào hăng hái hưởng ứng. Lúc đầu mỗi gia đình chỉ một người tham gia tổ đổi công, chỉ tính công nhật, không bình công chấm điểm. Sau số người tham gia đông hơn, hình thức tổ chức cao hơn, các tổ lập kế hoạch đổi công cho từng vụ và có bình công chấm điểm để khuyến khích tinh thần lao động. Nhiều nơi, tổ đổi công còn làm chính sách xã hội, làm thay phần việc

những người đi dân công, tổ chức lao động gây quỹ ủng hộ các gia đình tở viên nghèo. Năm 1952 đã thành lập được 76 tổ, đến năm 1954 tăng lên 1.193 tổ, thu hút 15.770 nông dân tham gia trong đó Bạch Thông 362 tổ, Chợ Rã 369 tổ, Chợ Đồn 203 tổ, Na Rì 116 tổ, Ngân Sơn 140 tổ, thị xã 3 tổ, đáng chú ý có 92 tổ đồng bào Dao, 9 tổ đồng bào H'Mông, 5 tổ người Hoa. Vào thời điểm từ năm 1952 đến năm 1954, hình thức tổ đổi công là phù hợp với sản xuất nông nghiệp và tình hình nông thôn Bắc Kạn, có ý nghĩa tích cực đẩy mạnh sản xuất, phục vụ kháng chiến. Nhờ có tổ đổi công mà nhiều gia đình neo đơn được hỗ trợ cấy trồng, thu hoạch kịp thời vụ, những người tòng quân, tham gia du kích, đi dân công vẫn yên tâm việc sản xuất ở nhà. Ngay cả ngày mùa vẫn huy động đủ dân công, dân quân du kích tập trung làm nhiệm vụ. Cũng từ phong trào đổi công, cuộc vận động đồng bào rỏ cao xuống núi định canh, định cư bước đầu có kết quả. Cũng thông qua hoạt động của tổ đổi công mà các phong trào chung được đẩy mạnh, tình đoàn kết làng bản được củng cố.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng được phát triển. Những năm 1951, 1952, 1953 dịch bệnh trâu bò xảy ra hầu khắp các huyện nhưng do cố gắng của tỉnh, các vụ dịch nhanh chóng bị khoanh lại và dập tắt. Đến năm 1954, toàn tỉnh có 27.984 con trâu (9.574 trâu cái), 1.161 con bò (384 bò cái), 610 con ngựa (213 ngựa cái).

Thành tích này đã đảm bảo sức kéo, một phần thực phẩm cho địa phương và cung cấp cho miền xuôi hàng nghìn trâu bò cày kéo.

Việc khai thác lâm thổ sản được chú ý. Mỗi năm tỉnh khai thác hàng nghìn mét khối gỗ, hàng chục vạn cây nứa, lá cọ, hàng chục tấn sa nhân, củ nâu, ... Năm 1953, khai thác 1.500 m³ gỗ, trên 40 tấn sa nhân. Năm 1954, khai thác 1930 m³ gỗ, 827.025 cây nứa, 154.605 tàu lá cọ, 44.581 kg sa nhân...

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng được khôi phục và phát triển. Các nghề dệt, rèn, đan lát truyền thống ở các làng, bản, gia đình tiếp tục được duy trì. Rèn có 125 lò, đúc 9 lò, 9 máy bột bông. Riêng đúc lưới cày có cơ sở đúc 12.000 lưới cày một năm; 90% gia đình có khung cửi dệt vải, ngoài ra còn một số nghề mới như khâu nón, dệt chiếu cói, làm than củi. Ty kinh tế tỉnh cũng mở một xưởng dệt vải khổ rộng, mở xưởng làm giấy... Các ngành nghề này đã đáp ứng một phần nhu cầu trong tỉnh như nông cụ, cày, cuốc, dao, xe kéo thô sơ, đồ dùng gia đình.

Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh từng bước phát triển. Chi điểm mậu dịch Bắc Kạn thành lập ngày 1 - 8 - 1951 đã góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế của tỉnh. Ngay từ khi mới thành lập, chi điểm đã phát huy tác dụng trong lưu thông phân phối hàng hoá, cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho đồng bào ở thị xã, thị trấn, các hộ làm nghề buôn bán được chính

quyền cho phép lưu thông các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống như thóc gạo, nông cụ, sa nhân, muối, vải, đường, dầu, v.v. góp phần ổn định đời sống và phá âm mưu bao vây kinh tế của địch.

Công tác y tế chăm lo sức khỏe của đồng bào các dân tộc trong tỉnh là một nhiệm vụ quan trọng vì tình hình bệnh tật nhiều, nhất là sốt rét, thuốc men lại thiếu, kiến thức về vệ sinh còn thấp kém. Từ năm 1947, các huyện trong tỉnh đã thành lập xong các phòng phát thuốc có cán bộ chuyên môn phụ trách. Từ ngày toàn tỉnh được giải phóng, mặc dù còn nhiều khó khăn, tỉnh vẫn quyết tâm mở các lớp đào tạo về hộ sinh, vệ sinh cho cơ sở. Đến năm 1951, toàn tỉnh đã có đội ngũ cán bộ y tế xã trên 200 người. Từ năm 1952, được sự giúp đỡ hỗ trợ của cơ quan y tế cấp trên, ngành y tế tỉnh đã mở lớp đào tạo y tá. Năm 1950, cả tỉnh Bắc Kạn có 8 phòng phát thuốc, 5 nhà hộ sinh. Đến năm 1953 tính bình quân mỗi xã có ba cán bộ y tế bao gồm y tá, hộ sinh, vệ sinh viên, toàn tỉnh có 40 tủ thuốc xã. Tỷ lệ người được chủng đậu cao (67.883 người trên tổng số 75.000 người). Cuộc vận động vệ sinh phòng bệnh được triển khai rộng rãi. Nhiều chuồng gia súc được dời ra khỏi gầm nhà, thường xuyên làm vệ sinh làng bản, đề cao vệ sinh ăn uống. Khi ốm đau, đồng bào bắt đầu tìm đến y tá và được cấp thuốc chữa bệnh. Các vụ dịch lớn đã không xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Ở Bắc Kạn, công tác giáo dục đã được quan tâm từ khi cách mạng thành công. Trong hai năm bị địch chiếm đóng (1947-1949), công tác giáo dục bị gián đoạn. Từ năm 1950, Đảng ta chủ trương tiến hành cuộc vận động cải cách giáo dục và phát triển giáo dục trong vùng giải phóng, công tác giáo dục của tỉnh có điều kiện phát triển, bộ máy làm công tác giáo dục được kiện toàn. Ty Tiểu học vụ đổi thành Ty Giáo dục phổ thông. Ty Bình dân học vụ được đổi thành Ty Bổ túc văn hoá. Hệ thống tổ chức ở cơ sở được khôi phục kiện toàn. Ty Giáo dục chủ động mở các lớp đào tạo giáo viên cấp I để đáp ứng kịp thời nhu cầu mở trường, mở lớp. Ty Bổ túc văn hoá mở các lớp giáo viên bổ túc văn hoá và bình dân học vụ. Ngoài mở các lớp chung, còn mở các lớp riêng cho dân tộc ít người như Dao, H'Mông....

Phong trào bổ túc văn hoá, thanh toán nạn mù chữ ở vùng thấp đã phát triển khá, tỉnh chú trọng đẩy mạnh ở vùng cao. Nhiều "đoàn trợ lực" cho vùng cao được thành lập. Cuộc vận động "bài trừ nạn dốt" được phát triển rộng rãi. Nhờ đó, vùng cao huyện Na Rì và bắc Bạch Thông đã mở được 242 lớp học cho 2.236 học viên trong độ tuổi thanh toán nạn mù chữ. Năm 1951, toàn tỉnh có 109 trường với tổng số 5.833 học sinh cả phổ thông và bổ túc văn hoá. Năm học 1953-1954, mạng lưới trường phổ thông không ngừng mở rộng. Nhiều xã xây dựng trường

lớp mới, mở thêm trường cấp I, các huyện lần lượt mở trường cấp II (riêng Bạch Thông có hai trường). Nhiều biện pháp tích cực như cấp học bổng cho học sinh nghèo, tổ chức ký túc xá... được thực hiện. Do đó cấp I và cấp II cả tỉnh có 384 lớp với 10.645 học sinh, trong đó có 3.993 em là nữ, chiếm 1/7 dân số¹.

Phong trào văn hoá quần chúng phát triển sôi nổi. Các đoàn văn công, các đội chiếu bóng được thành lập. Các đợt vận động ca múa dân tộc, sáng tác thơ, ca dao được hưởng ứng rộng rãi, các cuộc triển lãm đã được tổ chức làm phong phú đời sống tinh thần của đồng bào. Văn hoá, văn học, nghệ thuật các dân tộc ít người được phát triển. Hội văn hoá được thành lập từ cuối năm 1949, có điều kiện tập hợp lực lượng văn nghệ các dân tộc, đẩy mạnh sưu tầm sáng tác. Văn xuôi tiếng Tày có Nông Minh Châu, Nông Viết Toại với những bài ký, truyện ngắn. Kịch nói tiếng Tày có Dương Văn Dinh, Bê Sĩ Ưông... Thơ tiếng Tày có Nông Quốc Chấn. Bài thơ "Dọn về làng" của ông được giải nhì tại Đại hội Thanh niên - sinh viên thế giới ở Béclin năm 1951.

Các tệ nạn xã hội cũng dần dần được khắc phục. Tỉnh vận động tiết kiệm, giảm bớt ăn uống, lãng phí trong các ngày lễ, tết. Tỉnh đã mở những lớp tập trung

1. Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Kạn: Báo cáo "Công tác tăng sản xuất nông nghiệp và vận động quần chúng trong năm kháng chiến" ngày 3-12-1954.